

“Hiệp định Paris về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam - Mốc son thắng lợi trên mặt trận ngoại giao thời đại Hồ Chí Minh”

LỜI GIỚI THIỆU

Trước tình hình Mỹ ngày càng leo thang, dần sâu vào cuộc chiến tranh ở Việt Nam, Nhân dân ta đã kiên cường chống lại đế quốc Mỹ xâm lược, không quản hy sinh, gian khổ. Đi đôi với đấu tranh quyết liệt và thắng lợi to lớn, liên tiếp trên các mặt trận quân sự, Đảng và Nhà nước ta ngày càng chú trọng nâng cao vị thế và vai trò của đấu tranh ngoại giao. Thắng lợi của quân và dân ta trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy đồng loạt ở miền Nam Tết Mậu Thân 1968 làm lung lay ý chí xâm lược của đế quốc Mỹ, là “một sự choáng váng đối với tất cả người Mỹ”. Chính trong tình hình đó, ngày 31/3/1968, Tổng thống Mỹ Giôn-xơn đã tuyên bố: Hy vọng đi tới hội nghị hòa bình với tinh thần “tìm kiếm một nền hòa bình trong danh dự”. Ngày 3/4/1968, Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra tuyên bố sẵn sàng cử đại diện tiếp xúc với Mỹ. Tuy nhiên phải mất 30 ngày, hai bên mới thỏa thuận, thống nhất được địa điểm họp ở Paris theo sáng kiến của ta.

Tình hình thế giới trước ngày diễn ra cuộc hội đàm chính thức giữa ta và Mỹ hết sức phức tạp. Sự đối đầu giữa hai hệ thống xã hội trên thế giới, giữa hai thái cực Liên Xô và Mỹ rất sâu sắc và toàn diện, thể hiện ở cuộc chạy đua vũ trang, phát triển vũ khí hạt nhân. Nhân dân yêu chuộng hòa bình trên thế giới, nhiều giới chính trị, kinh tế, xã hội ở các nước đế quốc lo ngại chiến tranh khu vực phát triển thành chiến tranh thế giới. Do đó dư luận rộng rãi trên thế giới một mặt ủng hộ mạnh mẽ cuộc đấu tranh của Nhân dân Việt Nam chống đế quốc Mỹ xâm lược, mặt khác mong muốn Việt Nam ngồi vào bàn thương lượng để giải quyết chiến tranh Việt Nam bằng phương pháp hòa bình. Trong khi đó, phong trào cộng sản và công nhân quốc tế cũng như hệ thống xã hội chủ nghĩa xuất hiện những mâu thuẫn bất đồng.

Đứng trước tình hình phức tạp trên, Đảng và Nhà nước ta phải phát huy tinh thần độc lập và tự chủ, phối hợp chặt chẽ các hình thức đấu tranh chính trị, quân sự, ngoại giao; đồng thời tranh thủ đến mức cao nhất sự ủng hộ của Liên Xô, Trung Quốc và các nước xã hội chủ nghĩa khác, cũng như sự ủng hộ tinh thần và vật chất của Nhân dân thế giới. Chúng ta quyết tâm giành những thắng lợi to lớn ở chiến trường, đồng thời giương cao ngọn cờ hòa bình, thiện chí, phân hóa và cô lập đối phương.

Hướng tới kỷ niệm 93 năm Ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (3/2/1930-3/2/2023); nhân kỷ niệm 50 năm Ngày ký Hiệp định Paris về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam (27/01/1973 - 27/01/2023), Thư viện tỉnh Bắc Ninh biên soạn thư mục chuyên đề với chủ đề “***Hiệp định Paris về chấm dứt***

“Hiệp định Paris về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam - Mốc son thắng lợi trên mặt trận ngoại giao thời đại Hồ Chí Minh”

chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam - Mốc son thắng lợi trên mặt trận ngoại giao thời đại Hồ Chí Minh”. Thư mục chuyên đề gồm 03 phần:

Phần 1: Hành trình đến Hiệp định Paris 1973 - Mốc son thắng lợi trên mặt trận ngoại giao thời đại Hồ Chí Minh

Phần 2: 50 năm Hiệp định Paris: Nhìn lại quá trình đàm phán

Phần 3: Thư mục sách về Hiệp định Paris 1973

Nguồn thông tin trong Thư mục được lấy từ sách, báo và tạp chí hiện có trong Thư viện tỉnh và các trang thông tin điện tử chính thống của Đảng và Nhà nước.

Trong quá trình biên soạn Thư mục không tránh khỏi thiếu sót. Kính mong Quý bạn đọc lượng thứ.

THƯ VIỆN TỈNH BẮC NINH

“Hiệp định Paris về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam - Mốc son thắng lợi trên mặt trận ngoại giao thời đại Hồ Chí Minh”

PHẦN 1: HÀNH TRÌNH ĐẾN HIỆP ĐỊNH PARIS 1973 - MỐC SON THẮNG LỢI TRÊN MẶT TRẬN NGOẠI GIAO THỜI ĐẠI HỒ CHÍ MINH

50 NĂM HIỆP ĐỊNH PARIS (1973-2023)

BỐI CẢNH LỊCH SỬ CỦA VIỆC ĐÀM PHÁN ĐI ĐẾN KÝ KẾT HIỆP ĐỊNH PARIS



TÌNH THẾ THAY ĐỔI CÓ LỢI CHO VIỆT NAM

MỸ

- ◆ Cuối năm 1964, đầu năm 1965, chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” bị phá sản, nguy quân và nguy quyền Sài Gòn đứng trước nguy cơ sụp đổ
- ◆ Mỹ thay đổi chiến lược từ “Chiến tranh đặc biệt” sang “Chiến tranh cục bộ”. Một mặt, Mỹ ồ ạt đưa quân vào miền Nam; mặt khác tiến hành leo thang chiến tranh phá hoại bằng không quân và hải quân đối với miền Bắc, mở rộng chiến tranh xâm lược ra phạm vi cả nước. Ba năm 1965, 1966, 1967 là thời gian Mỹ điên cuồng leo thang chiến tranh

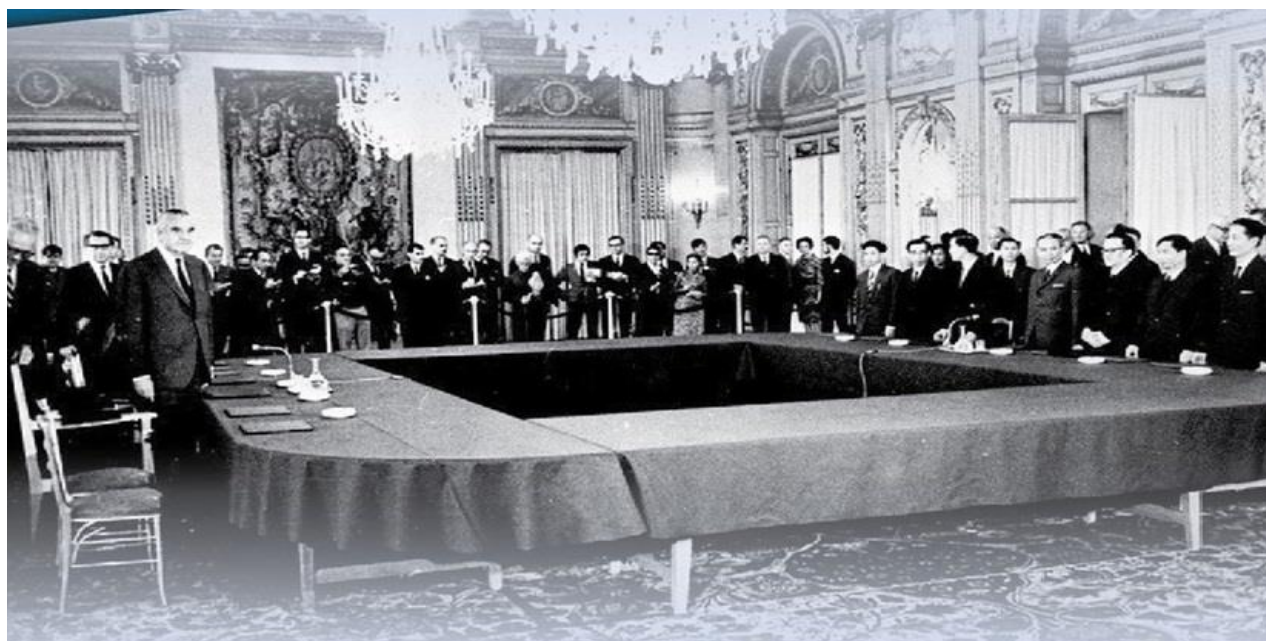


VIỆT NAM

- ◆ Ngay từ khi Mỹ chuyển từ “Chiến tranh đặc biệt” sang “Chiến tranh cục bộ”, leo thang chiến tranh phá hoại miền Bắc, ta đã đề ra những điều cơ bản làm cơ sở cho đàm phán, đó là lập trường 5 điểm (ngày 22/3/1965) của Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam và tuyên bố 4 điểm (ngày 8/4/1965) của Chính phủ Việt Nam Dân chủ cộng hòa
- ◆ Các nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương Đảng như: Nghị quyết 12 (tháng 12/1965), Nghị quyết 13 (tháng 1/1967), Nghị quyết 14 (tháng 1/1968) ngày càng nhấn mạnh đến vị trí quan trọng của đấu tranh ngoại giao trong sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước; đồng thời chủ trương mở đường cho địch đi vào thương lượng theo hướng có lợi nhất cho ta
- ◆ Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy của quân và dân miền Nam trong dịp Xuân Mậu Thân năm 1968, cùng với thắng lợi của quân và dân miền Bắc trong đấu tranh chống chiến tranh phá hoại đã làm lung lay ý chí xâm lược của Mỹ



“Hiệp định Paris về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam - Mốc son thắng lợi trên mặt trận ngoại giao thời đại Hồ Chí Minh”



31/3/1968	3/4/1968	13/5/1968
Tổng thống Mỹ Johnson phải đơn phương ngừng đánh phá miền Bắc từ vĩ tuyến 20 trở ra, không ra tranh cử Tổng thống Mỹ nhiệm kỳ 2 và cử người đàm phán với đại diện Chính phủ Việt Nam Dân chủ cộng hòa tại Paris	Chính phủ Việt Nam Dân chủ cộng hòa tuyên bố sẵn sàng cử đại diện của mình tiếp xúc với đại diện của Mỹ nhằm xác định việc Mỹ chấm dứt không ném bom và hành động chiến tranh chống nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa để có thể bắt đầu cuộc nói chuyện	Cuộc đàm phán giữa Chính phủ Việt Nam Dân chủ cộng hòa và Chính phủ Mỹ chính thức bắt đầu tại Paris, Pháp

Nguồn: Ban Tuyên giáo Trung ương, TTXVN
<http://infographics.vn>

© TTXVN
Vietnam News Agency

Trước tình hình Mỹ ngày càng leo thang, dấn sâu vào cuộc chiến tranh ở Việt Nam (1965-1967), nhân dân ta đã kiên cường đấu tranh chống lại đế quốc Mỹ xâm lược, không quản hy sinh, gian khổ.

Thắng lợi của quân và dân ta trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân 1968 đã làm lung lay ý chí xâm lược của đế quốc Mỹ, là “một sự choáng váng đối với tất cả người Mỹ.”

Trong tình thế thay đổi có lợi cho ta, bằng một đòn tiến công ngoại giao mới, ta chấp nhận ngồi vào đàm phán với Mỹ. Ngày 13/5/1968, cuộc đàm phán giữa chính phủ Việt Nam Dân chủ cộng hòa và chính phủ Mỹ đã chính thức bắt đầu tại Paris (Pháp)./.

(TTXVN/Vietnam+)

“Hiệp định Paris về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam - Mốc son thắng lợi trên mặt trận ngoại giao thời đại Hồ Chí Minh”

Tuyên giáo

TẠP CHÍ CỦA BAN TUYÊN GIÁO TRUNG ƯƠNG

1
2023

NHỮNG BÀI HỌC QUÝ TỪ CÔNG TÁC THÔNG TIN ĐỐI NGOẠI TRONG ĐÀM PHÁN HIỆP ĐỊNH PARIS VỀ VIỆT NAM

PGS. TS Lê Hải Bình

Phó Trưởng ban Tuyên giáo Trung ương

Công tác thông tin, tuyên truyền đối ngoại trong quá trình đàm phán Hiệp định Paris về Việt Nam thực sự đã trở thành cầu nối, quy tụ những nỗ lực của ngoại giao Đảng, Nhà nước với ngoại giao Nhân dân, triển khai hiệu quả việc kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại. Từ đó, tạo ra sức mạnh to lớn làm thay đổi hẳn sự chênh lệch giữa thế và lực của ta và đối phương.



Lễ ký Hiệp định Paris về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam, ngày 27/1/1973, tại Trung tâm Hội nghị quốc tế ở Paris (Pháp). (Ảnh: TTXVN)

Cách đây vừa tròn nửa thế kỷ, Hiệp định Paris về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam (Hiệp định Paris) được ký kết sau một quá trình đàm phán gay go, căng thẳng, kéo dài gần 5 năm (1968 - 1973). Được mệnh danh là cuộc đàm phán ngoại giao dài nhất thế kỷ XX, điểm quyết chiến cốt lõi của hòa đàm Paris là sự đối đầu

không cân sức giữa nền ngoại giao non trẻ của Việt Nam Dân chủ Cộng hòa với nền ngoại giao hùng mạnh, dày dặn kinh nghiệm của Hợp chủng quốc Hoa Kỳ. Đồng thời, mặt trận thông tin truyền thông cũng chứng kiến cuộc đấu tranh với tương quan lực lượng vô cùng chênh lệch giữa hai bên. Tuy nhiên, đồng hành cùng với những nỗ

“Hiệp định Paris về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam - Mốc son thắng lợi trên mặt trận ngoại giao thời đại Hồ Chí Minh”

lực khôn khéo, tài trí trên bàn đàm phán của đoàn đàm phán Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam, công tác thông tin tuyên truyền đối ngoại cũng đã có những đóng góp rất quan trọng, góp phần tạo thêm thế và lực cho ta trong cuộc đọ sức marathon lịch sử.

Bước vào cuộc đàm phán, công tác thông tin tuyên truyền của ta đứng trước cả cơ hội và thách thức to lớn. Thuận lợi đầu tiên là sự lãnh đạo, chỉ đạo sát sao của Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, mà trước hết là Chủ tịch Hồ Chí Minh. Ngay từ khi đoàn đàm phán chuẩn bị lên đường sang Paris, Bác dặn dò: “Các chú sang Pháp lần này sướng hơn Bác năm 1946 nhiều. Trong nhà chúng ta đang thắng, nhân dân thế giới hiểu ta, biết ta, ủng hộ ta mạnh hơn. Ta cũng đã biết “khôn” hơn. Cho nên các chú phải biết ung dung, khôn khéo, kiên trì”. Thuận lợi thứ hai là chính nghĩa đứng về phía chúng ta với sự nghiệp đấu tranh giành độc lập, thống nhất đất nước của nhân dân Việt Nam. Đàm phán Paris diễn ra trong bối cảnh làn sóng giành độc lập của các dân tộc Á, Phi, Mỹ Latinh có được những thắng lợi to lớn và trở thành xu thế không thể đảo ngược trên thế giới. Thuận lợi thứ ba là quân và dân ta có những thắng lợi thực sự to lớn trên chiến trường. Đặc biệt, chiến thắng Hà Nội - Điện Biên Phủ trên không có giá trị vô giá. Thuận lợi thứ tư chính là sự ủng hộ của các nước xã hội chủ nghĩa, của nhân dân tiến bộ trong lòng các nước tư bản chủ nghĩa và phong trào nhân dân đông đảo trên toàn thế giới. Đây là thuận lợi to

lớn để công tác tuyên truyền được vang xa hơn, được lan tỏa rộng rãi trong bối cảnh ta còn rất hạn chế về phương tiện, lực lượng làm tuyên truyền đối ngoại. Ngay tại Pháp nói chung và Paris nói riêng, chúng ta có những người ủng hộ nhiệt thành. Báo chí Pháp giật tít: Việt Cộng (ám chỉ đoàn Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam) đến đàm phán ở Paris như “một đội bóng thi đấu trên sân nhà”. Còn những người cộng sản Pháp thì ủng hộ hết lòng hai đoàn ta. Choisy le Roi, nơi đoàn ta ở, được coi như là vành đai đỏ của Paris. Thuận lợi thứ năm là thành phần đoàn đàm phán Việt Nam Dân chủ Cộng hòa được lựa chọn rất kỹ lưỡng với nhãn quan và tầm nhìn sâu sắc của Bộ Chính trị, mà đứng đầu là Bác Hồ. Đoàn gồm những đồng chí không chỉ vững vàng về bản lĩnh, giỏi công tác ngoại giao mà cũng rất thông thạo về công tác tuyên truyền, dân vận, ngoại giao nhân dân, với những tên tuổi như đồng chí Cố vấn Lê Đức Thọ, đồng chí Trưởng đoàn Xuân Thủy. Không những từng đảm nhiệm chức vụ Bộ trưởng Bộ Ngoại giao, đồng chí Xuân Thủy còn có bề dày làm công tác dân vận, báo chí. Một trong các phó trưởng đoàn là đồng chí Nguyễn Minh Vỹ cũng có nhiều năm làm công tác báo chí. Một số thành viên quan trọng khác trong đoàn như các đồng chí Hà Đăng, Lý Văn Sáu, Nguyễn Thành Lê... đều là những nhà báo dày dặn kinh nghiệm.

Bên cạnh những thuận lợi cơ bản, thách thức cũng rất lớn. Trước hết, chính là sự không cân sức trong so sánh lực lượng làm thông tin tuyên truyền. Ta phải đối mặt với nền thông tấn báo chí lớn của Mỹ và các

“Hiệp định Paris về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam - Mốc son thắng lợi trên mặt trận ngoại giao thời đại Hồ Chí Minh”

nước Phương Tây, đứng đằng sau là một hệ thống tuyên truyền có đủ phương tiện hiện đại với mạng lưới lan tỏa rộng lớn hầu khắp thế giới (tất nhiên là bị hạn chế ở các nước XHCN). Trong khi đó, điều kiện của ta rất thiếu thốn, để vươn ra quốc tế hầu như chỉ có Việt Nam Thông tấn xã và Đài Tiếng nói Việt Nam ở miền Bắc, Thông tấn xã Giải phóng và Đài Phát thanh Giải phóng ở miền Nam...., song mức độ lan tỏa cũng rất hạn chế. Thứ hai, mặc dù ta có những thuận lợi nhất định tại Pháp và Paris, song về cơ bản chúng ta vẫn hoạt động trên đất khách, giữa lòng của hệ thống tư bản chủ nghĩa. Thứ ba, do thiếu thiết bị kỹ thuật tiên tiến, việc kết nối thông tin liên lạc giữa đoàn đàm phán và “Nhà” có những lúc chưa được kịp thời, đặc biệt là những khi rất cần thông tin từ “Nhà” để có đường hướng chủ động tuyên truyền, tổ chức họp báo, ra thông cáo để chiếm ưu thế thông tin. Đơn cử như khi Mỹ tiến hành chiến dịch Linebacker II với quyết tâm đưa Hà Nội “về thời đồ đá”, giành ưu thế trên bàn đàm phán, đoàn ta rất mong chờ thông tin bắn rơi B-52 từ Hà Nội để kịp thời lên án, giành thế chủ động về tuyên truyền. Tuy nhiên, tin ở Hà Nội sang chậm hơn thông tin của hãng thông tấn AP đưa lại thông báo của Bộ Quốc phòng Mỹ.

Vượt lên mọi khó khăn thách thức trong cuộc đối đầu không cân sức về truyền thông, chúng ta đã phát huy cao độ các thuận lợi, từ đó hóa giải thách thức tưởng chừng như không thể vượt qua về sự chênh lệch lực lượng.

Về nội dung, chúng ta tập trung vào những thông điệp lớn mang tính thời sự, xu

thế lớn của nhân loại: Khẳng định tính chính nghĩa, lẽ phải của cuộc đấu tranh giành độc lập, thống nhất đất nước của nhân dân Việt Nam; nêu cao khát vọng hòa bình, khắc họa sự ác liệt của chiến tranh, sự tàn bạo của bè lũ xâm lược; đồng thời nêu cao hình ảnh tốt đẹp, dũng cảm của con người Việt Nam trong lao động sản xuất cũng như chiến đấu. Đây là thông điệp xuyên suốt của Đảng ta, là chất keo gắn bó nhân dân trong nước, đoàn kết bạn bè quốc tế và nhân dân tiến bộ hướng về Việt Nam, ủng hộ Việt Nam.

Một nội dung quan trọng luôn được kịp thời thông tin là diễn biến cuộc đàm phán. Điều quan trọng là, hàm chứa trong các thông tin về đàm phán là những thông điệp cơ bản được truyền tải một cách kiên trì, thuyết phục, lôi kéo sự ủng hộ của bạn bè quốc tế. Ngoài ra, công tác thông tin, tuyên truyền đã tập trung đưa tin về hình hình chiến sự tại Việt Nam. Hình ảnh về chiến sự tại miền Nam; Mỹ ném bom miền Bắc và đặc biệt là tình hình khốc liệt tại Quảng Trị, chiến thắng Điện Biên Phủ trên không, đã trở thành những huyền thoại lịch sử, bóc trần âm mưu thâm độc của đế quốc Mỹ, để nhân dân thế giới hiểu được bản chất thực sự của cuộc chiến phi nghĩa, biết được sự tàn bạo, dã man của cuộc chiến tranh xâm lược không chỉ đối với nhân dân Việt Nam mà còn với cả những người lính Mỹ đang phải tham chiến tại Việt Nam. Bên cạnh đó, hình ảnh về cuộc sống của nhân dân ở hai miền với nỗ lực trong học tập, lao động, chiến đấu bất chấp mọi khó khăn, thách thức, đã được truyền tải tới cộng đồng

“Hiệp định Paris về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam - Mốc son thắng lợi trên mặt trận ngoại giao thời đại Hồ Chí Minh”

quốc tế. Chính báo chí quốc tế đã phải nhận xét rằng sự kiên cường, bất khuất của con người Việt Nam càng tỏa sáng trong những thời điểm cam go nhất, bền bỉ đánh bại âm mưu muốn đưa Hà Nội trở về thời kỳ đồ đá của Mỹ.

Về phương thức tuyên truyền đối ngoại, mặc dù diễn ra trong điều kiện khó khăn về cả điều kiện và nguồn lực, lại được thực hiện ngay giữa lòng của hệ thống tư bản chủ nghĩa, nhưng công tác thông tin đối ngoại đã được tiến hành một cách linh hoạt, sáng tạo, tận dụng triệt để nhiều phương thức. Từ các bài phát biểu của Trường đoàn ta trong Hội nghị cho đến bản tin hằng ngày, thông cáo báo chí, diễn thuyết, mít tinh, gặp gỡ ở Paris và các tỉnh thành khác nhau của Pháp, ở châu Âu, ở Mỹ. Trong đó, thông qua hơn 500 cuộc họp báo và hơn 1.000 lần trả lời phỏng vấn, hình ảnh của Việt Nam, trong đó cụ thể là hai vị Trường đoàn - “nụ cười Xuân Thủy” và “Madame Bình” - đã tạo ấn tượng mạnh mẽ đối với đội ngũ phóng viên, báo chí nước ngoài. Đơn cử như trong giai đoạn cuối tháng 8 và đầu tháng 9/1972, để tăng sức ép với Nixon trước bầu cử ở Mỹ, chúng ta một mặt chuẩn bị phương án mềm dẻo trong đàm phán, mặt khác đẩy mạnh công tác đấu tranh trong dư luận. Báo chí ở cả hai miền liên tục phê phán thái độ ngoan cố của Nixon hòng kéo dài chiến tranh không muốn giải quyết bằng thương lượng. Ngày 26/10/1972, Chính phủ Việt Nam ra tuyên bố “về tình hình cuộc đàm phán về vấn đề Việt Nam hiện nay” khẳng định lập trường của ta giữ đúng những lời cam kết và đòi Chính phủ Mỹ

cũng phải giữ đúng những điều đã cam kết, ký bản Hiệp định đã thỏa thuận vào ngày 31/10/1972. Đây là một đợt đấu tranh công khai có tiếng vang rất rộng. Rất nhiều cuộc họp báo đã được tổ chức ở Hà Nội, Paris và thủ đô của nhiều nước. Các hãng thông tấn báo chí, đài phát thanh các nước trong nhiều ngày liên tiếp đưa tin tức về việc này. Hãng UPI của Mỹ đưa tin rằng Bắc Việt Nam đã đưa quả bóng sang sân Mỹ. Hãng AFP của Pháp nhận xét: Nixon bị dồn vào chân tường... bị đặt vào tình thế nghiêm trọng phải lựa chọn giữa các khả năng: ký sớm Hiệp định, hoặc bỏ rơi Thiệu hoặc tiếp tục chiến tranh.

Về lực lượng, chúng ta có được sự ủng hộ của hệ thống thông tin các nước XHCN, đồng thời đã khéo léo vận động, thuyết phục bạn bè quốc tế ở Pháp, các nước châu Âu. Ở những địa bàn không thể triển khai trực tiếp, chúng ta đã vận động sự giúp đỡ của bạn bè quốc tế, trong đó có các đồng chí Đảng Cộng sản Mỹ và nhân dân tiến bộ Mỹ. Theo đó, thông tin được triển khai rộng khắp trên các kênh từ ngoại giao Đảng, Nhà nước và ngoại giao Nhân dân trên mọi lĩnh vực, mọi trận tuyến... , tạo nên sức lan tỏa rộng khắp và mạnh mẽ, lớn hơn rất nhiều so với thực lực truyền thông của ta. Thông qua công tác dư luận, báo chí, đồng bào trong nước có thêm niềm tin vào cuộc kháng chiến dưới sự lãnh đạo của Đảng, của Bác Hồ. Những thông tin về quá trình đàm phán góp phần giúp đồng bào chiến sĩ ở hai miền Nam, Bắc vững tay súng, chắc tay sản xuất, lao động. Các nước xã hội chủ nghĩa ủng hộ ta nhiệt thành trong cuộc đàm phán. Đối với

“Hiệp định Paris về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam - Mốc son thắng lợi trên mặt trận ngoại giao thời đại Hồ Chí Minh”

nhân dân các nước tư bản chủ nghĩa, trước hết là nhân dân Pháp, họ hiểu thêm về cuộc đấu tranh bảo vệ độc lập dân tộc của chúng ta, tạo ra làn sóng mạnh mẽ ủng hộ Việt Nam. Đảng Cộng sản Pháp - khi đó là một lực lượng chính trị mạnh trên chính trường - đã dành sự ủng hộ đặc biệt cho Việt Nam. Bên cạnh đó, sự giúp đỡ về hậu cần, Báo Nhân dân (L'Humanité) - cơ quan ngôn luận của Đảng Cộng sản Pháp - cũng dành cho Việt Nam sự ủng hộ không điều kiện. Trong suốt quá trình đàm phán, báo đã tạo ra một diễn đàn thực sự cho các nhà đàm phán Việt Nam bằng việc đăng tải các tuyên bố của phía ta hằng tuần. Ngoài ra, việc gửi các bản tuyên bố, khiếu nại tới Đại sứ quán, Lãnh sự quán Mỹ, huy động sự ủng hộ quốc tế cũng được Đảng Cộng sản Pháp tích cực triển khai. Một trong những sự kiện có ý nghĩa quan trọng là hội nghị tập hợp 27 đảng cộng sản và công nhân thế giới tại trụ sở Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Pháp ngày 27/7/1972 để ủng hộ Việt Nam và yêu cầu Mỹ đàm phán nghiêm túc. Những cuộc tuần hành do Đảng Cộng sản Pháp kêu gọi cũng đã tạo sức ép không nhỏ đối với Đoàn đàm phán Mỹ ở Paris. Tại Pháp thời điểm đó, có tới 52 tổ chức thường xuyên tiến hành biểu tình chống chiến tranh ở Việt Nam.



**Ngày 27/1/1973, Hiệp định Paris được kí kết
- Ảnh tư liệu**

Trong triển khai thông tin, tuyên truyền, ta đặc biệt chú trọng tới việc phân loại từng đối tượng đặc thù: các nước xã hội chủ nghĩa để họ ủng hộ, hỗ trợ Việt Nam; nhân dân tại các nước tư bản chủ nghĩa; chính giới các nước; phóng viên các hãng thông tấn quốc tế. Đối tượng thứ năm hết sức quan trọng, đó chính là nhân dân Việt Nam trong và ngoài nước. Chính từ việc xác định đúng đối tượng, chất lượng thông tin được phát huy mạnh mẽ, chúng ta hình thành được mặt trận công luận thế giới ủng hộ Việt Nam chống Mỹ. Lực lượng làm công tác thông tin, đấu tranh tuyên truyền không chỉ là người Việt Nam mà còn là tổ chức, cá nhân nước ngoài yêu mến, cảm phục và vì hòa bình, tiến bộ. Ngay trong lòng nước Mỹ, phong trào Phụ nữ Đấu tranh cho hoà bình đã tổ chức đốt thẻ gọi quân dịch ở New York; cử người sang Canada gặp Đại biểu của Mặt trận Dân tộc Giải phóng. Nhiều thị trưởng gửi thư lên Tổng thống Nixon đòi đình chỉ gọi con em của họ sang Việt Nam. Các cuộc biểu tình chống chiến tranh liên tiếp diễn ra trước Lầu Năm Góc; trước nhà riêng của Nixon. Ngày 3/9/1972, 250 nhà tâm lý học Mỹ biểu tình

“Hiệp định Paris về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam - Mốc son thắng lợi trên mặt trận ngoại giao thời đại Hồ Chí Minh”

trước Nhà Trắng tố cáo cuộc chiến tranh tại Việt Nam là một sự điên rồ. Các hoạt động trên được các báo chí Mỹ đưa lên trang nhất.



Cuộc đối đầu lịch sử giữa cố vấn đặc biệt Lê Đức Thọ và Henry Kissinger - Ảnh tư liệu

Có thể khẳng định công tác thông tin tuyên truyền hiệu quả đã củng cố thêm lợi thế đàm phán của đoàn ta. Ví dụ, nhờ công tác thông tin tuyên truyền kịp thời, chủ động với “cuộc chiến thông cáo báo chí” ngay tại Paris, khi kết thúc 12 ngày đêm không quân Mỹ ném bom Hà Nội vào cuối năm 1972, dư luận quốc tế đã tạo một áp lực rất lớn đối với phía Mỹ. Do vậy, khi ngồi vào bàn đàm phán, Henry Kissinger hoàn toàn yếu thế so với đồng chí Lê Đức Thọ. Lập trường rất kiên quyết, lời nói rất đanh thép của Cố vấn Lê Đức Thọ đã khiến Henry Kissinger - con sói già của nền ngoại giao Mỹ - hoàn toàn chịu trận. Từ sau chiến thắng “Điện Biên Phủ trên không”, việc thống nhất văn bản, ký tắt rồi ký kết chính thức Hiệp định Paris về Việt Nam diễn ra nhanh chóng.

Thành công của công tác thông tin tuyên truyền đối ngoại trong đàm phán Paris để lại nhiều bài học quý giá. Đó là bài học về sự lãnh đạo, chỉ đạo sát sao, tham gia trực tiếp vào công tác tuyên truyền của Lãnh đạo cấp cao; là bài học về việc gắn kết

thông điệp của ta với nhu cầu quan tâm, lợi ích của bạn bè quốc tế; là việc vận dụng sáng tạo, linh hoạt mọi phương thức thông tin để có được sự lan tỏa kịp thời, rộng rãi; là kinh nghiệm về việc vận động, thuyết phục tất cả các đối tượng quốc tế, biến thành lực lượng thông tin cho ta. Chính làn sóng công luận mạnh mẽ từ ngay trong lòng nước Mỹ và các nước phương Tây đã tạo ra áp lực dư luận to lớn đối với chính giới Mỹ, một mặt nâng vị thế của ta, mặt khác, làm giảm uy thế của đối phương. Đó chính là chiến thuật “đánh nổ hoa trong lòng địch” trong công tác thông tin đối ngoại thời đại Hồ Chí Minh.

Nhìn lại những nỗ lực, hy sinh không mệt mỏi của thế hệ cha anh của nửa thế kỷ trước trên mặt trận tuyên truyền không tiếng súng nhưng hết sức cam go, chúng ta tiếp tục phát huy những bài học lịch sử quý giá để nâng cao hơn nữa chất lượng công tác thông tin đối ngoại, kết hợp hiệu quả sức mạnh dân tộc và sức mạnh thời đại, góp phần vào việc triển khai thắng lợi các mục tiêu chiến lược mà Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII đã đề ra./.

Thành công của cuộc đàm phán ở Hội nghị Paris gắn liền với thắng lợi của quân và dân ta trên các chiến trường và gắn với sự đồng tình ủng hộ của mặt trận công luận quốc tế mạnh mẽ, đoàn kết và ủng hộ Việt Nam. Công tác thông tin, tuyên truyền đối ngoại thực sự đã trở thành cầu nối, quy tụ những nỗ lực của ngoại giao Đảng, Nhà nước với ngoại giao Nhân dân, triển khai hiệu quả việc kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại. Từ đó, tạo ra sức mạnh to lớn làm thay đổi hẳn sự chênh lệch giữa thế và lực của ta và đối phương.

“Hiệp định Paris về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam - Mốc son thắng lợi trên mặt trận ngoại giao thời đại Hồ Chí Minh”



VĂN HÓA NGOẠI GIAO VIỆT NAM TRONG CUỘC ĐÀM PHÁN PARIS

PGS, TS NGUYỄN MẠNH HÀ

Viện Lịch sử Đảng, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh

Văn hóa ngoại giao của Việt Nam tại Hội nghị Paris được hiểu là một biểu hiện của nghệ thuật đàm phán, sự kết hợp nhịp nhàng, hiệu quả giữa "đánh" và "đàm" (đấu tranh quân sự ở trên chiến trường và đấu tranh ngoại giao trên bàn đàm phán); đó còn là phát huy sức mạnh của truyền thống, nền văn hóa dân tộc, tính chính nghĩa của cuộc kháng chiến chống xâm lược... vào suốt quá trình đàm phán

Trong cuộc đàm phán “marathon” dài nhất thế kỷ 20 tổ chức tại Paris, thủ đô Cộng hòa Pháp, bàn về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam (từ ngày 13-5-1968 đến ngày 27-1-1973) giữa 2 bên là Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và Mỹ; sau đó là 4 bên (thêm Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam, sau đổi là Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam, từ ngày 25-1-1969 trở về sau và Việt Nam Cộng hòa), nổi lên một khía cạnh khá đặc biệt, đó là văn hóa ngoại giao. Văn hóa ngoại giao của Việt Nam tại Hội nghị Paris được hiểu là một biểu hiện của nghệ thuật đàm phán, sự kết hợp nhịp nhàng, hiệu quả giữa "đánh" và "đàm" (đấu tranh quân sự ở trên chiến trường và đấu tranh ngoại giao trên bàn đàm phán); đó còn là phát huy sức mạnh của truyền thống, nền văn hóa dân tộc, tính chính nghĩa của cuộc kháng chiến chống xâm lược... vào suốt quá trình đàm phán.

Một trong những vấn đề mấu chốt nhất trong cuộc đàm phán tại Paris mà lãnh đạo Đảng, Nhà nước chủ trương nhất quán, yêu cầu hai đoàn đàm phán Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam kiên trì đấu tranh là yêu cầu Mỹ phải công nhận độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam và quân Mỹ cùng quân các nước đồng minh phải rút nhanh chóng, triệt để toàn bộ lực lượng, vũ khí, trang bị ra khỏi miền Nam Việt Nam. Căn cứ vào thực tế tình hình trên chiến trường, khi Quân giải phóng miền Nam chưa đủ khả năng và điều kiện đánh tiêu diệt các đơn vị của Mỹ, Đảng chủ trương tập trung đánh bại âm mưu tiếp tục chiến tranh của Mỹ. Đây là một chủ trương đúng đắn là đánh đến mức độ đủ để chính quyền Mỹ hiểu rằng không thể giành chiến thắng được bằng sức mạnh của vũ khí quân sự. Hiểu rõ mối quan hệ hữu cơ giữa chiến trường với bàn đàm phán,

“Hiệp định Paris về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam - Mốc son thắng lợi trên mặt trận ngoại giao thời đại Hồ Chí Minh”

Đảng ta chủ trương phải giành thắng lợi quân sự có ý nghĩa quyết định khiến chính quyền Mỹ phải thay đổi quan điểm về tiến hành chiến tranh, phải xuống thang, rút quân về nước. Mở cuộc đàm phán cũng là để mở ra một lối thoát cho Mỹ rút khỏi Việt Nam.

Trong Nghị quyết Hội nghị lần thứ 13 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (1-1967), Đảng chủ trương mở mặt trận ngoại giao, kết hợp đấu tranh quân sự với đấu tranh ngoại giao. Trong cuộc họp Bộ Chính trị cuối năm 1967, đầu năm 1968, đồng chí Lê Duẩn, Bí thư thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương Đảng phát biểu nhấn mạnh: Cần mở cuộc tổng công kích, tổng khởi nghĩa nhằm “làm tung tóe các khả năng” trong giải quyết vấn đề chiến tranh ở miền Nam. Quả vậy, sau khi Trung ương Đảng quyết định (tại Hội nghị Trung ương lần thứ 14, tháng 1-1968) mở cuộc tổng tiến công và nổi dậy đồng loạt trên toàn miền Nam dịp Tết Mậu Thân năm 1968, chính Tổng thống Mỹ Johnson, ngày 31-3-1968 đã phải lên đài truyền hình tuyên bố hạn chế ném bom miền Bắc từ vĩ tuyến 20 trở ra Bắc, đề nghị đàm phán không điều kiện, quyết định không đưa thêm quân Mỹ đến miền Nam Việt Nam... Như vậy, đòn tiến công quân sự đã mở ra cuộc đàm phán hòa bình trên thực tế.

Trong cuộc đàm phán, thành phần đoàn Việt Nam Dân chủ Cộng hòa không chỉ có cán bộ ngoại giao trực tiếp tham gia đàm phán mà còn có cán bộ chuyên trách làm công tác tuyên truyền, dân vận, có nhiệm vụ vận động Việt kiều, nhân dân

Pháp, nhân dân yêu chuộng hòa bình, công lý trên thế giới ủng hộ cuộc kháng chiến chính nghĩa của nhân dân Việt Nam, phản đối cuộc chiến tranh phi nghĩa mà Mỹ đang tiến hành ở Việt Nam. Hình ảnh bà Nguyễn Thị Bình, một phụ nữ duyên dáng, nhanh nhẹn, quyết đoán và kiên cường làm Trưởng đoàn đàm phán của Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam chính là hiện thân của tinh thần yêu hòa bình, phản đối bạo lực, cũng là biểu hiện của nét văn hóa ngoại giao Việt Nam.

Một biểu hiện rõ rệt về văn hóa ngoại giao của Việt Nam ở giai đoạn cuối cuộc đàm phán chính là việc đoàn Việt Nam Dân chủ Cộng hòa chủ động đưa ra bản dự thảo Hiệp định ngày 8-10-1972 với những nhượng quan trọng, đã tạo ra sự tiến bộ mang tính đột phá trên bàn đàm phán. Điều này cũng minh chứng cho chủ trương muốn kết thúc chiến tranh bằng một giải pháp hòa bình, thể hiện rõ sự tiếp nối truyền thống văn hóa của cha ông là chủ động tạo cơ hội tìm kiếm hòa bình ngay khi chiến tranh đang diễn ra ác liệt.



Đồng chí Lê Đức Thọ và Tiến sĩ Henry Kissinger bắt tay sau lễ ký tắt Hiệp định Paris. Ảnh tư liệu

“Hiệp định Paris về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam - Mốc son thắng lợi trên mặt trận ngoại giao thời đại Hồ Chí Minh”

Những thông tin và câu chuyện tôi kể sau đây sẽ làm rõ hơn chỗ dựa truyền thống, lịch sử văn hóa của dân tộc đã được các nhà ngoại giao của Việt Nam vận dụng một cách chủ động trong đàm phán tại Hội nghị Paris. Như chúng ta biết, bên cạnh 4 đoàn đàm phán chính thức của 4 bên thường xuyên tham gia các cuộc gặp công khai, lãnh đạo Đảng, Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã cử đồng chí Lê Đức Thọ, Ủy viên Bộ Chính trị, Trưởng ban Tổ chức Trung ương làm cố vấn đặc biệt cho phái đoàn; phía Mỹ cử Tiến sĩ Henry Kissinger, Bộ trưởng Ngoại giao, Cố vấn an ninh quốc gia của Tổng thống Mỹ làm cố vấn cho đoàn đàm phán Mỹ. Hai nhân vật này thường xuyên có các cuộc gặp riêng bắt đầu từ nửa sau năm 1969 để thúc đẩy đàm phán tiến bộ thực chất.

Năm 2010, tôi tham dự cuộc Hội thảo quốc tế quy mô lớn về chiến tranh Việt Nam tổ chức tại trụ sở Bộ Ngoại giao Mỹ với sự tham dự của nhiều nhà sử học đến từ các nước ở châu Âu, châu Á, Mỹ và nhiều quan chức, cựu quan chức của Bộ Ngoại giao, Bộ Quốc phòng Mỹ. Ông Kissinger cũng tham dự cuộc hội thảo này. Khi thấy đoàn các nhà sử học từ Việt Nam và cán bộ Đại sứ quán Việt Nam tại Mỹ vào hội trường, ông Kissinger đến chào, chụp ảnh với đoàn. Chụp ảnh xong, ông ta chỉ vào mặt mình rồi nói một cách hóm hỉnh: Ông Lê Đức Thọ làm tôi già nhanh như thế này đây. Mọi người cùng cười vì câu pha trò có dụng ý của Kissinger.

Sau phát biểu khai mạc của bà Hilary Clinton, Bộ trưởng Ngoại giao Mỹ, ông

Kissinger, với tư cách là cựu Ngoại trưởng, được Ban tổ chức sắp xếp đọc tham luận đầu tiên về nội dung liên quan đến cuộc đàm phán ở Paris. Ngay sau tham luận của ông Kissinger, tôi là người đầu tiên giơ tay nêu hai câu hỏi. Câu thứ nhất, tôi hỏi về vai trò và trách nhiệm của ông ta trong cuộc ném bom B-52 dịp Giáng sinh tháng 12-1972 xuống Hà Nội, Hải Phòng và một số tỉnh ở miền Bắc Việt Nam. Ông Kissinger trả lời chung chung, cố ý tránh né nói về vai trò và trách nhiệm của ông. Câu hỏi thứ hai tôi hỏi: Vì sao ông lại nói Lê Đức Thọ làm cho ông già nhanh như thế? Câu hỏi này làm cho cả hội trường dậy lên tiếng cười. Về câu hỏi này, Kissinger trả lời rất thoải mái vừa thể hiện sự thực, vừa pha chút hài hước. Kissinger nói đại ý: Tôi đã họp với ông Lê Đức Thọ nhiều lần, tôi có nhận xét là ông Thọ tuy không được học hành về ngoại giao một cách bài bản nhưng là một người đàm phán lão luyện, thông minh, luôn kiên định mục tiêu, nguyên tắc đề ra. Tôi thường bị ông Thọ mắng. Hình như ông ấy cho rằng ông ấy nhiều tuổi hơn tôi nên có quyền mắng tôi thì phải. Cả hội trường lại cười vang vì câu pha trò của Kissinger.

Rồi ông Kissinger tiếp tục kể tại hội thảo kỷ niệm về một lần gặp riêng với ông Lê Đức Thọ: Thông thường một cuộc gặp riêng khoảng 45 phút, có lần bắt đầu vào cuộc gặp, ông Thọ đứng giảng giải cho tôi về lịch sử chống ngoại xâm của Việt Nam. Tôi kiên nhẫn ngồi nghe và xem đồng hồ. Được khoảng 40 phút, tôi giơ tay ngắt lời ông Thọ: Xin lỗi ngài, chỉ còn 5 phút nữa là kết thúc cuộc gặp, lát nữa mở cửa ra ngoài,

“Hiệp định Paris về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam - Mốc son thắng lợi trên mặt trận ngoại giao thời đại Hồ Chí Minh”

phóng viên họ hỏi hôm nay các ngài có đạt được tiến bộ gì, thì theo ngài, chúng ta phải trả lời như thế nào? Ông Thọ nói ngay: Ông cứ bảo với họ là hôm nay tôi giới thiệu cho ông về truyền thống chống ngoại xâm của Việt Nam. Nghe tới đây, cả hội trường lại được dịp cười vui. Kissinger kết thúc: Đây, tôi bị già nhanh là vì ông Thọ đấy!

Sau khi Hiệp định Paris được ký kết ngày 27-1-1973, ông Kissinger có chuyến thăm Hà Nội. Đồng chí Lê Đức Thọ đã tiếp, dẫn ông ta đi thăm Bảo tàng Lịch sử Việt Nam. Đồng chí Lê Đức Thọ dẫn Kissinger đến trước bài thơ thần gồm 4 câu (dịch nghĩa: Nước Nam này do vua Nam ở/ Sách trời ghi rành rành như vậy/ Cớ sao quân giặc dám xâm phạm/ Chúng sẽ bị đánh cho toi bời). Rồi đồng chí Lê Đức Thọ giải thích ý nghĩa của 4 câu thơ cho Kissinger: Đây là bài thơ xuất hiện từ thế kỷ XI trong cuộc

kháng chiến chống quân Tống xâm lược. Bài thơ được xem như bản Tuyên ngôn Độc lập đầu tiên của Việt Nam. Nghe xong, Kissinger nhận xét: Đây chính là Điều 1 của Hiệp định Paris. Toàn văn Điều 1 như sau: Hoa Kỳ và các nước khác tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của nước Việt Nam như Hiệp định Geneva năm một nghìn chín trăm năm mươi tư (1954) về Việt Nam đã công nhận.

Một ví dụ về văn hóa ngoại giao nữa liên quan đến việc Mỹ phải bồi thường chiến tranh do sự tàn phá của bom đạn, chất độc hóa học, chất da cam mà Mỹ rải xuống Việt Nam. Tuy nhiên, văn bản chính thức của Hiệp định Paris chỉ ghi như sau: “Chính phủ Hoa Kỳ sẽ đóng góp vào công việc xây dựng lại sau chiến tranh ở Bắc Việt Nam mà không có bất cứ điều kiện chính trị nào”.



MỐC SON CHÓI LỢI TRONG LỊCH SỬ CHỐNG NGOẠI XÂM CỦA DÂN TỘC VIỆT NAM

Thiếu tướng, Tiến sĩ NGUYỄN HOÀNG NHIÊN
Viện trưởng Viện Lịch sử Quân sự-Bộ Quốc phòng

Cách đây tròn nửa thế kỷ, ngày 27/1/1973, tại Paris, Thủ đô nước Cộng hòa Pháp đã diễn ra Lễ ký kết Hiệp định Paris về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam và bốn Nghị định thư liên quan giữa bốn bên tham gia hội nghị: Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam, Mỹ và Việt Nam Cộng hòa. Thành

“Hiệp định Paris về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam - Mốc son thắng lợi trên mặt trận ngoại giao thời đại Hồ Chí Minh”

quả của hiệp định lịch sử này không những có ý nghĩa to lớn đối với cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân Việt Nam mà còn mang tầm vóc, ý nghĩa thời đại sâu sắc.



Đoàn đại biểu Việt Nam Dân chủ Cộng hòa tại Lễ ký Hiệp định Paris, ngày 27/1/1973.

(Nguồn: Tư liệu Tạp chí Lịch sử quân sự)

Thứ nhất, Hiệp định Paris buộc Mỹ và các nước công nhận độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam.

Hiệp định Paris là văn bản pháp lý quốc tế quan trọng, toàn diện, đầy đủ nhất công nhận những quyền thiêng liêng, cơ bản của dân tộc Việt Nam. Điều 1 của Hiệp định ghi rõ: “Hoa Kỳ và các nước khác tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của nước Việt Nam như Hiệp định Geneva 1954 về Việt Nam đã công nhận”. Với việc Mỹ buộc phải rút quân khỏi miền nam, trong khi ta vẫn duy trì được hoàn toàn lực lượng, Hiệp định mở ra một cục diện mới có lợi cho cách mạng Việt Nam, tạo tiền đề vững chắc để quân và dân ta tiến lên “đánh cho nguy nhào”. Đồng

thời, góp phần ngăn chặn mọi âm mưu can thiệp trở lại của đế quốc Mỹ khi toàn quân, toàn dân ta tiến hành thắng lợi cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975. Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ 21 (10/1973) đã đánh giá: “Hiệp định đó ghi lại những thắng lợi rất to lớn của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, đánh dấu một bước ngoặt trong cuộc đấu tranh cách mạng của nhân dân ta... Dân tộc ta đã đuổi được đội quân viễn chinh Mỹ và chư hầu gồm trên nửa triệu tên ra khỏi nước ta, chấm dứt sự chiếm đóng của quân đội nước ngoài từ hơn một trăm năm nay”⁽¹⁾.

Thứ hai, thắng lợi của Hiệp định Paris khẳng định bản lĩnh, trí tuệ của Đảng Cộng sản Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh.

“Hiệp định Paris về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam - Mốc son thắng lợi trên mặt trận ngoại giao thời đại Hồ Chí Minh”

Tiến hành kháng chiến chống xâm lược trong bối cảnh quốc tế có những phức tạp, không thuận lợi, Đảng ta luôn thể hiện bản lĩnh độc lập, tự chủ trong hoạch định đường lối chiến lược, sách lược. Đó là đường lối kết hợp chặt chẽ, nhịp nhàng giữa đấu tranh quân sự, chính trị và ngoại giao để vừa phát huy kết quả của từng mặt trận, vừa tạo sự tác động, thúc đẩy lẫn nhau cùng phát triển, nhằm thực hiện mục tiêu chiến lược là giành độc lập dân tộc, thống nhất non sông.

Trong đàm phán, đế quốc Mỹ thường lợi dụng mâu thuẫn giữa các đồng minh chiến lược của ta, nhằm gây sức ép, cô lập ta để đạt được một giải pháp có lợi cho Mỹ. Quá trình đàm phán, ta tích cực tranh thủ sự ủng hộ, giúp đỡ của Liên Xô, Trung Quốc và bạn bè quốc tế, nhưng chúng ta tự quyết định nội dung, hình thức và bước đi của đàm phán, trực tiếp giải quyết với Mỹ, buộc Mỹ chấp nhận ký kết theo ý định và mục tiêu chiến lược của ta.

Quá trình lãnh đạo đấu tranh ngoại giao, Đảng ta luôn kiên định về nguyên tắc độc lập, tự chủ, đồng thời luôn sáng tạo, mềm dẻo, khôn khéo về sách lược, thể hiện rõ trong kết hợp đánh-đàm, trong đàm phán “hai bên”, “bốn bên” và trong chủ trương “tuy hai mà một, tuy một mà hai” phối hợp giữa phái đoàn Việt Nam Dân chủ Cộng hòa với phái đoàn của Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam (sau này là Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam). Đó còn là đường lối kháng chiến độc lập, tự chủ đi đôi với tăng cường đoàn kết quốc tế; kết hợp sức mạnh

dân tộc với sức mạnh thời đại. Nhờ đó, Việt Nam đã tranh thủ được sự ủng hộ, giúp đỡ to lớn của nhân dân tiến bộ, yêu chuộng hòa bình trên thế giới, đặc biệt là sự giúp đỡ, ủng hộ, chi viện về tinh thần và vật chất của các nước xã hội chủ nghĩa, tạo sức mạnh tổng hợp để giành thắng lợi.

Thứ ba, Hiệp định Paris khẳng định sự trưởng thành vượt bậc và những đóng góp to lớn của ngành ngoại giao cách mạng Việt Nam.

Bước vào cuộc đàm phán với đế quốc Mỹ, đối tượng đấu tranh lúc này là nước Mỹ, một cường quốc với một nền ngoại giao nhà nghề, luôn chủ trương thương lượng trên thế mạnh. Tính đến ngày 27/1/1973, Hội nghị Paris kéo dài gần 5 năm với tổng cộng 202 phiên họp chung công khai, 24 cuộc tiếp xúc riêng. Để đánh bại chính sách đàm phán trên thế mạnh của Mỹ, chúng ta kiên trì phương châm cũng là nghệ thuật đàm phán: phát huy chỗ mạnh cơ bản của ta là chính nghĩa, khoét sâu chỗ yếu về chính trị của Mỹ là chiến tranh xâm lược, phi nghĩa. Vận dụng phương pháp cách mạng, khoa học, ngoại giao Việt Nam đã đánh giá đúng ý đồ chiến lược và trong mỗi bước đi của Mỹ, khả năng và yêu cầu của ta, điều cần đạt, điều có thể nhân nhượng, nhất là trong những thời điểm có tính bước ngoặt. Với Hiệp định Paris, ngoại giao Việt Nam đã thật sự trưởng thành và đạt tầm cao về khoa học và nghệ thuật đấu tranh ngoại giao theo tư tưởng Hồ Chí Minh, thể hiện ở việc nắm vững so sánh lực lượng trên chiến trường; chiến lược, sách lược, âm mưu của đối phương; dự tính đường đi nước bước

“Hiệp định Paris về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam - Mốc son thắng lợi trên mặt trận ngoại giao thời đại Hồ Chí Minh”

trong từng thời kỳ, từng thời điểm, khéo léo, chính xác, nắm chắc thời cơ; biết giành thắng lợi từng phần và biết “ngả bài” đúng lúc...

Có thể nói, “Trong suốt mười ngàn ngày đêm chiến đấu, đối ngoại và ngoại giao thực sự là một mũi tiến công chiến lược có nhiệm vụ phối hợp chặt chẽ với đấu tranh chính trị và đấu tranh quân sự trên chiến trường để giành thắng lợi từng bước, tiến lên giành toàn thắng; và sự ủng hộ quốc tế trở thành một trong các nhân tố quyết định thắng lợi”⁽²⁾. “Lịch sử ngoại giao thế giới mãi mãi ghi nhận cuộc đàm phán Việt Nam-Hoa Kỳ ở Paris như một sự kiện quốc tế quan trọng ở thế kỷ XX, góp phần to lớn vào hòa bình thế giới và phong trào giải phóng dân tộc”⁽³⁾.

Thứ tư, Hiệp định Paris là thắng lợi to lớn của mặt trận thống nhất Đông Dương và phong trào đấu tranh giành độc lập dân tộc, dân chủ và hòa bình của nhân dân trên toàn thế giới.

Thắng lợi của Việt Nam trong việc ký kết Hiệp định Paris tuy không trực tiếp giải quyết vấn đề Lào, Campuchia nhưng đã buộc đế quốc Mỹ phải chấm dứt mọi hoạt động quân sự, tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của hai nước này, mở đường và tạo điều kiện thuận lợi để cách mạng Lào và cách mạng Campuchia giành thắng lợi vào năm 1975.

Ở phạm vi rộng lớn hơn, Hiệp định Paris thật sự là nguồn cổ vũ lớn lao đối với nhân dân yêu chuộng tự do, hòa bình và công lý trên toàn thế giới, là minh chứng hùng hồn cho chân lý “đại nghĩa thắng hung tàn, chí nhân thay cường bạo”, củng cố niềm tin của nhân dân yêu chuộng hòa bình và các dân tộc bị áp bức trên toàn thế giới vào sự nghiệp đấu tranh chính nghĩa. Điều 2 của Định ước do Bộ trưởng Ngoại giao của 12 nước ký ngày 2/3/1973 khẳng định, Hiệp định Paris đã “đáp ứng nguyện vọng tha thiết về hòa bình của tất cả các nước trên thế giới... là một cống hiến to lớn đối với hòa bình, quyền tự quyết, độc lập dân tộc và việc cải thiện quan hệ giữa các nước”⁽⁴⁾.

50 năm đã trôi qua, ý nghĩa và những bài học kinh nghiệm từ quá trình đàm phán, ký kết Hiệp định Paris vẫn nguyên giá trị và sẽ được tiếp tục nghiên cứu, vận dụng, phát triển trong sự nghiệp cách mạng hiện nay.

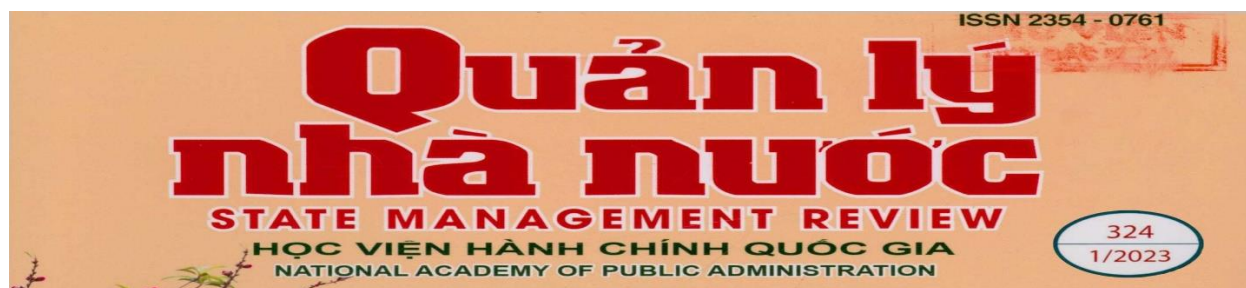
⁽¹⁾ Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 34 (1973), Nxb CTQG, H, 2004, tr.219.

⁽²⁾ Ban Tổng kết Chiến tranh trực thuộc Bộ Chính trị, *Chiến tranh cách mạng Việt Nam - Thắng lợi và bài học*, Nxb CTQG, Hà Nội, 2000, trang 227.

⁽³⁾ Bộ Ngoại giao, *Mặt trận ngoại giao với cuộc đàm phán Paris về Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2015, tr.416-417.

⁽⁴⁾ Bộ Ngoại giao, *Mặt trận ngoại giao với cuộc đàm phán Paris về Việt Nam*, Sdd, trang 421.

“Hiệp định Paris về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam - Mốc son thắng lợi trên mặt trận ngoại giao thời đại Hồ Chí Minh”



Ý NGHĨA HIỆP ĐỊNH PARIS NĂM 1973: HƠN CẢ MỘT HIỆP ĐỊNH KẾT THÚC CHIẾN TRANH

PGS.TS Đặng Hoàng Linh
Học viện Ngoại giao

Cách đây 50 năm, đúng 12 giờ 30 phút (giờ Paris), ngày 22/01/1973, tại Trung tâm các Hội nghị quốc tế Cléber, Hiệp định về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam (gọi tắt là Hiệp định Paris) đã được Cố vấn đặc biệt Lê Đức Thọ và Cố vấn an ninh quốc gia (Hoa Kỳ) Henry Kissinger ký tắt sau gần 5 năm đàm phán (từ năm 1968 - 1973). Hiệp định đánh dấu cột mốc ý nghĩa không chỉ đối với Việt Nam mà còn với nhiều quốc gia trên toàn thế giới. Đặc biệt, với người dân Việt Nam, đây là kết quả của cuộc đấu tranh kiên cường, bất khuất của Nhân dân ta ở cả hai miền đất nước, tạo ra bước ngoặt mới trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của dân tộc và là mốc son trong trang sử vàng của nền ngoại giao cách mạng Việt Nam.

Từ khóa: Hiệp định Paris năm 1973; Paris; ý nghĩa; chiến tranh Nam Việt Nam; thống nhất đất nước.

Fifty years ago, on January 22, 1973, at exactly 12:30 (Paris time) at the Cléber Conference Center, the Agreement on Ending the War and Restoring Peace in Viet Nam (referred to as the Paris Peace Accords) was initialed by Special Advisor Le Duc Tho and United States National Security Advisor Henry Kissinger after nearly five years (from 1968 to 1973). The Agreement marked a significant milestone not only for Viet Nam but also for many countries in the world. Especially, it was the result of the resilient and indomitable struggle of Vietnamese people in both northern and Southern regions of the country. It created a new turning point in the Anti-American Resistance War for National Salvation and was a golden milestone in the history of Vietnamese revolutionary diplomacy.

Keywords: Paris Peace Accords in 1973; Paris; significance; ending the Vietnam war; national reunification.

NGÀY NHẬN: 09/11/2022 NGÀY PHẢN BIỆN, ĐÁNH GIÁ: 16/12/2022 NGÀY DUYỆT: 10/01/2023

Bối cảnh ký kết Hiệp định Paris năm 1973 Từ sau Hiệp định Genève năm 1954, Việt Nam lại trở thành mục tiêu của đế quốc Mỹ (Mỹ muốn biến Việt Nam trở thành thuộc địa kiểu mới). Nhanh chóng, Mỹ nhảy

vào miền Nam, thế chân thực dân Pháp, buộc Việt Nam một lần nữa phải trải qua cuộc chiến tranh trường kỳ, bền bỉ chống Mỹ để đi tới việc ký kết Hiệp định Paris, ngày 27/01/1973.

“Hiệp định Paris về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam - Mốc son thắng lợi trên mặt trận ngoại giao thời đại Hồ Chí Minh”

Năm 1968, sau hàng loạt những thất bại nặng nề của chiến lược “chiến tranh cục bộ” và chiến tranh phá hoại ở miền Bắc, Mỹ bắt đầu đề cập đến thương lượng. Cuộc đàm phán giữa Chính phủ Việt Nam Dân chủ cộng hòa và Chính phủ Hoa Kỳ đã chính thức diễn ra ở Paris (phái đoàn Việt Nam do Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Xuân Thủy đứng đầu và phái đoàn Mỹ do Hariman đứng đầu).

Tại các phiên họp đàm phán diễn ra trong năm 1968, Việt Nam luôn khẳng định lập trường không thay đổi của mình, yêu cầu Mỹ trước tiên phải chấm dứt không điều kiện các cuộc ném bom bắn phá và mọi hoạt động chiến tranh khác chống nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa, sau đó mới bàn đến các vấn đề có liên quan của hai bên. Phái đoàn Việt Nam luôn khẳng định tính chất chính nghĩa của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của Nhân dân Việt Nam và lên án tội ác chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ trên hai miền Nam – Bắc Việt Nam.

Tuy nhiên, Hội nghị hai bên ở Paris sau nhiều phiên họp trong năm 1968 vẫn không giải quyết được các vấn đề cơ bản. Dù vậy, các phiên họp năm 1968 đã tạo tiền đề để mở ra một thời kỳ tiến công trực diện của ngoại giao Việt Nam trên bàn hội nghị.

Trước sự cứng rắn của Việt Nam trên cả phương diện quân sự và ngoại giao, ngày 01/11/1968, Tổng thống Hoa Kỳ Johnson đưa ra tuyên bố về việc ngừng ném bom bắn phá cũng như dừng mọi hoạt động chiến tranh chống phá Việt Nam Dân chủ cộng hòa. Sau sự kiện này, cuộc đấu tranh trên

bàn đàm phán giữa Việt Nam và Mỹ bắt đầu xoay quanh vấn đề hình thức và thành phần hội nghị. Hai bên đã đi đến thống nhất tổ chức Hội nghị Bốn bên, bao gồm: Việt Nam Dân chủ cộng hòa, Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam (sau đó là Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam), Hoa Kỳ và Việt Nam cộng hòa (chính quyền Sài Gòn). Thành phần tham dự gồm Bốn bên nhưng thực chất lại là lập trường hai bên giữa Việt Nam và Hoa Kỳ, không có sự tham dự và tác động của bên thứ ba, điều này đã tạo lợi thế cho Việt Nam trên bàn đàm phán.

Đến tháng 01/1969, phiên họp đầu tiên của Hội nghị giữa Bốn bên chính thức diễn ra tại Paris. Trong giai đoạn đầu, lập trường hai bên còn rất xa nhau, khiến các cuộc thảo luận diễn ra vô cùng gay gắt. Tuy nhiên, trong thời gian này, trái ngược với Mỹ, Việt Nam lại chiếm được ưu thế lớn trên mặt trận quân sự. Những thắng lợi quân sự của Việt Nam trong các chiến dịch Đường 9 - Nam Lào, Đông Bắc và Đông Nam Cam-pu-chia trong năm 1971; các chiến dịch tiến công Trị - Thiên, Bắc Tây Nguyên, Đông Nam Bộ, Bắc Bình Định, Khu 8 Nam Bộ... trong năm 1972 đã làm quân Mỹ - ngụy bị thiệt hại nặng nề, từng bước làm phá sản chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” và tạo thế thuận lợi cho Việt Nam trên bàn đàm phán.

Ngoài ra, Việt Nam đã tận dụng triệt để lợi thế của bối cảnh bên ngoài lúc bấy giờ để đưa Hiệp định Paris lên bàn đàm phán: (1) Đó là sự ủng hộ của đông đảo cộng đồng người Việt, trong đó có rất nhiều

“Hiệp định Paris về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam - Mốc son thắng lợi trên mặt trận ngoại giao thời đại Hồ Chí Minh”

sinh viên đi từ miền Nam sang Pháp du học; (2) Vai trò của dư luận (không ở đâu có khả năng tập hợp được dư luận và thông tin một cách nhạy bén như ở Paris, địa điểm có thể ví như đầu não thông tin của thế giới lúc bấy giờ). Cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của Việt Nam luôn chiếm gần một nửa thời lượng thông tin thời sự quốc tế, đặc biệt là giai đoạn cuối của tiến trình đàm phán Hiệp định Paris; (3) Sự giúp đỡ về vật chất của Đảng Cộng sản Pháp (PCF) dành cho Việt Nam khi tham gia đàm phán, một lực lượng chính trị rất mạnh ở Pháp lúc bấy giờ. PCF còn có vai trò tích cực trong việc tập hợp các lực lượng chính trị và nhân dân Pháp ủng hộ cuộc kháng chiến chống Mỹ của Việt Nam và phản đối cuộc chiến tranh xâm lược của Mỹ. PCF còn là cầu nối giữa Việt Nam và Pháp (vì hai nước lúc bấy giờ chưa có quan hệ ngoại giao ở cấp đại sứ).

Ngày 08/10/1972, phái đoàn Việt Nam đưa cho Mỹ bản dự thảo “Hiệp định về chấm dứt chiến tranh lập lại hòa bình ở Việt Nam” và đề nghị thảo luận để đi đến ký kết. Lúc đầu, bản dự thảo được các bên nhất trí nhưng đến ngày 22/10/1972, phía Mỹ lật lọng vi phạm dẫn chính quyền Nguyễn Văn Thiệu đòi sửa đổi bản dự thảo. Đêm ngày 18/12/1972, Tổng thống Hoa Kỳ Richard Nixon ra lệnh ném bom hủy diệt Hà Nội và Hải Phòng bằng B52. Cuộc đụng đầu lịch sử trong 12 ngày đêm được ví là “Trận Điện Biên Phủ trên không” kết thúc bằng việc 38 pháo đài bay B52 và 43 máy bay chiến đấu khác của Mỹ bị bắn rơi ngay trên bầu trời Hà Nội. Chiến thắng này đã đập tan hoàn toàn ý chí xâm lược của Mỹ

tại Việt Nam. Thất bại của Mỹ trên chiến trường miền Nam cùng với thất bại của không quân chiến lược Mỹ trên bầu trời Hà Nội đã buộc Mỹ phải chấp nhận thất bại, nối lại đàm phán tại Paris. Trên tư thế bên chiến thắng, phái đoàn Việt Nam tại cuộc đàm phán đã kiên quyết đấu tranh giữ vững nội dung của dự thảo Hiệp định đã thỏa thuận.

Bản Hiệp định Paris về Việt Nam gồm 9 chương, 23 điều với những nội dung chủ yếu: (1) Hai bên ngừng bắn ở miền Nam, Hoa Kỳ cam kết chấm dứt mọi hoạt động quân sự chống phá miền Bắc Việt Nam; (2) Hoa Kỳ cam kết rút hết quân đội của mình và quân đồng minh, không dính líu quân sự hoặc can thiệp vào công việc nội bộ của miền Nam Việt Nam; (3) Nhân dân miền Nam Việt Nam tự quyết định tương lai chính trị của họ thông qua tổng tuyển cử tự do, không có sự can thiệp của nước ngoài; (4) Các bên thừa nhận thực tế miền Nam Việt Nam có hai chính quyền, hai quân đội, hai vùng kiểm soát và ba lực lượng chính trị; (5) Hai bên trao trả tù binh và dân thường bị bắt; (6) Hoa Kỳ cam kết góp phần vào việc hàn gắn vết thương chiến tranh ở Việt Nam và Đông Dương; (7) Hoa Kỳ cam kết tôn trọng độc lập chủ quyền thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam.

[1] Ý nghĩa lịch sử của Hiệp định Paris với thế giới

Hiệp định Paris là minh chứng hùng hồn cho chân lý “đại nghĩa thắng hung tàn, chí nhân thay cường bạo”, là minh chứng tất yếu của sự nghiệp đấu tranh chính nghĩa của dân tộc Việt Nam được sự ủng hộ mạnh mẽ của nhân dân tiến bộ toàn thế giới, là

“Hiệp định Paris về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam - Mốc son thắng lợi trên mặt trận ngoại giao thời đại Hồ Chí Minh”

thắng lợi của các nước xã hội chủ nghĩa, các lực lượng hòa bình, độc lập dân tộc và chủ nghĩa tiến bộ.

Hiệp định Paris đã đi vào lịch sử của cuộc đấu tranh chung của nhân dân thế giới vì độc lập, tự do; vì hòa bình, công lý. Vượt lên trên mọi ý nghĩa thông thường, Hội nghị Paris và Hiệp định Paris là niềm cổ vũ lớn lao đối với Nhân dân yêu chuộng hòa bình và công lý trên thế giới, củng cố niềm tin của Nhân dân các dân tộc bị áp bức trên toàn thế giới vào sự nghiệp đấu tranh chính nghĩa của mình.

Hiệp định Paris còn mang tính quốc tế khi góp phần to lớn vào sự nghiệp giải phóng đất nước của Nhân dân Lào và Cam-pu-chia. Tuy Hiệp định không trực tiếp giải quyết vấn đề của Lào nhưng buộc Mỹ chấm dứt dính líu quân sự, rút quân khỏi Lào, trực tiếp đưa đến một giải pháp về Lào năm 1973, mở đường cho Nhân dân Lào giành thắng lợi hoàn toàn năm 1975. Đối với Cam-pu-chia, Hiệp định đẩy Mỹ đi sâu vào xu thế rút lui về quân sự khỏi Đông Dương, trực tiếp đưa đến việc Mỹ phải chấm dứt ném bom Cam-pu-chia ngày 15/8/1973, tạo thuận lợi cho các lực lượng kháng chiến Cam-pu-chia giành thắng lợi tháng 4/1975.

Hiệp định Paris và thắng lợi của Nhân dân Việt Nam góp phần mở ra một chương mới trong cục diện Đông Nam Á khi quân đội Mỹ rút lui khỏi Đông Dương và Đông Nam Á; Khối SEATO (Tổ chức Hiệp ước Đông Nam Á) giải tán; xu thế hòa bình, trung lập phát triển mạnh trong khu vực, mở ra khả năng thiết lập một khu vực

hòa bình, hữu nghị, ổn định, hướng đến xây dựng một cộng đồng ASEAN vững mạnh.

[2] Ý nghĩa lịch sử của Hiệp định Paris với Việt Nam

Hiệp định Paris là cột mốc đánh dấu thắng lợi to lớn, oanh liệt trong lịch sử chống giặc ngoại xâm của dân tộc ta, là kết quả của cuộc đấu tranh kiên cường, bất khuất của Nhân dân Việt Nam ở cả hai miền đất nước, tạo ra bước ngoặt mới trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của dân tộc, tạo tiền đề cho việc Mỹ hoàn toàn rút quân ra khỏi miền Nam Việt Nam. Mặc dù bối cảnh sau năm 1973, Mỹ vẫn kéo dài chiến lược Việt Nam hóa chiến tranh, tiếp tục để lại 2 vạn cố vấn quân sự, đội lột dân sự, nhưng điều này vẫn cho thấy sự chênh lệch lực lượng giữa hai bên, tạo điều kiện để Việt Nam tiến lên thống nhất đất nước.

Đồng thời, Hiệp định cũng là minh chứng rõ ràng cho sự thất bại của một nước lớn như Mỹ, buộc Mỹ và các nước phải công nhận chủ quyền thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của dân tộc Việt Nam. Cuộc đấu tranh kiên cường vì các quyền cơ bản của dân tộc Việt Nam được thể hiện trong Hiệp định - văn bản pháp lý toàn diện, đầy đủ nhất. Trong đó, Mỹ buộc phải cam kết “tôn trọng độc lập, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam”, điều mà Mỹ đã cố tình lẩn tránh ở Hiệp định Genève năm 1954.

Hiệp định là một lời khẳng định về bản chất cách mạng, khoa học, sáng tạo và tầm vóc thời đại trong đường lối chiến lược, sách lược của Đảng Cộng sản Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh. Hiệp định là tổng hòa thắng lợi của Việt Nam trên tất cả các

“Hiệp định Paris về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam - Mốc son thắng lợi trên mặt trận ngoại giao thời đại Hồ Chí Minh”

mặt trận từ ngoại giao, chính trị đến quân sự; kết hợp thành công sức mạnh của dân tộc với sức mạnh thời đại, tạo ra thế và lực mới cho cuộc chiến đấu của dân tộc ta, tạo thế xoay chuyển có lợi cho cách mạng, đi đến Đại thắng mùa xuân năm 1975.

Đó còn là một minh chứng khẳng định cho sự trưởng thành vượt bậc và đóng góp to lớn của ngành Ngoại giao cách mạng Việt Nam. Trong cuộc chiến tranh chống Mỹ cứu nước, Việt Nam đã biết cách xây dựng ngoại giao thành một mặt trận và đây là một sự sáng tạo. Đó là dấu ấn ngoại giao của “người đàn bà thép” - Phó Chủ tịch nước Nguyễn Thị Bình hay của nhà ngoại giao “khổng lồ” - Cố vấn Lê Đức Thọ. Ngành Ngoại giao đã thể hiện được vai trò chủ động, góp phần quan trọng tiến tới kết thúc cuộc chiến tranh một cách thuận lợi nhất.

Trên tất cả, dù đã gần 50 năm trôi qua, Hội nghị Paris và Hiệp định Paris vẫn để lại cho Việt Nam nhiều bài học sâu sắc, có ý nghĩa to lớn trong bối cảnh hiện nay. Những giá trị, ý nghĩa và bài học từ cột mốc lịch sử này đã và đang tiếp sức cho toàn Đảng, toàn dân và toàn quân thêm vững tin bước vào giai đoạn phát triển mới, đối mặt với những thách thức mới của thời đại.

Bài học quan trọng nhất là tuyệt đối tin tưởng vào sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng - là nhân tố quyết định mọi thắng lợi. Sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng mở ra mặt trận ngoại giao, phát huy thế mạnh của ngoại giao, phối hợp với các mặt trận chính trị, quân sự; lãnh đạo, chỉ đạo chặt chẽ, thống nhất các mặt trận, “vừa đánh, vừa

đàm”, tạo ra sức mạnh tổng hợp, giành toàn thắng. Trong suốt quá trình đàm phán, Bộ Chính trị đã luôn theo dõi và chỉ đạo sát sao cả về chiến lược và sách lược đối với hai đoàn đàm phán để đi đến thắng lợi cuối cùng.

Tiếp đến là bài học về tầm quan trọng của thực lực. Thắng lợi của Hội nghị Paris bắt nguồn từ những thắng lợi trên chiến trường, từ sự lớn mạnh không ngừng về thế và lực của ta trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước. Đó là sức mạnh của chính nghĩa, sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc dưới sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng và sự ủng hộ, giúp đỡ quốc tế; sức mạnh từ sự kết hợp tài tình giữa các mặt trận chính trị, quân sự, ngoại giao; giữa đánh và đàm, giữa chiến trường và bàn đàm phán.

Bên cạnh đó, Hội nghị Paris còn là bài học tiêu biểu về kết hợp sức mạnh của dân tộc với sức mạnh của thời đại. Trong suốt quá trình đàm phán tại Paris, chúng ta đã có được sự ủng hộ to lớn của Liên Xô, Trung Quốc và các nước xã hội chủ nghĩa, chúng ta đã tranh thủ được sự đồng tình của dư luận quốc tế, kể cả dư luận tiến bộ Mỹ, góp phần tạo nên một mặt trận nhân dân thế giới rộng lớn ủng hộ Việt Nam.

Để vượt qua những thách thức lớn, đoàn kết dân tộc, đoàn kết quốc tế, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại là phương cách cực kỳ quan trọng bảo đảm thắng lợi. Cuộc chiến đấu vì độc lập dân tộc, thống nhất đất nước của Nhân dân ta thắng lợi vì đã phát huy được sức mạnh đoàn kết toàn dân tộc, sự ủng hộ và giúp đỡ của các nước xã hội chủ nghĩa, của Nhân dân yêu

“Hiệp định Paris về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam - Mốc son thắng lợi trên mặt trận ngoại giao thời đại Hồ Chí Minh”

chuộng hòa bình trên thế giới, thực hiện đúng lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh *“Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết. Thành công, thành công, đại thành công”*.

Đối với riêng ngành Ngoại giao, Hiệp định Paris là dấu mốc cho sự phát triển vượt bậc của ngành. Đặc biệt, trong bối cảnh hội nhập sâu rộng như hiện nay, những bài học quý giá từ Hiệp định Paris luôn được vận dụng sáng tạo để ký kết nhiều văn bản quan trọng về chính trị, kinh tế, văn hóa, quân sự... góp phần vào sự phát triển của đất nước.

Thứ nhất, Hiệp định Paris là bài học quý giá về sự kiên định trong đường lối đối ngoại độc lập tự chủ, vì lợi ích quốc gia dân tộc; vận dụng đúng đắn phương châm ngoại giao Hồ Chí Minh *“dĩ bất biến, ứng vạn biến”*, tạo thời cơ, kéo địch vào đàm phán, chủ động tấn công ngoại giao và kết thúc đàm phán khi điều kiện chín muồi; xử lý hài hòa quan hệ với các nước lớn, đồng thời tranh thủ được sự ủng hộ quốc tế rộng rãi đối với cuộc kháng chiến của Nhân dân ta để làm nên thắng lợi của Hội nghị Paris.

Thứ hai, giữ vững độc lập, tự chủ là nguyên tắc quan trọng nhất trong xử lý các vấn đề đối ngoại. Hội nghị Paris một lần nữa khẳng định rằng, chỉ có giữ vững độc lập, tự chủ trong quyết định chiến lược, sách lược, ta mới có thể chủ động tiến công, chủ động tạo thời cơ và tranh thủ thời cơ để bảo vệ lợi ích dân tộc.

Thứ ba, sự phối hợp chặt chẽ của các ngành, các cấp, các lĩnh vực là nhân tố quyết định bảo đảm thắng lợi. Trong suốt quá trình đấu tranh ngoại giao tại Hội nghị

Paris, sự phối hợp nhịp nhàng giữa ba mặt trận chính trị, quân sự và ngoại giao, giữa *“đánh”* và *“đàm”*, giữa các binh chủng hợp thành thể trận chiến tranh nhân dân, có ý nghĩa vô cùng quan trọng. Ngay tại Paris, sự phối hợp chặt chẽ và thực hiện phương châm *“tuy hai mà một, tuy một mà hai”* của hai đoàn đàm phán dưới sự lãnh đạo thống nhất của Đảng ta cũng là nhân tố hết sức quan trọng để đi đến thắng lợi.

Thứ tư, chủ động, sáng tạo là phương cách bảo đảm thắng lợi trong đấu tranh ngoại giao. Ngoại giao thời kỳ chống Mỹ cứu nước mà đỉnh cao là Hội nghị Paris thực sự đã trở thành một mặt trận chiến lược, đóng góp xứng đáng vào sự nghiệp của dân tộc.

Kỷ niệm thắng lợi oanh liệt của Hội nghị Paris là dịp để chúng ta bày tỏ lòng tri ân sâu sắc đến những người con của Tổ quốc đã chiến đấu quên mình vì độc lập, tự do, thống nhất đất nước. Sự hy sinh và công ơn to lớn ấy sẽ mãi mãi là tấm gương sáng cho lớp lớp thế hệ người Việt Nam nói chung và cán bộ ngành Ngoại giao nói riêng, hôm nay và mai sau.

Thứ năm, là bài học sâu sắc về xây dựng lực lượng cán bộ ngoại giao. Từ Hội nghị Genève năm 1954 đến Hội nghị Paris, đội ngũ cán bộ ngoại giao đã trưởng thành vượt bậc, được chuẩn bị và trang bị kỹ cả về kiến thức đối ngoại và nghệ thuật đàm phán. Cùng với sự chỉ đạo sát sao, Đảng và Nhà nước ta đã chọn lựa, tin tưởng giao trách nhiệm cho những cán bộ đối ngoại bản lĩnh nhất, xuất sắc nhất tham gia hai đoàn đàm phán, góp phần quan trọng làm nên

“Hiệp định Paris về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam - Mốc son thắng lợi trên mặt trận ngoại giao thời đại Hồ Chí Minh”

thắng lợi của Hội nghị Paris. Hiệp định Paris càng trở nên ý nghĩa khi ngay trong năm 1973, đã có 21 quốc gia thiết lập quan hệ ngoại giao với Việt Nam. Gần 50 năm đã qua nhưng ý nghĩa thắng lợi của Hiệp định vẫn còn nguyên giá trị và tiếp tục góp phần nâng cao uy tín và vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế. Đến nay, Việt Nam đã thiết lập quan hệ ngoại giao với 189/193 quốc gia thành viên Liên hiệp quốc. Tính đến hết năm 2022, Việt Nam đã có 4 đối tác Chiến lược toàn diện; 17 đối tác Chiến lược và 13 đối tác toàn diện. Trên phương diện kinh tế, tính đến cuối năm 2022, Việt Nam đã hoàn thành ký kết 15 hiệp định thương mại tự do (FTA), trong đó có 2 FTA thế hệ mới là CPTPP và EVFTA và đang trong vòng đàm phán hai FTA khác với I-xra-en và Khối EFTA (bao gồm 4 nước: Thụy Sĩ, Na Uy, Ai-xơ-len, Công quốc Lích-ten-xtain).

Qua đây, có thể thấy được vị thế, uy tín và trách nhiệm của Việt Nam trên trường quốc tế, thể hiện quan điểm nhất quán của Việt Nam là *độc lập, tự chủ, hòa bình, hợp tác và phát triển*; thể hiện quyết tâm thực hiện quan điểm của Đảng ta: “Đẩy mạnh và nâng tầm đối ngoại đa phương, kết hợp chặt chẽ với đối ngoại song phương, thực hiện tốt các trọng trách quốc tế”¹; nhằm thực hiện thắng lợi mục tiêu Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng về đối ngoại và hợp tác quốc tế: trong thực hiện hiệu quả các cam kết quốc tế, các hiệp định thương mại tự do; lồng ghép với các kế hoạch, chương trình phát triển kinh tế - xã hội; “mở rộng và nâng cao hiệu quả ngoại giao văn hóa, đóng góp thiết thực vào quảng bá mạnh

mẽ hình ảnh quốc gia và tăng cường sức mạnh tổng hợp của đất nước”².

4. Kết luận

Hiệp định Paris mãi mãi là trang sử vàng chói lọi, thể hiện cao độ bản lĩnh, tinh thần, trí tuệ của con người và nền văn hóa Việt Nam được kết tinh từ lịch sử hàng nghìn năm dựng nước và giữ nước, để lại cho các thế hệ hôm nay và mai sau những bài học vô giá. Cuộc đấu tranh này phản ánh đầy đủ sự lãnh đạo tài tình của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, trí tuệ của nền ngoại giao cách mạng Việt Nam, dựa vào chính nghĩa của cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, cùng với tinh thần quyết chiến, quyết thắng, ý chí quật cường đấu tranh bền bỉ bảo vệ chân lý, giành độc lập, tự do của cả dân tộc Việt Nam. Trong bối cảnh hiện nay, các bài học đó cần được nghiên cứu và vận dụng một cách hợp lý để tiếp tục thúc đẩy cách mạng nước ta phát triển mạnh mẽ hơn nữa.

Chú thích:

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam. *Văn Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII. Tập I.H.* NXB Chính trị quốc gia Sự thật, 2021, tr. 282 - 283, 50.

Tài liệu tham khảo:

1. Ban Tuyên giáo Trung ương - Bộ Ngoại giao. *50 năm Ngày ký Hiệp định Paris về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam.* <https://www.baotravinh.vn>, ngày 20/12/2022.
2. Vũ Quang Hiến. *Sự chỉ đạo của Đảng trong đấu tranh thi hành Hiệp định Paris và giải phóng hoàn toàn miền*

“Hiệp định Paris về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam - Mốc son thắng lợi trên mặt trận ngoại giao thời đại Hồ Chí Minh”

Nam (1973 - 1975). Tạp chí Lịch sử Đảng, số tháng 7/2010.

3. *Hiệp định Paris năm 1973 – Chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam.*

<https://tulieuvankien.dangcongsan.vn>, ngày 26/01/2018.

4. *Hiệp định Paris năm 1973: Ý nghĩa lịch sử và bài học kinh nghiệm,*

<https://infographics.vn>, ngày 26/01/2018.

5. *Hiệp định Paris - mốc son trên mặt trận ngoại giao,* <https://dangcongsan.vn>, ngày 27/01/2021.

6. *Hội nghị Paris và những bài học quý giá cho ngoại giao Việt Nam.* <https://baochinhphu.vn>, truy cập ngày 21/12/2022.

7. *Những bài học lớn từ Hiệp định Paris 1973.* <https://www.hcmcpv.org.vn>, ngày 27/01/2021.

8. *Ý nghĩa thắng lợi của Hiệp định Paris về chấm dứt chiến tranh lập hòa bình ở Việt Nam.* <https://truongchinhtri.kontum.gov.vn>, ngày 17/5/2018.



50 năm Ngày ký Hiệp định Paris về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam (27-1-1973 / 27-1-2023)

CHẶNG ĐƯỜNG ĐẾN CHIẾN THẮNG BÀI 3: “BINH CHŨNG” ĐẶC BIỆT

Linh Oanh

Phong trào đoàn kết quốc tế với Việt Nam là một yếu tố góp phần vào thắng lợi to lớn của nhân dân ta, là một hậu thuẫn quan trọng và trực tiếp đối với cuộc đàm phán ở Paris về Việt Nam.

Sự ủng hộ của một cộng đồng mạnh

Ngày từ khi bắt đầu diễn ra hội nghị (tháng 5-1968) cho đến khi ký kết Hiệp định Paris ngày 27-1-1973, bà con kiều bào nói chung và các hội viên Liên hiệp Việt kiều tại Pháp (nay là Hội người Việt Nam tại Pháp) nói riêng đã trở thành lực lượng hậu thuẫn rất hùng hậu cho cả hai đoàn đàm phán của Việt Nam.

Do có sự chuẩn bị từ trước nên công việc đầu tiên của Liên hiệp Việt kiều tại Pháp là cùng với Tổng đại diện (lúc đó chưa có đại sứ quán) tìm nơi ăn chốn ở cho đoàn đàm phán. Bà con còn tổ chức thành nhiều lớp bảo vệ đoàn, lo các vấn đề hậu cần, phiên dịch...

Ngoài ra, bà con còn là nguồn cung cấp thông tin về tình hình thế giới, phản ánh

“Hiệp định Paris về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam - Mốc son thắng lợi trên mặt trận ngoại giao thời đại Hồ Chí Minh”

du luận thế giới về cuộc đấu tranh của dân tộc ta... cho hai đoàn; tham gia các cuộc mít tinh, tuần hành cùng các bạn Pháp và các nước lân cận ủng hộ lập trường của ta trong đàm phán; tổ chức các buổi biểu diễn nghệ thuật quảng bá văn hóa Việt Nam...



Kiều bào Pháp mít tinh trọng thể hoan nghênh việc ký kết Hiệp định Paris ngày 27-1-1973. Ảnh: Phòng Lưu trữ Bộ Ngoại giao

Trong cuốn “Chiến dịch Hồ Chí Minh giữa lòng Paris” (Nhà xuất bản Quân đội nhân dân, tháng 4-2005), Đại sứ Võ Văn Sung đã viết về sự đóng góp của bà con kiều bào trong suốt quá trình đàm phán cũng như trong giai đoạn 1968-1975: “Tôi nghĩ không quá lời khi nói rằng, Liên hiệp Việt kiều đã là một “binh chủng” rất đặc biệt của mặt trận ngoại giao và mặt trận chính trị của ta tại Pháp và các nước Tây Âu lân cận”.

Nói về “binh chủng” đặc biệt này, Đại sứ, GS, TS Vũ Dương Huân cho hay, cộng đồng người Việt ở nước ngoài vào thời đó có khoảng 2-3 triệu người, trong đó phần lớn người Việt ở Pháp là yêu nước. Nhiều trí thức nổi tiếng ở Pháp như Huỳnh Trung Đồng, Hélène Luc... đã hỗ trợ hai đoàn đàm

phán của Việt Nam các công việc như phiên dịch, biên dịch, in ấn tài liệu...

Thậm chí, các anh chị còn tham gia chuẩn bị những buổi trả lời phỏng vấn báo chí rất chuyên nghiệp. Họ đi đầu trong các cuộc mít tinh, biểu tình ủng hộ, tuyên truyền quan điểm, lập trường của ta và lan tỏa lập trường của ta tới nhân dân Pháp, đóng góp vật chất, kỹ thuật. Có người bỏ công, bỏ việc trong 5 năm liền, phục vụ đoàn bất cứ lúc nào.

Họ đi tiếp xúc, vận động, tuyên truyền không chỉ ở Pháp mà ở cả nhiều nước châu Âu. Kiêu bào chính là cầu nối giữa hai đoàn Việt Nam với các bạn bè ở Pháp và Chính phủ Pháp. Sau khi hiệp định được ký kết, họ tiếp tục đóng góp trong việc thực thi hiệp định, phê phán Mỹ và nguy quyền Sài Gòn phá hiệp định.

Tình đoàn kết quốc tế cao cả

Bên cạnh đó, đoàn đàm phán Việt Nam còn nhận được sự giúp đỡ, ủng hộ quý báu của Tổng thống Pháp, nhiều chính đảng, đoàn thể và các tầng lớp nhân dân Pháp. Đảng Cộng sản Pháp đã cho đoàn Việt Nam mượn Trường Đảng làm trụ sở của đoàn trong gần 5 năm, cho mượn một số cơ sở làm nơi gặp riêng với Mỹ, cử người đến giúp đỡ việc đi lại, ăn ở... Đúng đầu Chính phủ Pháp khi đó là Tổng thống Charles de Gaulle, một người rất am hiểu về Việt Nam.

Tình hình về cuộc kháng chiến của nhân dân ta ở trong nước, đặc biệt là các tuyên bố về giải pháp tại bàn đàm phán đã được lan tỏa đi khắp nơi thông qua báo chí, vô tuyến truyền hình quốc tế. Các tổ chức

“Hiệp định Paris về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam - Mốc son thắng lợi trên mặt trận ngoại giao thời đại Hồ Chí Minh”

đoàn kết với Việt Nam ở các nước, từ châu Âu, Á, Phi, Mỹ Latin và đông đảo nhân dân xuống đường mít tinh bày tỏ sự đồng tình ủng hộ ta, lên án cuộc chiến tranh của Mỹ.

Tất cả họ, thuộc mọi tầng lớp, không chỉ những người cộng sản tiến bộ, lực lượng yêu chuộng hòa bình và công lý, trí thức, tôn giáo mà cả những người “sợ cộng sản”, “không thích cộng sản” cũng trở thành lực lượng chính trị hùng hậu, tác động ngày càng sâu sắc đối với chính sách của chính quyền Mỹ, có ảnh hưởng đến nhiều chính phủ trên thế giới đối với chiến tranh của Mỹ ở Việt Nam.

Nhà báo Hà Đăng nhớ lại chuyến công tác sang Anh hồi tháng 10-1972 cùng với Bình Thanh-nữ phiên dịch của Trường đoàn Nguyễn Thị Bình. “Trong chuyến thăm đó, một đồng chí ủy viên của Đảng Cộng sản Anh dẫn chúng tôi đi thăm một công đoàn thuộc Công đảng Anh. Sau khi giới thiệu chúng tôi là thành viên đoàn Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam, một người đàn ông da màu nói: “Xin hỏi đại biểu của miền Bắc Việt Nam, tại sao Mỹ muốn chấm dứt chiến tranh mà các ông cứ đánh mãi?”.

Tôi lập tức đính chính câu hỏi, rằng chúng tôi là thành viên đoàn miền Nam; đồng thời khẳng định Mỹ không muốn chấm dứt chiến tranh, không muốn đàm phán mà ngược lại, họ đang chống lại đàm phán. Khi hiểu ra, vị thành viên Công đảng chân thành nói lời xin lỗi.

Lúc này, đồng chí ủy viên Đảng Cộng sản Anh đề nghị những người có mặt hôm đó có hành động ủng hộ các bạn Việt

Nam. Dứt lời, ông lấy chiếc cốc và bỏ vài đồng shilling vào đó. Mọi người lần lượt làm theo, quyên góp được mấy chục bảng Anh. Khi chúng tôi chuẩn bị về Paris, vị ủy viên đã dùng số tiền đó để mua vé máy bay cho chúng tôi. Tình cảm đó không bao giờ tôi quên”, nhà báo Hà Đăng bồi hồi nhớ lại.

Sau gần 5 năm, trải qua 202 phiên họp công khai và 45 cuộc gặp riêng, ngày 27-1-1973, Hiệp định Paris được ký kết, đánh dấu bước ngoặt quan trọng của cuộc đấu tranh chống Mỹ, cứu nước của quân và dân ta. Nói về thắng lợi này, Đại sứ Nguyễn Phương Nga, Chủ tịch Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam khẳng định, thắng lợi trên bàn đàm phán Paris về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam năm 1973 là mốc son chói lọi trong lịch sử ngoại giao Việt Nam, cũng như trong lịch sử đấu tranh dựng nước và giữ nước của dân tộc ta. Đây là lần đầu tiên chúng ta tiến hành đàm phán trên tư cách là một nước độc lập, có chủ quyền với một nước là thành viên của Hội đồng Bảo an.

Đó là sự kết hợp hài hòa giữa “đánh” và “đàm”, giữa đấu tranh trên bàn đàm phán với thắng lợi trên chiến trường và thắng lợi trong công cuộc bảo vệ thành quả của miền Bắc xã hội chủ nghĩa. Thành công đó chứng tỏ sức mạnh của ngoại giao Việt Nam, là sự tổng hòa của rất nhiều yếu tố, trong đó có sự phối hợp nhuần nhuyễn giữa sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, giữa ý chí dân tộc với nguyện vọng, khát khao của nhân dân thế giới, vì hòa bình, độc lập dân tộc và sức mạnh đoàn kết quốc tế.

“Hiệp định Paris về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam - Mốc son thắng lợi trên mặt trận ngoại giao thời đại Hồ Chí Minh”



Kỷ niệm 50 năm Ngày ký Hiệp định Paris về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam (27/01/1973 - 27/01/2023)

HIỆP ĐỊNH PARIS MỐC SON TRONG SỰ NGHIỆP CHỐNG MỸ, CỨU NƯỚC

Cách nay 50 năm, Hiệp định Paris về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam được ký kết tại thủ đô Paris (Pháp). Hiệp định Paris là một mốc son chói lọi trong sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước, dẫn tới thay đổi bước ngoặt trong tương quan lực lượng theo hướng có lợi cho ta và chỉ hơn 2 năm sau, với Đại thắng mùa Xuân 1975, dân tộc Việt Nam đã giành thắng lợi trọn vẹn, đất nước Việt Nam được hoàn toàn thống nhất.

Bài 1: Đường tới Hiệp định Paris

1. Sau cách mạng Tháng Tám 1945, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời trong hoàn cảnh vô cùng khó khăn cả trong nước và quốc tế. Tháng 12/1946, Toàn quốc kháng chiến bùng nổ, Chính phủ cách mạng rút lên Việt Bắc để lãnh đạo cuộc kháng chiến trường kì chống thực dân Pháp xâm lược.

Sau 9 năm trường kì kháng chiến, quân và dân ta đã giành được nhiều thắng lợi cả về chính trị, quân sự và ngoại giao. Đầu năm 1950, Trung Quốc, Liên Xô và nhiều nước lần lượt thiết lập quan hệ ngoại giao với Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, công nhận Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa là đại diện hợp pháp duy nhất của nhân dân Việt Nam.



Bà Nguyễn Thị Bình, Trưởng Phái đoàn Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam, tham gia ký Hiệp định Paris ngày 27-1-1973.

Ảnh tư liệu

Tháng 5/1954, sau thất bại tại Điện Biên Phủ, thực dân Pháp hiểu rõ không thể giành được thắng lợi quân sự và buộc phải ngồi vào bàn đàm phán với Việt Nam Dân chủ Cộng hòa tại Geneva (Thụy Sĩ). Là một trong 9 bên tham dự Hội nghị Geneva, song nội dung về đình chỉ chiến sự ở Đông

“Hiệp định Paris về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam - Mốc son thắng lợi trên mặt trận ngoại giao thời đại Hồ Chí Minh”

Dương, Mỹ không kí kết và Tổng thống Eisenhower tuyên bố: “Hoa Kỳ không bị các điều khoản của Hiệp định Geneva ràng buộc”.

Như vậy, ngay từ khi cuộc chiến tranh Đông Dương lần thứ nhất bùng nổ (theo cách gọi của phương Tây), Mỹ đã trực tiếp can dự với việc ủng hộ chính trị, viện trợ quân sự lúc cao nhất tới 80% chiến phí của Pháp tại Việt Nam. Đến khi Hiệp định Geneva vừa được kí kết, Hoa Kỳ lập tức hậu thuẫn mạnh mẽ chính quyền Ngô Đình Diệm cả về kinh tế và quân sự. Thay vì nghiêm chỉnh chấp hành Hiệp định Geneva, cả Mỹ và chính quyền Việt Nam Cộng hòa tìm cách phá hoại Hiệp định, không hiệp thương tổng tuyển cử để thống nhất đất nước Việt Nam theo quy định của Hiệp định Geneva...



Cố vấn Lê Đức Thọ (thứ 2 từ phải sang) và Henry Kissinger bắt tay nhau sau khi ký Hiệp định Paris. Ảnh: T.L

Từ tháng 8/1964, sau khi tạo ra “Sự kiện Vịnh Bắc bộ”, không quân, hải quân Mỹ bắt đầu đánh phá Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Đến tháng 3/1965, Mỹ trực tiếp đưa quân đội vào tham chiến ở miền Nam Việt Nam. Trước thời điểm đó, họ đã đưa hàng vạn chuyên gia, cố vấn quân sự vào

miền Nam Việt Nam. Lúc cao điểm, có đến hơn nửa triệu quân Mỹ và quân một số nước đồng minh cùng tham chiến với hơn 1 triệu quân Sài Gòn. Miền Nam Việt Nam trở thành một căn cứ quân sự khổng lồ. Phong trào cách mạng ở miền Nam và sự nghiệp thống nhất đất nước Việt Nam đứng trước muôn vàn thử thách...

Tuy nhiên, với sự kiên cường của quân và dân Việt Nam, Mỹ và đồng minh của họ ngày càng bị sa lầy và Mỹ cũng như Pháp trước đây hiểu rằng, họ không thể giành thắng lợi quân sự tại Việt Nam. Đầu năm 1967, Tổng thống Johnson gửi thư tới Chủ tịch Hồ Chí Minh nêu vấn đề “đàm phán không điều kiện”. Ngày 15/2/1967, Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi thư trả lời Tổng thống Mỹ, khẳng định: “Chính phủ Mỹ đã gây ra chiến tranh xâm lược Việt Nam thì con đường đưa đến hòa bình ở Việt Nam là Mỹ phải chấm dứt xâm lược...”

Trong thư, ngài có đề ý kiến Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và Mỹ trực tiếp nói chuyện. Nếu Chính phủ Mỹ thật muốn nói chuyện thì trước hết Mỹ phải chấm dứt không điều kiện việc ném bom và mọi hành động chiến tranh khác chống nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa...”.

2. Ông Trịnh Ngọc Thái là một trong những thành viên của phái đoàn Việt Nam Dân chủ Cộng hòa tại Hội nghị Paris từ 1968-1973. Ông cũng là một cán bộ ngoại giao có thâm niên; từng là Đại sứ đặc mệnh toàn quyền nước ta tại Pháp. Sinh thời, ông đã dành cho chúng tôi cuộc trao đổi với những góc nhìn đa chiều, có tính tổng kết về thắng lợi ngoại giao của Hiệp định Paris.

“Hiệp định Paris về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam - Mốc son thắng lợi trên mặt trận ngoại giao thời đại Hồ Chí Minh”

Theo hồi ức của cựu Đại sứ Trịnh Ngọc Thái, sau thắng lợi xuân Mậu Thân của quân và dân ta, cuối tháng 3/1968, Mỹ tuyên bố ngừng ném bom Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và hai bên đạt được thỏa thuận đàm phán tại Paris. Từ trung tuần tháng 5/1968, Mỹ và Việt Nam Dân chủ Cộng hòa gặp nhau tại Paris, bắt đầu cuộc hòa đàm gay cấn và kéo dài hiếm có trong lịch sử ngoại giao của thế giới.



Cựu Đại sứ Việt Nam tại Pháp Trịnh Ngọc Thái: Cùng với những thắng lợi trên chiến trường miền Nam, thì Điện Biên Phủ trên không là thắng lợi quyết định, tiến tới việc ký kết Hiệp định Paris. Ảnh: Duy Hiến chụp tháng 12/2012.

Sau mấy năm kiên trì đàm phán, nhờ những thắng lợi quân sự quan trọng trên trường cả nước, phái đoàn Việt Nam Dân chủ Cộng hòa giành được thế chủ động trên bàn Hội nghị Paris. Đến tháng 10/1972, Việt Nam và Mỹ đã đạt được bản Dự thảo Hiệp định, với những nội dung cơ bản: Hoa Kỳ và các nước cam kết tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam; Hoa Kỳ rút hết quân viễn chinh và quân chư hầu; triệt thoái hết

các căn cứ quân sự Mỹ, cam kết không tiếp tục dính líu quân sự hoặc can thiệp vào công việc nội bộ của nhân dân Việt Nam; Các bên đề cho nhân dân miền Nam Việt Nam tự quyết định tương lai chính trị của họ thông qua tổng tuyển cử tự do; Các bên công nhận thực tế miền Nam Việt Nam có hai chính quyền, hai quân đội, hai vùng kiểm soát và ba lực lượng chính trị...

Cựu đại sứ Trịnh Ngọc Thái phân tích: Với Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, đây là những mục tiêu cơ bản đặt ra trong quá trình đàm phán. Theo những nội dung trên, sẽ tạo ra sự thay đổi tương quan lực lượng có lợi cho cách mạng, cho sự nghiệp giải phóng miền Nam. Quân Mỹ rút hết, quân đội Sài Gòn không còn chỗ “chống lưng”, trong khi lực lượng ta vẫn giữ nguyên tại chỗ. Khác hẳn Hiệp định Geneve năm 1954, quân Pháp rút đi thì lực lượng kháng chiến cũng phải rút về phía Bắc vĩ tuyến 17. Đây là điều Mỹ không muốn và tất nhiên chính quyền Nguyễn Văn Thiệu khó có thể chấp nhận được.

Sau khi đạt được nội dung cơ bản Dự thảo Hiệp định, Mỹ và Việt Nam Dân chủ Cộng hòa thống nhất lịch trình kí chính thức là 25 hoặc 26/10/1972... Tuy nhiên, Mỹ không dễ dàng chấp nhận thua thiệt trong đàm phán và cũng không muốn “bỏ rơi” chính quyền Nguyễn Văn Thiệu. Họ tìm có tri hoãn việc kí kết bằng cách đưa ra những đòi hỏi khó chấp nhận đối với Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và Cộng hòa Miền Nam Việt Nam. Đến ngày 20/11/1972, cố vấn H.Kissinger đề nghị sửa đổi 69 điểm trong bản dự thảo Hiệp định, theo yêu cầu của

“Hiệp định Paris về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam - Mốc son thắng lợi trên mặt trận ngoại giao thời đại Hồ Chí Minh”

chính quyền Nguyễn Văn Thiệu, trong đó có đòi hỏi quân đội miền Bắc phải rút khỏi miền Nam Việt Nam.



Quang cảnh Lễ ký Hiệp định Paris, ngày 27/1/1973 tại Trung tâm các Hội nghị quốc tế ở thủ đô Paris, Pháp. (Ảnh: Văn Lượng/TTXVN).

Những ngày sau H.Kissinger liên tiếp đưa ra những đòi hỏi vô lí và ngày 23/11/1972, khi gặp cố vấn đặc biệt Lê Đức Thọ, ông ta đã đọc bức điện của Tổng thống Nixon ngăm đe dọa ngừng đàm phán, ném bom trở lại... Tuy nhiên cố vấn Lê Đức Thọ đã khẳng khái đáp lại: “Chúng tôi đã đánh nhau với các ông mười mấy năm và cũng đã đàm phán 5 năm rồi. Nay các ông có sẵn sàng mới đi đến giải quyết; không thể dùng đe dọa với chúng tôi được đâu”.

Là thành viên đoàn đàm phán Việt Nam Dân chủ Cộng hòa tại Paris, ông Trịnh Ngọc Thái khẳng định: “Ngoại giao của ta có nhiều thành tựu, có nghệ thuật đàm phán nhưng phải khẳng định, thắng lợi về quân sự mới quyết định kết quả đàm phán. Thắng lợi ngoại giao là sự phát huy những kết quả của thắng lợi trên chiến trường... Sau khi đàm phán bế tắc vào phút chót, H.Kissinger trở về Mỹ và anh Lê Đức Thọ cũng về Hà

Nội. Anh Xuân Thủy và chúng tôi ở lại Paris, nóng lòng chờ nổi lại đàm phán”.

Về phía Mỹ, sau khi đã tái cử thắng lợi trong cuộc bầu cử tháng 11/1972, Tổng thống Nixon đã ra một quyết định phiêu lưu là dùng B.52 tàn phá Hà Nội, nhằm ép phía ta phải kí Hiệp định theo những điều khoản có lợi cho Mỹ - Thiệu.

14h ngày 18/12/1972 (giờ Paris), Mỹ gửi cho đại diện Việt Nam Dân chủ Cộng hòa tại Pháp một công hàm đề nghị sau ngày 26/12/1972, hai bên có thể nổi lại đàm phán vào bất cứ lúc nào. Phía ta vừa nhận được công hàm thì cũng là lúc hàng chục pháo đài bay B.52 và nhiều loại máy bay tiêm kích, cường kích xuất phát từ các căn cứ quân sự của Mỹ bay vào vùng trời Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, dội mưa bom xuống Hà Nội, Hải Phòng. Cả nhân loại tiến bộ phẫn nộ, lên án sự tráo trở, lật lọng của Mỹ.

Các thành viên phái đoàn Việt Nam Dân chủ Cộng hòa lại Paris hồi hộp dõi theo từng bản tin chiến sự trên các phương tiện truyền thông. Mỗi khi nhận được tin máy bay Mỹ bị bắn cháy, nhất là B.52 rơi tại chỗ, là họ lâng lâng trong niềm tự hào, vui sướng khó tả. Đến khi báo chí phương Tây nhận định: “Cứ với tốc độ này, B.52 sẽ bị tuyệt chủng trong 3 tháng nữa”, thì các nhà ngoại giao của ta hiểu rằng, Mỹ sẽ sớm trở lại bàn đàm phán.

Đúng như dự đoán, ngày 29/12/1972, Mỹ buộc phải tuyên bố ngừng ném bom từ vĩ tuyến 20 ra Bắc và đề nghị Việt Nam Dân chủ Cộng hòa nổi lại đàm phán. Trở lại Paris, trong cuộc họp với phía

“Hiệp định Paris về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam - Mốc son thắng lợi trên mặt trận ngoại giao thời đại Hồ Chí Minh”

Mỹ ngày 8/1/1973, cố vấn đặc biệt Lê Đức Thọ đã nghiêm khắc lên án phía Mỹ gây ra đợt ném bom hủy diệt trong mùa Noel năm 1972... Sau gần một tháng nối lại đàm phán, ngày 23/1/1973, hai bên đạt được thỏa thuận cuối cùng và ký tắt Hiệp định và 4 Nghị định thư. Bốn ngoại trưởng của bốn bên, gồm Việt Nam Dân chủ Cộng hòa,

Cộng hòa Miền Nam Việt Nam, Hoa Kỳ và Việt Nam Cộng hòa đã ký chính thức Hiệp định Paris vào ngày 27/1/1973.

Từ thời điểm này, tình hình chính trị, chiến trường tại Việt Nam bước sang một giai đoạn mới và thắng lợi của sự nghiệp kháng chiến, thống nhất đất nước của dân tộc Việt Nam là điều không thể đảo ngược.



TỪ “HÀ NỘI - ĐIỆN BIÊN PHỦ TRÊN KHÔNG” ĐẾN HIỆP ĐỊNH PARIS 1973

CUỘC ĐỘ SỨC CỦA Ý CHÍ VÀ TRÍ TUỆ VIỆT NAM

Hương Sen

Những đòn phản công quân sự liên tiếp từ năm 1968 - 1972 chưa hoàn toàn đánh sập ý đồ xâm lược của Mỹ đối với Việt Nam. Các chuyên gia quân sự cho rằng, chỉ khi nào Việt Nam đập tan ý chí xâm lược của Mỹ, mới buộc Mỹ trở lại bàn đàm phán và ký Hiệp định Paris. Chiến thắng “Hà Nội - Điện Biên Phủ trên không” chính là đòn quyết định đó.

Cuộc chiến cân não cuối cùng

Nói về Chiến thắng “Hà Nội - Điện Biên Phủ trên không”, Trung tướng Phạm Phú Thái, Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân, nguyên Phó Tư lệnh kiêm Tham mưu trưởng Quân chủng Phòng không - Không quân, cho biết, giới học thuật quân sự Mỹ gọi chung là Chiến dịch Linebacker II (từ tháng 4 - 12.1972); còn chúng ta gọi là cuộc chiến tranh phá hoại bằng không quân và hải quân của Mỹ lần thứ hai ra miền Bắc. Sau này, người Mỹ chia ra đợt tập kích

B52 cuối năm 1972 và gọi thêm là Linebacker II, hay 11 ngày Noel 1972; ta gọi là 12 ngày đêm “Hà Nội - Điện Biên Phủ trên không”.

“Đây là trận đánh cuối cùng của không quân và hải quân Mỹ vào miền Bắc nước ta. Nói cách khác, một lần nữa, quân đội Mỹ trực tiếp can thiệp trở lại trong cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam, nhằm nỗ lực thực hiện chiến lược “Việt Nam hóa” cuộc chiến tranh này. Đây cũng là thời điểm nhạy cảm và vô cùng cân não đối với lãnh

“Hiệp định Paris về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam - Mốc son thắng lợi trên mặt trận ngoại giao thời đại Hồ Chí Minh”

đạo đất nước, khi phải tung lực lượng tình báo chiến lược từ đầu não chính quyền Sài Gòn để trả lời câu hỏi Mỹ có can thiệp trở lại cuộc chiến tranh này hay không”, Trung tướng Phạm Phú Thái nhìn nhận.



*Đại tướng Võ Nguyên Giáp tại Sở Chỉ huy Quân chủng Phòng không - Không quân tháng 12.1972
Ảnh: TL*

Thời điểm cuối tháng 12.1972, sau 3 năm đàm phán, dự thảo Hiệp định Paris vẫn chưa được thông qua. Với dã tâm buộc ta phải đầu hàng và ký Hiệp định Paris theo những điều kiện có lợi cho Mỹ, Tổng thống Nixon tiến hành Linebacker II, sử dụng B52 - là loại máy bay ném bom chiến lược hiện đại bậc nhất bấy giờ từ các căn cứ Mỹ ở Thái Lan, Guam, Philippines tiến công hủy diệt Hà Nội, Hải Phòng, nhằm đưa Việt Nam trở lại thời kỳ đồ đá. Mỹ cho rằng: “Đối phương không thể có cách chống đỡ và không còn một sinh vật nào tồn tại nổi dưới những trận mưa bom kinh khủng của loại B52 bất khả xâm phạm” (*Hồi ký của Kissinger*).

Nhân dân Việt Nam chấp nhận thực hiện “Hà Nội - Điện Biên Phủ trên không” để trả lời cả thế giới rằng, Việt Nam có thể đánh Mỹ, thắng Mỹ và cao hơn là đập tan ý chí xâm lược của Mỹ. “Nếu không đánh bại

được ý đồ xâm lược man rợ của Mỹ thì cuộc chiến ngoại giao ở Paris sẽ không giành được thắng lợi. Như vậy, trận quyết chiến chiến lược “Hà Nội - Điện Biên Phủ trên không” là cuộc đọ sức thực sự giữa hai bên, không chỉ là vũ khí, trang bị hiện đại mà còn cả ý chí, quyết tâm và trí tuệ”, PGS.TS. Trần Ngọc Long, nguyên Phó Viện trưởng Viện Lịch sử quân sự đánh giá.

Đập tan con ngáo ộp B52 chỉ trong một trận đánh

Trong 12 ngày đêm, từ ngày 18 - 29.12.1972, Mỹ huy động gần 200 máy bay B52 và gần 1.000 máy bay chiến thuật các loại đánh phá Hà Nội, Hải Phòng, trút 10 vạn tấn bom đạn xuống các trường học, bệnh viện và khu dân cư. "Chưa bao giờ Hà Nội, miền Bắc phải chịu một thử thách lớn lao, quyết liệt như lúc này. Cũng chưa bao giờ Hà Nội viết lên những trang sử chói lọi trên không, và lòng dũng cảm như những ngày qua", Trung tướng Nguyễn Đức Soát, Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân, nguyên Phó Tổng Tham mưu trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam đã đọc lại những dòng nhật ký mình viết trong những giờ phút chiến tranh khắc nghiệt nhất trên bầu trời Hà Nội năm ấy.

Kể về những ngày chiến đấu với giặc Mỹ, Anh hùng Nguyễn Đức Soát - phi công trực tiếp tham gia chiến dịch “Hà Nội - Điện Biên Phủ trên không” cho biết: “Khi chứng kiến kẻ thù tàn phá quê hương, tàn sát dân mình, chúng tôi cảm thấy như có lỗi vì tại sao mình không chặn được. Nên nếu như phát hiện được B52, không bắn rơi được thì

“Hiệp định Paris về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam - Mốc son thắng lợi trên mặt trận ngoại giao thời đại Hồ Chí Minh”

sẽ đâm thẳng vào luôn, để địch không thể gây thêm tang tóc”.



*Hiệp định Paris được ký kết sau chiến thắng
"Hà Nội - Điện Biên Phủ trên không"*

Nguồn: TL

Điều mà ông Soát và đồng đội nhớ nhất là áp lực làm sao có thể bắn rơi máy bay địch. "Không quân Mỹ hơn chúng ta 3 thứ: số lượng đông hơn, vũ khí hiện đại hơn, trình độ phi công bay nhiều giờ hơn. Chứ thực tế trong những năm chiến tranh, năng lực tác chiến và khả năng không chiến của phi công Việt Nam không thua kém phi công Mỹ".

Anh hùng Nguyễn Đức Soát cho biết thêm: "đặc điểm của không quân chúng tôi là tự thân mình lo, mình tự lái máy bay và mình tự quyết định tấn công như thế nào. Sau đó mình tự đánh và tự rút lui. Khi đã lên trời, trực tiếp tham gia chiến đấu, mình quan sát được tình hình thì tự nhiên mình rất tự tin và không lo lắng gì. Mình tin mình có thể trở về an toàn. Mình tin mình có thể chiến thắng”.

Rõ ràng diễn biến Linebacker II từ nhiều năm nay đã được phân tích làm rõ. Chúng ta bắn rơi 81 máy bay, trong đó có 34 máy bay B52 và 5 máy bay F111, bắt sống 43 giặc lái. Chiến thắng này giáng đòn

quyết định vào cố gắng cuối cùng của Mỹ, tuy nhiên, theo Trung tướng Phạm Phú Thái, đòn đánh cuối cùng này có giá trị như toàn bộ Chiến dịch Điện Biên Phủ năm 1954, hay chỉ như trận đánh oanh liệt cuối cùng bắt sống tướng De Castries, từ đó mới đàm phán Hiệp định Genève về đình chiến, nhằm khôi phục hòa bình ở Đông Dương, chấm dứt sự hiện diện của quân đội Pháp trên toàn cõi Đông Dương.

“Hiệp định Paris về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam đã được chuẩn bị và tiến hành như một mặt trận, không có sự can thiệp của hai nước lớn là Liên Xô và Trung Quốc như khi ta đàm phán Hiệp định Genève. Cuộc chiến ngoại giao này tiến hành trong 5 năm, từ 1968 cùng với những trận đánh và chiến dịch quân sự trên chiến trường Việt Nam, Lào, Campuchia. Để từ tháng 10.1972, nội dung cơ bản của Hiệp định Paris đã hình thành và chờ hai bên ký kết; đồng nghĩa phía Mỹ đã chấp nhận thất bại. Dù sau đó Mỹ có lật lọng, nhưng lại giúp cho quân đội và nhân dân Việt Nam khẳng định vị thế của mình, đánh thắng kẻ thù mạnh nhất thế giới trong một trận đánh lịch sử, đập tan *con ngáo ộp* B52, thực hiện đúng di huấn của Chủ tịch Hồ Chí Minh “Mỹ chỉ thua sau khi thua trên bầu trời Hà Nội”, Trung tướng Phạm Phú Thái nhớ lại.

Đánh giá ý nghĩa về quân sự của chiến thắng “Hà Nội - Điện Biên Phủ trên không”, cố Đại tướng Võ Nguyên Giáp từng phân tích: “Không quân chiến lược mà tổn thất tỷ lệ 10% đến 15% là rất cao. Thất bại hết sức nặng nề là như vậy đó”. Và

“Hiệp định Paris về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam - Mốc son thắng lợi trên mặt trận ngoại giao thời đại Hồ Chí Minh”

chính Nixon sau này trong hồi ký của mình cũng thừa nhận: “điều lo ngại chính của tôi trong tuần lễ ném bom đầu tiên không phải là những đợt phản đối của trong nước và thế giới, mà chính là thiệt hại nặng nề của B52”.

Mục đích cuối cùng của Mỹ là sử dụng B52 đánh Hà Nội, Hải Phòng đã không khuất phục nổi nhân dân Việt Nam mà còn bị thất bại thảm hại. Thắng lợi trong trận quyết chiến chiến lược “Hà Nội - Điện Biên Phủ trên không” đã đè bẹp ý chí xâm lược của Mỹ, buộc Mỹ phải trở lại bàn đàm

phán và ký kết Hiệp định Paris ngày 27.1.1973.

Theo nguyên Viện trưởng Viện Lịch sử Đảng, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, PGS. TS. Nguyễn Mạnh Hà, việc ký kết Hiệp định Paris khẳng định thắng lợi của nhân dân ta trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, như lời tiên tri của Bác Hồ từ năm 1945: đem sức ta mà giải phóng cho ta. Đó là tư tưởng nền tảng vững chắc của sự nghiệp cứu nước, trong đó chúng ta có quyền cao nhất là quyền tự quyết định công việc của Tổ quốc mình.



NÉT ĐẶC TRUNG NGOẠI GIAO VIỆT NAM

Thế Dũng

Đối với nền ngoại giao cách mạng Việt Nam trong thời đại Hồ Chí Minh, Hội nghị Paris là cuộc đụng đầu ngoại giao tay đôi đầu tiên giữa Việt Nam và Mỹ, kết thúc bằng Hiệp định Paris được ký ngày 27-1-1973, trong đó Chính phủ Mỹ phải làm điều mà họ đã lẩn trốn ở Hiệp định Geneve 1954: “Tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam”. Thắng lợi này bao trùm là bài học về sự lãnh đạo sáng suốt, bản lĩnh, vững vàng của Đảng ta về vận dụng đúng đắn tư tưởng ngoại giao Hồ Chí Minh.

Trong chiến tranh, mặt trận chính trị và quân sự là quyết định. Nhưng trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, Đảng ta đã nâng tầm ngoại giao lên thành một mặt trận có vai trò chiến lược, với nhiệm vụ phối hợp chặt chẽ với mặt trận chính trị và mặt trận quân sự.

Từ đầu, Đảng ta đã đề ra khẩu hiệu phối hợp 3 mặt trận quân sự-chính trị-ngoại giao để kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Đây là nét đặc thù của ngoại giao Việt Nam, rất hiếm thấy trên thế giới. Thông thường trong chiến tranh, ngoại giao chỉ có mặt khi kết thúc chiến tranh để đi đến ký một hiệp

“Hiệp định Paris về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam - Mốc son thắng lợi trên mặt trận ngoại giao thời đại Hồ Chí Minh”

định ghi lại sự thắng bại của mỗi bên. Trái lại, trong kháng chiến chống Mỹ, ngoại giao của chúng ta có mặt từ đầu đến cuối, luôn luôn có vai trò, vị trí, nhiệm vụ nặng nề. Nghị quyết Hội nghị lần thứ 13 của Ban Chấp hành Trung ương (khóa III), năm 1967 đã khẳng định: “Chúng ta tiến công địch về ngoại giao bây giờ là đúng lúc vì ta đã và đang thắng địch, thế của ta bây giờ là thế mạnh...”.



Cuốn cờ Mỹ chấm dứt hoạt động của Bộ chỉ huy viện trợ quân sự Mỹ tại miền Nam Việt Nam ngày 29-3-1973. Ảnh tư liệu

Nghị quyết Bộ Chính trị tháng 4-1969 ghi rõ: “Ngoại giao đã trở thành một mặt trận quan trọng, có ý nghĩa chiến lược”. Trên chiến trường, ta đánh thắng trận nào thì ngoại giao phát huy, khuếch trương trên thế giới, đồng thời phục vụ và phối hợp với đấu tranh quân sự, chính trị tạo thành sức mạnh tổng hợp. Thực hiện đường lối lãnh đạo của Đảng, trong kháng chiến chống Mỹ, ngoại giao của ta đã thực hiện hai nhiệm vụ lớn:

Thứ nhất, tăng cường hậu phương quốc tế của ta và làm suy yếu hậu phương

địch. Thực hiện khẩu hiệu của Đảng đề ra là thêm bạn bớt thù, ngoại giao tranh thủ sự ủng hộ từ những đồng minh chiến lược đến những người chỉ đồng tình với ta ở một điểm nào đó. Chúng ta nêu rõ, chống Mỹ là nhằm mục tiêu chung của loài người, của thời đại, từ mục tiêu cao là chủ nghĩa xã hội, cho đến mục tiêu thấp là hòa bình độc lập dân tộc. Ai đồng tình với ta trên cơ sở chiến lược là đi tới chủ nghĩa xã hội đều là bạn của ta. Ai chỉ đồng tình với ta dù trên cơ sở nhân đạo ta cũng coi là bạn.

Thứ hai, ngoại giao giải quyết vấn đề ta thắng, địch thua. Với một kẻ địch mạnh như Mỹ, cuộc đấu tranh của ta chống Mỹ không thể chỉ khi nào ta buộc đối phương phải quy hàng mới kết thúc. Phải có khái niệm thật rõ, thế nào là ta thắng, thế nào là địch thua. Ta thắng là khi ta bảo vệ được độc lập, tự do, giải phóng được đất nước. Mỹ thua là phải rút hết quân, chấm dứt xâm lược, cam kết tôn trọng các quyền dân tộc cơ bản của nhân dân Việt Nam. Như lời Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói: “Chúng tôi sẵn sàng trải thảm đỏ và rắc hoa cho Mỹ rút lui. Nhưng nếu Mỹ không rút thì phải đánh đuổi Mỹ”. Để thắng kẻ thù lớn như đế quốc Mỹ thì phải có sự đóng góp của ngoại giao.

Thắng lợi của Việt Nam tại Hội nghị Paris và Hiệp định Paris 1973 là một thắng lợi to lớn của nền ngoại giao Việt Nam hiện đại, trên cơ sở kế thừa truyền thống ngoại giao Việt Nam trong lịch sử; kế thừa tư tưởng, nghệ thuật ngoại giao Hồ Chí Minh dưới sự lãnh đạo của Đảng.

“Hiệp định Paris về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam - Mốc son thắng lợi trên mặt trận ngoại giao thời đại Hồ Chí Minh”



TINH THẦN ĐỘC LẬP, TỰ CHỦ CỦA ĐẢNG TRONG LÃNH ĐẠO THỰC HIỆN CHỦ TRƯỞNG “VỪA ĐÁNH, VỪA ĐÀM” TẠO NÊN THẮNG LỢI CỦA HIỆP ĐỊNH PARIS

LÊ THỊ ĐIỆP

Học viện Chính trị khu vực I

Ngày nhận: 28/10/2022 Ngày phản biện: 25/11/2022 Duyệt đăng: 5/1/2023

Tóm tắt: Trong lịch sử lãnh đạo đất nước, Đảng vẫn luôn luôn kiên định giữ vững ngọn cờ độc lập, tự chủ mà trong đó, Hội nghị Paris là một minh chứng còn sáng rõ cho đến tận ngày hôm nay. Bài viết khái quát tinh thần độc lập, tự chủ của Đảng trong suốt gần 5 năm diễn ra Hội nghị được thể hiện qua việc lựa chọn thời điểm bắt đầu và phương pháp tiến hành đàm phán, về kiên định chủ trương “vừa đánh, vừa đàm” nhưng phải hết sức khéo léo trong mối quan hệ quốc tế, về chuẩn bị đầy đủ điều kiện “nội lực” mọi mặt... nhằm đưa cuộc đàm phán đi đến thắng lợi cuối cùng.

Từ khóa: Chủ trương “vừa đánh, vừa đàm”; Hiệp định Paris, tinh thần độc lập, tự chủ

Đặt vấn đề

Độc lập, tự chủ là một phạm trù rất thiêng liêng của mỗi một quốc gia dân tộc. Giữ vững ngọn cờ độc lập, tự chủ vẫn luôn là một bài học quan trọng, được Đảng đúc kết, khẳng định trong suốt hơn 90 năm lãnh đạo dân tộc mà Hiệp định Paris là một minh chứng hùng hồn từ lịch sử. 50 năm sau khi Hiệp định Paris được ký kết, việc nhìn nhận rõ và phát huy tinh thần độc lập, tự chủ của Đảng trong lãnh đạo thực hiện chủ trương “vừa đánh, vừa đàm” vẫn luôn cần thiết.

Nội dung

Tinh thần độc lập, tự chủ trong lãnh đạo cách mạng đất nước của Đảng luôn được phát huy, khẳng định và chứng minh

qua thực tiễn lịch sử. Sự thành công của Hội nghị Paris là dấu mốc “đánh cho Mỹ cút”, tạo đà “đánh cho Ngụy nhào” giai đoạn sau này trong cuộc kháng chiến chống Mỹ của Đảng và Nhân dân Việt Nam. Cuộc đàm phán Paris về Việt Nam diễn ra từ năm 1968 đến năm 1973, họp 174 phiên công khai, 24 đợt gặp riêng bí mật ở cấp cao với hàng trăm cuộc họp báo [5, tr.212] và trở thành trung tâm chú ý của dư luận thế giới vì cuộc đấu tranh chính trị, quân sự, ngoại giao giữa Việt Nam và Mỹ, là tụ điểm của những mâu thuẫn cơ bản của thời đại. Trong quá trình đàm phán, chủ trương của Đảng là cần phải phối hợp nhịp nhàng giữa tất cả các mặt trận, từ đấu tranh chính trị, quân sự với đấu

“Hiệp định Paris về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam - Mốc son thắng lợi trên mặt trận ngoại giao thời đại Hồ Chí Minh”

tranh ngoại giao bởi vì tương quan lực lượng giữa ta và Mỹ - Ngụy thường xuyên thay đổi trên các chiến trường. Các chiến thắng quân sự như Mậu Thân năm 1968, chiến thắng Đường 9 - Nam Lào đầu năm 1971, chiến thắng trận “Điện Biên Phủ trên không” tại Hà Nội năm 1972 là những tác nhân trực tiếp, từng bước buộc chính quyền Mỹ phải đàm phán thực chất hơn hoặc xuống thang trên bàn Hội nghị. Những thắng lợi trên mặt trận quân sự cũng tạo điều kiện cho cuộc đấu tranh chính trị ở các đô thị miền Nam được đẩy lên một thế cao hơn. Rõ ràng, chủ trương “vừa đánh, vừa đàm” đã tạo điều kiện cần thiết cho khả năng độc lập, tự chủ của Đảng trong lãnh đạo, chỉ đạo cuộc đàm phán kéo dài ngày nhất từ khi thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

50 năm sau khi Hiệp định Paris được ký kết, bài học về độc lập, tự chủ vẫn luôn sống động không chỉ đối với Đảng và Nhân dân Việt Nam mà vẫn thường được nhắc đến như một minh chứng cho sự cần thiết của độc lập, tự chủ với mỗi một quốc gia dân tộc trên thế giới. Tinh thần độc lập, tự chủ của Hội nghị đã được Đảng và các nhà nghiên cứu phân tích, tổng kết dựa trên những nội dung sau:

Thứ nhất, độc lập, tự chủ trong lựa chọn thời điểm bước vào cuộc đàm phán có lợi cho cách mạng Việt Nam

Chủ trương mở rộng đấu tranh ngoại giao đã có từ đầu, nhưng thời điểm cuộc đàm phán Paris được diễn ra là sự cân nhắc có chủ đích trong chủ trương của Đảng,

phải lựa chọn một thời điểm có lợi thế nhất cho cách mạng Việt Nam để bước vào vòng đàm phán. Vì vậy, khi cuộc tiến công và nổi dậy tết Mậu Thân diễn ra tháng 1 năm 1968 đã tạo ra “một sự choáng váng đối với tất cả người Mỹ” [2, tr.64], “nhân dân Mỹ và một số nhân vật trong chính quyền bắt đầu nghĩ rằng chúng ta (Mỹ) đã thất bại” [2, tr.504-], trở thành một bước ngoặt lớn ở miền Nam kết hợp với những chiến thắng vang dội ở miền Bắc buộc Mỹ chấp nhận mở bàn đàm phán tại Paris.

Thứ hai, độc lập, tự chủ thực hiện chủ trương “vừa đánh, vừa đàm” đồng thời khéo léo trong xử lý quan hệ đối ngoại với hai nước Liên Xô, Trung Quốc.

Trước thềm diễn ra cuộc hội đàm chính thức giữa Việt Nam và Mỹ, quan hệ Liên Xô - Trung Quốc ngày càng xấu đi đã tác động lớn đến cách mạng Việt Nam. Thái độ hai nước đối với Hội nghị Paris rất khác nhau. Về phía Liên Xô: Quan điểm của Liên Xô mong muốn Việt Nam sớm ngồi vào bàn Hội nghị để giải quyết bằng thương lượng hòa bình, tránh một cuộc xung đột rộng lớn với Mỹ, khuyến khích Việt Nam tiếp xúc với Mỹ, đưa ra sáng kiến hòa bình “Hoa hướng dương”, đề nghị Việt Nam không nên yêu cầu Mỹ chấm dứt ném bom không điều kiện [3, tr.38-39]... Nhìn chung, Liên Xô muốn Việt Nam đáp ứng yêu sách của Mỹ trên nguyên tắc “có đi có lại”, hoặc hạ thấp các điều kiện đàm phán, tức là Việt Nam chấm dứt đưa quân chiến đấu vào miền Nam, rút quân đội ra khỏi miền Nam đổi lại Mỹ sẽ chấm dứt ném bom miền Bắc. Về phía Trung Quốc: Cuối năm 1968 Trung

“Hiệp định Paris về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam - Mốc son thắng lợi trên mặt trận ngoại giao thời đại Hồ Chí Minh”

Quốc vẫn không tán thành Việt Nam thương lượng với Mỹ, không tán thành việc tiếp xúc với Mỹ để đòi Mỹ chấm dứt hoàn toàn ném bom miền Bắc và chỉ trích Liên Xô. Trung Quốc thường xuyên tỏ thái độ không đồng tình với chủ trương đàm phán, hạn chế vận chuyển quá cảnh hàng hóa viện trợ của Liên Xô cho Việt Nam đi qua Trung Quốc năm 1969. Trước tình hình phức tạp như trên, Đảng và Nhà nước xác định phải phát huy tinh thần độc lập, tự chủ, kiên quyết thực hiện đấu tranh ngoại giao trên cơ sở phối hợp chặt chẽ với các hình thức đấu tranh chính trị, quân sự và khéo léo, linh hoạt, cân trọng trong xử lý mối quan hệ với Liên Xô, Trung Quốc. Kiên định sự đúng đắn của chủ trương “vừa đánh, vừa đàm”, nhưng quá trình “gỡ rối” sự khác biệt trong quan điểm, thái độ của Liên Xô và Trung Quốc về cuộc đàm phán Paris, Đảng và chính phủ Việt Nam đã có nhiều hoạt động bên lề linh hoạt, kịp thời với từng bên.

Như vậy, xuất phát từ đặt lợi ích dân tộc lên hàng đầu, gương cao ngạo cờ độc lập, tự chủ nhưng luôn tôn trọng quan điểm, lập trường của Liên Xô và Trung Quốc một cách tích cực, khéo léo, Việt Nam đã hạn chế đến mức thấp nhất tác động tiêu cực từ những đồng minh chiến lược, tranh thủ ở mức tối đa sự ủng hộ, giúp đỡ phục vụ cuộc đàm phán. Nhìn một cách tổng quát, Việt Nam giai đoạn này đã giải quyết khá thành công bài toán quan hệ giữa quốc gia với quốc tế (chủ yếu trong nội khối xã hội chủ nghĩa).

Thứ ba, độc lập, tự chủ trong chuẩn bị đầy đủ lực lượng

Suốt gần 5 năm diễn ra cuộc đàm phán là sự kết hợp nhịp nhàng giữa ba mặt trận quân sự - chính trị - ngoại giao cùng với đó là sự viện trợ nhân lực, vật lực của miền Bắc dành cho miền Nam ruột thịt. Nếu không có cuộc Tổng tiến công Tết Mậu Thân năm 1968 thì Mỹ chưa chịu ngồi vào bàn thương lượng; nếu không có “Điện Biên Phủ trên không” thắng lợi thì Mỹ cũng chưa chịu ngồi lại để ký Hiệp định một cách nhanh chóng trong vòng một tháng. Điều này được Đảng luôn quán triệt trong các hội nghị Trung ương như Nghị quyết 12 (12 - 1965), Nghị quyết 14 (1 - 1968) về vị trí của đấu tranh ngoại giao và sự chuẩn bị các tiền đề cần thiết, bồi dưỡng đòn tiến công mới, giáng mạnh vào ý chí xâm lược của Mỹ, gây cho Mỹ những tổn thất nặng nề về sinh lực và phương tiện chiến tranh nhằm thúc đẩy tiến trình đàm phán.

Thứ tư, độc lập, tự chủ trong lựa chọn hình thức đàm phán

Khác với Hội nghị Giơnevơ năm 1954 về Đông Dương là các nước lớn trực tiếp đàm phán với nhau, Việt Nam Dân chủ Cộng hòa chỉ là một bên trong tổng số 9 bên tham gia, Hội nghị Paris là cuộc đàm phán trực tiếp giữa Việt Nam và Mỹ, không qua trung gian với giai đoạn đầu là Việt Nam Dân chủ Cộng hòa với Mỹ, giai đoạn hai là 4 bên có thêm Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam (từ tháng 6 - 1969 là Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam) và chính quyền Sài Gòn. Nhờ vậy, Việt Nam độc lập, tự chủ quyết định mọi vấn đề trong đàm phán, từ

“Hiệp định Paris về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam - Mốc son thắng lợi trên mặt trận ngoại giao thời đại Hồ Chí Minh”

hình thức, phương pháp, điều kiện đến thời điểm, bước đi của đàm phán.

Hiệp định Paris được ký kết, toàn bộ quân Mỹ và đồng minh rút khỏi miền Nam Việt Nam đã tạo bước đà chiến lược cho những thắng lợi quân sự, chính trị sau này, đi tới chiến thắng của chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử. Hòa bình lập lại trên cả hai miền Tổ quốc, giang sơn quy về một mối, đất nước vẫn phải đối mặt với muôn vàn khó khăn. Đặt trong những thách thức chung của khối các nước xã hội chủ nghĩa phải đối mặt, với bản lĩnh vững vàng, Đảng đã quyết tâm lãnh đạo cả nước thực hiện đổi mới toàn diện đất nước. Hơn 35 năm đổi mới “Đất nước ta chưa bao giờ có được cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế như ngày nay”[1, tr.25]. Thành tựu trên đây chính là nền tảng cơ sở để Việt Nam có thể tiếp tục kiên trì thực hiện đường lối độc lập, tự chủ. Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu quan trọng, đáng tự hào, đất nước vẫn đứng trước nhiều khó khăn, thách thức, điều kiện nội tại của đất nước đã khác nhiều so với thời kỳ thực hiện cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, nhưng đất nước vẫn đang trong thời kỳ quá độ, ở mức đang phát triển và phải đối mặt với nguy cơ cao về bẫy thu nhập trung bình, về nguy cơ “tự diễn biến, tự chuyển hóa”.

Kết luận

Nhìn từ sự chuẩn bị, sự kiên định, sự sáng tạo của Đảng trong suốt gần 5 năm tiến

hành cuộc đàm phán Hội nghị Paris có thể nhận thấy trong bối cảnh hiện nay, để có thể giữ vững chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ để phát triển đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa phải luôn giữ vững tinh thần độc lập, tự chủ trong lãnh đạo, chỉ đạo mọi quyết sách lớn của đất nước trên 4 trụ cột lớn: *"Phát triển kinh tế - xã là trung tâm; xây dựng Đảng là then chốt; phát triển văn hóa là nền tảng tinh thần; bảo đảm quốc phòng – an ninh là trọng yếu thường xuyên; động lực và nguồn lực phát triển quan trọng của đất nước là phải khơi dậy mạnh mẽ tinh thần yêu nước, "ý chí tự cường dân tộc, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân và khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc 1tr.34].*

Tài liệu tham khảo:

- [3] Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, tập I, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
- [4] Giôn xon (1972), *Hồi ký về cuộc đời làm tổng thống*, Nxb. Buchet - Chastel, Pari.
- [5] Hồ sơ quan hệ Việt - Xô trong giai đoạn chống Mỹ, cứu nước (7 - 1954 đến tháng 4 - 1975), tài liệu lưu tại Viện Hồ Chí Minh và các lãnh tụ, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.
- [6] Nguyễn Văn Huyền (2012), “Các tiếp cận lịch sử và logic về độc lập, tự chủ trong chủ quyền quốc gia”, *Tạp chí Thông tin khoa học Lý luận chính trị*, số 3.
- Nguyễn Thành Lê (2018), *Cuộc đàm phán Pari về Việt Nam (1968 - 1973)*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.

“Hiệp định Paris về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam - Mốc son thắng lợi trên mặt trận ngoại giao thời đại Hồ Chí Minh”



HIỆP ĐỊNH PARIS THẮNG LỢI TO LỚN CỦA CÁCH MẠNG VIỆT NAM

Nguyễn Hà Hải

Trong lịch sử đấu tranh của nhân dân ta, chưa bao giờ có cuộc đàm phán kéo dài suốt 5 năm như cuộc đàm phán tại Paris. Hiệp định Paris năm 1973 là thắng lợi tổng hợp của cuộc đấu tranh trên các mặt trận quân sự, chính trị và ngoại giao. Ngọn cờ chính nghĩa và sự đồng thuận trên dưới một lòng của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta đã tạo nên sức mạnh chính trị to lớn. Những chiến thắng trên chiến trường thúc đẩy diễn tiến của cuộc đấu tranh ngoại giao. Cuộc Tổng tiến công Tết Mậu Thân 1968 buộc đối phương phải đề nghị đàm phán. Tiếp đó, cuộc tiến công chiến lược năm 1972 đưa cuộc đàm phán đi vào thực chất. Đặc biệt, với chiến thắng “Điện Biên Phủ trên không” buộc Mỹ quay trở lại bàn đàm phán và đi tới việc ký kết Hiệp định.



Bộ trưởng Ngoại giao Việt Nam Dân chủ Cộng hòa Xuân Thủy, Cố vấn Lê Đức Thọ gặp gỡ phái đoàn ngoại giao Hoa Kỳ tại Hội nghị Paris năm 1973. Ảnh: Tư liệu

“Hiệp định Paris về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam - Mốc son thắng lợi trên mặt trận ngoại giao thời đại Hồ Chí Minh”

Chiến trường và thắng lợi tại chiến trường có ý nghĩa quyết định vì không thể giành được ở bàn đàm phán những gì không giành được ở chiến trường. Tuy nhiên, đấu tranh ở bàn đàm phán có tác dụng rất quan trọng và có tác động trở lại tạo điều kiện cho đấu tranh quân sự, chính trị giành thắng lợi lớn hơn. Quá trình đàm phán ở Paris là quá trình phối hợp chặt chẽ, nhịp nhàng giữa Đoàn đàm phán với lãnh đạo trong nước, Bộ Ngoại giao, Bộ Quốc phòng, Trung ương Cục miền Nam và nhiều cơ quan khác. Khi cần thiết, đồng chí lãnh đạo Đoàn đàm phán về báo cáo, trình bày ý kiến và tiếp thu ý kiến chỉ đạo từ trong nước. Nhờ đó, trong ngoài thông suốt, làm cho đàm phán tiến triển nhanh chóng và đạt kết quả theo đúng ý định của ta.

Với Hiệp định Paris, nhân dân Việt Nam đã thực hiện được mục tiêu “đánh cho Mỹ cút”, mở ra một giai đoạn mới, tạo ra so sánh lực lượng mới. Hoa Kỳ cam kết tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam, quân đội Mỹ và các đồng minh của Mỹ phải rút khỏi Việt Nam, phải chấm dứt mọi hành động quân sự chống phá hai miền Nam-Bắc Việt Nam. Hiệp định là cơ sở pháp lý không cho phép Mỹ tiếp tục dính líu và can thiệp trở lại. Mỹ rút quân nhưng Việt Nam vẫn giữ nguyên lực lượng chính trị và vũ trang ở miền Nam Việt Nam. Tạo điều kiện thuận lợi cho việc thực hiện mục tiêu “đánh cho ngụy nhào”, hoàn thành giải phóng miền Nam năm 1975.

Trong bối cảnh quan hệ quốc tế thuận lợi đan xen với khó khăn, Hiệp định

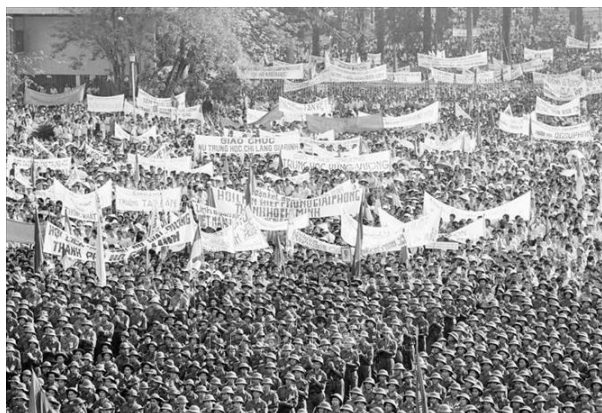
Paris phản ánh thắng lợi của Việt Nam trong tranh thủ sự đồng tình ủng hộ của cả Liên Xô, Trung Quốc, các nước XHCN, các nước không liên kết và nhân dân yêu chuộng hòa bình trên toàn thế giới. Cuộc đàm phán diễn ra ở Paris tạo cho ta một vị trí tiên tiêu để ta tác động mạnh và kịp thời tới dư luận Mỹ và dư luận phương Tây, giải thích lập trường chính nghĩa của ta, phê phán và bóc trần những luận điểm sai trái, phi nghĩa của đối phương. Từ đó, hình thành nên mặt trận nhân dân thế giới ủng hộ Việt Nam kháng chiến chống Mỹ xâm lược.

Việc ký kết Hiệp định Paris đánh dấu sự trưởng thành của nền ngoại giao Việt Nam. Cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân Việt Nam diễn ra trong mối tương quan không cân sức với một đối thủ có lực lượng quân sự hùng hậu, tiềm lực kinh tế vững mạnh với kinh nghiệm phong phú của nhiều nhà ngoại giao lão luyện. Nhưng dưới ánh sáng tư tưởng Hồ Chí Minh, ngoại giao Việt Nam đã xác định rõ mục tiêu cơ bản của đàm phán, vạch ra sách lược đấu tranh cụ thể trên phương châm “Dĩ bất biến, ứng vạn biến”, “thêm bạn, bớt thù”, dự báo thời cơ và nắm bắt đúng thời cơ để đi đến thắng lợi quyết định.

Phát huy truyền thống của ông cha, theo tư tưởng Hồ Chí Minh, ngoại giao trở thành một mặt trận phối hợp với các mặt trận quân sự, chính trị tạo nên sức mạnh tổng hợp của dân tộc để bảo vệ miền Bắc, giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc. Từ Hội nghị Genève về Đông Dương tới Hội nghị Paris về Việt Nam, ta có bước tiến lớn trên con đường xây dựng nền ngoại giao

“Hiệp định Paris về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam - Mốc son thắng lợi trên mặt trận ngoại giao thời đại Hồ Chí Minh”

độc lập, tự chủ và đoàn kết quốc tế. Đó là một thành tựu nổi bật của ngoại giao trong thời đại Hồ Chí Minh.



Nhân dân Sài Gòn mít tinh chào mừng Ủy ban Quân quản thành phố ra mắt, ngày 7/5/1975. Ảnh: TTXVN

Ý nghĩa thắng lợi của Hiệp định Paris đối với cách mạng Việt Nam còn gắn liền phong trào cách mạng khu vực và trên thế giới. Thất bại ở Việt Nam khiến Mỹ phải lùi một bước về chiến lược, tránh “một Việt Nam thứ hai”. Với Hiệp định Paris và việc Mỹ rút khỏi Việt Nam góp phần to lớn và sự nghiệp giải phóng của nhân dân Lào và Campuchia. Giải pháp về Lào gần như đồng thời với Hiệp định Paris về Việt Nam (tháng 2/1973). Đến ngày 2/12/1975, chấm dứt sự can thiệp của Mỹ, xóa bỏ chế độ quân chủ, thành lập nước Cộng hòa Dân chủ nhân dân Lào.

Đồng thời, mở đường cho thắng lợi của Campuchia, chấm dứt sự can thiệp của Mỹ, Phnôm Pênh được giải phóng ngày

17/4/1975. Ba nước Đông Dương đều thoát khỏi sự can thiệp và xâm lược của đế quốc và tự do lựa chọn con đường tiến lên của dân tộc mình. Thắng lợi của nhân dân Việt Nam góp phần mở ra cục diện mới ở Đông Nam Á: Quân đội Mỹ rút khỏi khu vực, khối SEATO giải tán; xu thế hòa bình, trung lập trong khu vực phát triển.

Đánh giá cuộc đấu tranh ngoại giao ở Paris, Nghị quyết của Hội nghị lần thứ 21 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (13/10/1973) viết: “Cuộc đấu tranh trên mặt trận ngoại giao ở Pari kéo dài 5 năm, phối hợp chặt chẽ với cuộc đấu tranh quân sự và chính trị trong nước, gây được ảnh hưởng chính trị rộng lớn trên thế giới, đã kết thúc thắng lợi... Hiệp định đó ghi lại những thắng lợi rất to lớn của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, đánh dấu một bước ngoặt trong cuộc đấu tranh cách mạng của nhân dân ta”.

Phát huy sức mạnh đoàn kết, thống nhất của dân tộc, kết hợp sức mạnh của thời đại, thực hiện tư tưởng lớn của Chủ tịch Hồ Chí Minh: “Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết. Thành công, thành công, đại thành công” trong đàm phán và đi tới ký kết Hiệp định Paris là vấn đề có ý nghĩa thời sự trong công cuộc đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc XHCN ngày nay. Đây cũng là quy luật khách quan của thời đại khi xu thế quốc tế hóa đời sống của các quốc gia, dân tộc trên hành tinh đang phát triển.

“Hiệp định Paris về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam - Mốc son thắng lợi trên mặt trận ngoại giao thời đại Hồ Chí Minh”

PHẦN 2: 50 NĂM HIỆP ĐỊNH PARIS NHÌN LẠI QUÁ TRÌNH ĐÀM PHÁN LỊCH SỬ

Vietnam+

Thứ Hai, 16/01/2023 16:37

Ngôn ngữ: Tiếng Việt | English | Français | Español | 中文 | Русский

DÒNG SỰ KIỆN: Xây dựng Đảng | Phục hồi và phát triển kinh tế-xã hội 2022-2023 | 50 năm kỷ Hiệp định Paris | AFF Cup 2022 | 2023: Dự báo - Triển vọng | Vụ Việt Á nâng khống giá ki

50 NĂM HIỆP ĐỊNH PARIS Ý NGHĨA LỊCH SỬ VÀ BÀI HỌC KINH NGHIỆM

Thu Phương (TTXVN/Vietnam+)

Hiệp định Paris là đỉnh cao của nền ngoại giao Việt Nam trong 30 năm chiến tranh giải phóng, là văn kiện pháp lý quốc tế khẳng định thắng lợi to lớn của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.



Giáo sư, Tiến sỹ Nguyễn Xuân Thắng, Ủy viên Bộ Chính trị, Giám đốc Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Chủ tịch Hội đồng Lý luận Trung ương, phát biểu đề dẫn. (Ảnh: Lâm Khánh/TTXVN)

Nhân kỷ niệm 50 năm ngày ký Hiệp định Paris về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam (27/1/1973-27/1/2023), sáng 16/1, Ban Tuyên giáo

Trung ương phối hợp Bộ Ngoại giao, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh và Bộ Quốc phòng tổ chức Hội thảo khoa học “50 năm Hiệp định Paris về chấm dứt chiến

“Hiệp định Paris về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam - Mốc son thắng lợi trên mặt trận ngoại giao thời đại Hồ Chí Minh”

tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam-Ý nghĩa lịch sử và bài học kinh nghiệm.”

Hội thảo nhằm nêu bật tầm vóc, ý nghĩa của Hiệp định Paris đối với tiến trình lịch sử dân tộc và cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta; đúc kết những bài học kinh nghiệm vận dụng trong công cuộc xây dựng, phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới.

Ủy viên Bộ Chính trị, Chủ tịch Hội đồng Lý luận Trung ương, Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Giáo sư, Tiến sỹ Nguyễn Xuân Thắng; Phó Trưởng Ban Tuyên giáo Trung ương Lê Hải Bình; Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Bùi Thanh Sơn, đồng chủ trì Hội thảo.

Cùng dự có đại diện lãnh đạo các ban, bộ, ngành Trung ương, địa phương; đại diện thành viên hai đoàn đàm phán.

Đỉnh cao của nền ngoại giao Việt Nam

Phát biểu đề dẫn Hội thảo, Giáo sư, Tiến sỹ Nguyễn Xuân Thắng nhấn mạnh ngày 27/1/1973, Hiệp định về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam chính thức được ký kết tại Paris (Pháp), mở ra bước ngoặt trong lịch sử cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân Việt Nam; tạo thuận lợi cho cách mạng Việt Nam tiếp tục tiến lên giành những thắng lợi mới mà đỉnh cao là Đại thắng mùa Xuân năm 1975, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước.

Cuộc đàm phán ở Hội nghị Paris diễn ra đầy cam go, phức tạp, “kéo dài gần 5 năm, với 202 phiên công khai, 36 phiên gặp riêng bí mật, với 500 cuộc họp báo và 1.000

cuộc phỏng vấn, đàm phán.” Cuối cùng, đúng 12 giờ 30 phút (giờ Paris) ngày 22/1/1973, tại Trung tâm các Hội nghị quốc tế Clêbe, Hiệp định chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam đã được Cố vấn đặc biệt Lê Đức Thọ và cố vấn Henry Kissinger ký tắt. Ngày 27/1/1973, Hiệp định chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam được ký chính thức.

Giáo sư, Tiến sỹ Nguyễn Xuân Thắng nhấn mạnh thắng lợi của Hiệp định Paris là đỉnh cao của nền ngoại giao Việt Nam trong 30 năm chiến tranh giải phóng. Đây là văn kiện pháp lý quốc tế khẳng định thắng lợi to lớn của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân Việt Nam, với những điều khoản quan trọng, đó là Hoa Kỳ cùng các nước khác cam kết tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam; quân đội Hoa Kỳ và các nước đồng minh rút khỏi Việt Nam. Nhân dân miền Nam Việt Nam tự quyết định tương lai chính trị của mình thông qua Tổng tuyển cử thật sự tự do và dân chủ; việc thống nhất nước Việt Nam sẽ được thực hiện từng bước bằng phương pháp hòa bình...

Trải qua một quá trình đấu tranh bền bỉ, kiên trì, đầy hy sinh gian khổ, từ Hiệp định Sơ bộ (6/3/1946), Tạm ước (14/9/1946), Hiệp định Geneve (21/7/1954), cho đến Hiệp định Paris, Việt Nam đã khẳng định với thế giới là một quốc gia hoàn toàn độc lập, có chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ. Hiệp định Paris là đỉnh cao thắng lợi của ngoại giao Việt Nam trong 30 năm chiến tranh giải phóng

“Hiệp định Paris về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam - Mốc son thắng lợi trên mặt trận ngoại giao thời đại Hồ Chí Minh”

dân tộc, là minh chứng hùng hồn cho việc vận dụng nhuần nhuyễn phương châm “Dĩ bất biến, ứng vạn biến” của Chủ tịch Hồ Chí Minh; cho chủ trương “thêm bạn, bớt thù,” dự báo và nắm đúng thời cơ để đi đến thắng lợi quyết định của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Đánh giá về tầm vóc, ý nghĩa lịch sử của Hiệp định Paris đối với tiến trình cách mạng Việt Nam, Giáo sư, Tiến sỹ Nguyễn Xuân Thắng cũng khẳng định Hiệp định Paris là tổng hòa thắng lợi quân sự, chính trị và ngoại giao, buộc Mỹ phải chấm dứt chiến tranh, rút hết quân, tạo cục diện mới để đi đến thắng lợi cuối cùng. Từ điểm tựa chiến lược của Hiệp định Paris, quân và dân ta đã tiến hành cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước.

Hiệp định Paris đã tạo ra điều kiện và môi trường để Việt Nam thiết lập quan hệ ngoại giao với các nước, tranh thủ sự ủng hộ của bạn bè quốc tế cho cuộc đấu tranh vì hòa bình, chính nghĩa và thống nhất đất nước của nhân dân Việt Nam. Đây là nền tảng quan trọng để trong thời kỳ đổi mới, chúng ta khai thông, nối lại và bình thường hóa các mối quan hệ đối ngoại, phá bỏ sự bao vây, cô lập, cấm vận, mở ra một thời kỳ hội nhập sâu rộng vào khu vực và thế giới, góp phần nâng cao vị thế, uy tín của nước ta trên trường quốc tế.

Những bài học sâu sắc

Phát huy những giá trị to lớn và những bài học kinh nghiệm quý báu của Hiệp định Paris trong sự nghiệp đổi mới, hội nhập và phát triển, xây dựng nước Việt

Nam phồn vinh, hạnh phúc, Giáo sư, Tiến sỹ Nguyễn Xuân Thắng khẳng định, nửa thế kỷ đã trôi qua, Hiệp định Paris về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam vẫn vẹn nguyên giá trị với những bài học kinh nghiệm sâu sắc, quý giá. Đó là bài học về phát huy sức mạnh tổng hợp chính trị-kinh tế, quốc phòng-an ninh và ngoại giao để bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa, phối hợp chặt chẽ giữa đấu tranh ngoại giao với đấu tranh quân sự, chính trị, lấy thắng lợi quân sự và chính trị là cơ sở để tiến công ngoại giao, đoàn kết quốc tế, cô lập kẻ thù.

Trước những diễn biến phức tạp, khó dự báo của bối cảnh quốc tế hiện nay, cần phối hợp chặt chẽ giữa hoạt động ngoại giao với đẩy mạnh phát triển kinh tế, văn hóa-xã hội, gắn với đảm bảo quốc phòng-an ninh của đất nước; kết hợp chặt chẽ, phối hợp nhịp nhàng giữa đối ngoại Đảng, ngoại giao Nhà nước với ngoại giao nhân dân; tạo sức mạnh tổng hợp để bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa, từ khi nước chưa nguy, giữ vững môi trường hòa bình, ổn định để phát triển đất nước nhanh, bền vững.

Đó là bài học về quán triệt sâu sắc tư tưởng “Dĩ bất biến, ứng vạn biến” của Chủ tịch Hồ Chí Minh. “Dĩ bất biến” là kiên quyết không khoan nhượng đối với những vấn đề có tính nguyên tắc về: giữ vững độc lập tự chủ; tôn trọng những quyền dân tộc cơ bản của nhân dân Việt Nam, quyền tự quyết của nhân dân miền Nam, Mỹ cùng quân đội nước ngoài phải rút khỏi miền Nam Việt Nam...

“Hiệp định Paris về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam - Mốc son thắng lợi trên mặt trận ngoại giao thời đại Hồ Chí Minh”



Lễ ký Hiệp định Paris về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam, ngày 27/1/1973, tại Trung tâm Hội nghị quốc tế ở Paris, Pháp. (Ảnh: Văn Lượng/TTXVN)

“Ứng vận biến” là tích cực, linh hoạt, chủ động, khôn khéo trong lựa chọn hình thức, phương pháp đấu tranh ngoại giao, trong nhân nhượng về những vấn đề thứ yếu, biết giành thắng lợi từng bước trong đàm phán tiến đến giành thắng lợi hoàn toàn. Điều đó làm nên đặc trưng của nền đối ngoại, ngoại giao Việt Nam hiện đại và mang đậm bản sắc dân tộc - trường phái ngoại giao Cây tre Việt Nam.

Đó còn là bài học sâu sắc về kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, tranh thủ sự ủng hộ của Liên Xô, Trung Quốc, các nước xã hội chủ nghĩa, các nước không liên kết, nhân dân thế giới và nhân dân Mỹ, hình thành “Mặt trận nhân dân thế giới ủng hộ Việt Nam chống Mỹ xâm lược.”

"Kế thừa và phát huy bài học quan trọng đó, trong sự nghiệp đổi mới, chúng ta đã đề ra chủ trương coi phát huy nội lực là yếu tố quyết định, ngoại lực là yếu tố quan trọng; xử lý đúng đắn, hài hòa giữa độc lập, tự chủ và đoàn kết, hợp tác quốc tế, giữa lợi

ích quốc gia dân tộc và trách nhiệm quốc tế; kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, kết hợp nhuần nhuyễn giữa ngoại giao chính trị, ngoại giao kinh tế, văn hóa; ngoại giao Nhà nước, ngoại giao nhân dân; đảm bảo giữa đa phương và song phương,... tinh táo, ứng phó chủ động và kịp thời trước những biến động phức tạp của tình hình thế giới," Giáo sư, Tiến sỹ Nguyễn Xuân Thắng đánh giá.

Đặc biệt, Giáo sư, Tiến sỹ Nguyễn Xuân Thắng đề cao bài học về giữ vững và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong toàn bộ quá trình đấu tranh trên mặt trận ngoại giao. Càng trong quá trình hội nhập quốc tế toàn diện và sâu rộng, chúng ta càng cần tăng cường và giữ vững sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác đối ngoại và hoạt động ngoại giao để thực hiện thành công, nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển, đa dạng hóa, đa phương hóa quan hệ đối ngoại... Việt Nam là bạn, là đối tin cậy và là thành viên tích cực, có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế.

“Ôn lại tầm vóc, ý nghĩa của Hiệp định Paris 50 năm về trước để định hướng tương lai, chúng ta quyết tâm vận dụng sáng tạo những bài học kinh nghiệm đã được đúc kết trong giai đoạn cách mạng mới, góp phần xây dựng nền ngoại giao toàn diện, hiện đại với ba trụ cột gồm đối ngoại của Đảng, ngoại giao của Nhà nước và ngoại giao nhân dân, xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa," Giáo sư, Tiến sỹ Nguyễn Xuân Thắng nhấn mạnh.

“Hiệp định Paris về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam - Mốc son thắng lợi trên mặt trận ngoại giao thời đại Hồ Chí Minh”

Phát biểu tại Phiên khai mạc, Tiến sỹ Lê Hải Bình, Phó Trưởng ban Tuyên giáo Trung ương, khẳng định Kỷ niệm 50 năm Ngày ký Hiệp định Paris là dịp ôn lại những bài học lịch sử quý báu để ứng dụng trong tình hình mới; để bày tỏ lòng tri ân sâu sắc đối với các thế hệ người Việt Nam đã cống hiến, hy sinh vì hòa bình, độc lập, tự do của Tổ quốc, vì chủ nghĩa xã hội, đã trực tiếp tham gia vào cuộc đấu tranh ngoại giao ở Paris; trân trọng và biết ơn đối với nhân dân yêu chuộng hòa bình khắp năm châu đã dõi theo, ủng hộ, cổ vũ nhân dân Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước.

Tiến sỹ Lê Hải Bình tin tưởng, công tác tuyên truyền sẽ tiếp tục phát huy các bài học và thực tiễn quý báu của Hội nghị Paris trong bối cảnh tình hình mới, không ngừng đổi mới và sáng tạo, góp phần nâng cao cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín quốc gia, góp phần triển khai thắng lợi Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, tất cả vì mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.”

Hội thảo gồm hai phiên thảo luận về Ý nghĩa lịch sử và bài học kinh nghiệm từ quá trình đàm phán, ký kết, thi hành Hiệp định Paris; Vận dụng những bài học của Hiệp định Paris trong triển khai đường lối Đại hội XIII./.



50 năm Ngày ký Hiệp định Paris về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam (27-1-1973 / 27-1-2023)

VIỆT CỘNG ĐẾN PARIS

Ký của TRẦN QUANG PHÚ

Nguyên chuyên viên của Bộ Ngoại giao

Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam

Khi cuộc chiến tranh đang diễn ra ở Việt Nam, trên thế giới, bên cạnh tên gọi chính thức Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam, gọi tắt là F.N.L (Front National de Libération-Mặt trận Dân tộc Giải phóng), còn có một tên gọi khác là Việt cộng. Mới đầu khó nghe, vì chính quyền Sài

Gòn cũng dùng từ này để chỉ lực lượng cách mạng miền Nam.

Ở Pháp, nhiều người gọi Chính phủ Việt Nam Dân chủ cộng hòa là Cộng sản Việt Nam, gọi lực lượng cách mạng miền Nam-những người đội mũ tai bèo như chúng tôi là Việt cộng. Ở Paris thời kỳ đó,

“Hiệp định Paris về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam - Mốc son thắng lợi trên mặt trận ngoại giao thời đại Hồ Chí Minh”

bên cạnh lực lượng đông đảo bà con kiều bào ủng hộ Việt Nam chống Mỹ, có một lực lượng người Việt luôn kích động chống đối. Họ thường tập hợp biểu tình với những hình thức thiếu văn hóa.

Chính nghĩa của cuộc chiến đấu ở miền Nam, sự ủng hộ mạnh mẽ của Đảng Cộng sản Pháp, của trí thức Pháp và phần đông bà con kiều bào đã làm cho lực lượng cực đoan đó chùn tay trước Việt cộng.



Bà Nguyễn Thị Bình trả lời phỏng vấn các nhà báo nước ngoài. Ảnh tư liệu

Hội nghị Paris ban đầu chỉ gồm hai bên là Việt Nam Dân chủ cộng hòa và Mỹ. Ta kiên quyết đòi Mỹ phải chấm dứt ném bom miền Bắc. Ngày 31-10-1968, Tổng thống Mỹ Lyndon Johnson tuyên bố chấm dứt vô điều kiện ném bom đánh phá miền Bắc Việt Nam. Hội nghị Paris giữa Việt Nam Dân chủ cộng hòa và Mỹ chuyển sang thời kỳ mới. Mỹ chấp nhận hội nghị có 4 thành phần, trong đó, Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam là một bên chính thức.

Cục diện mở ra mặt trận ngoại giao mới. Phái đoàn Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam sẽ đến Paris và là một đoàn chính thức của cuộc đàm phán. Chúng

tôi được đến Paris trước để tham gia chuẩn bị đón đoàn do chị Nguyễn Thị Bình dẫn đầu.

Cần nói thêm ở đây về một sự thật ít người biết. Đây là sự sáng tạo tài tình của Chủ tịch Hồ Chí Minh và Bộ Chính trị. Chúng tôi là cán bộ của Ủy ban Thống nhất của Chính phủ, bên Đảng gọi là Ban miền Nam, do đồng chí Bí thư thứ nhất Lê Duẩn kiêm Trưởng ban, có biệt danh là Ban CP40, sau đổi là Ban CP72 trực thuộc Ban Chấp hành Trung ương. Công việc chủ yếu của Ban là làm nhiệm vụ đối ngoại của Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam, đến năm 1969 là Bộ Ngoại giao Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam.

Trụ sở trên danh nghĩa ở miền Nam nhưng bộ máy làm việc của Ban CP72 đặt tại Hà Nội. Tất cả cán bộ làm công tác đối ngoại cho miền Nam đều có hai tên. Ra nước ngoài là tên của miền Nam, về Hà Nội thì dùng tên cha mẹ đặt cho từ nhỏ. Chị Nguyễn Thị Bình tên ở nhà là Nguyễn Thị Châu Sa. Anh Lý Văn Sáu là Nguyễn Bá Đàn, anh Hoàng Bích Sơn là Hồ Liên, anh Trần Văn Tư là Trần Văn Thúc, chị Nguyễn Thị Thanh Vân là Bình Thanh, chị Nguyễn Ngọc Dung là Nguyễn Thị Hy...

Tên của tôi được tổ chức chọn chữ Phú từ Phú Yên quê hương tôi và cho tôi mang họ của mẹ. Ở Hà Nội, mọi cuộc tiếp xúc với nước ngoài đều rất hạn chế và chúng tôi chỉ tiếp khách đối ngoại tại 15 Hai Bà Trưng (có mật danh M.15) là trụ sở của phái đoàn đại diện đặc biệt của Chính phủ

“Hiệp định Paris về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam - Mốc son thắng lợi trên mặt trận ngoại giao thời đại Hồ Chí Minh”

Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam tại miền Bắc.

Trước ngày đi Paris, tại Hà Nội, chúng tôi bố trí chụp chân dung chị Bình quàng khăn rằn đứng dưới cờ nửa xanh, nửa đỏ, ở giữa là sao vàng 5 cánh của Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam để có ảnh công bố trên báo chí.

Cơ quan chúng tôi ngày ấy có đủ các vụ phụ trách những lĩnh vực đối ngoại khác nhau: Vụ Ngoại giao nhà nước lo các sứ quán của Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam, của Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam, mang ký hiệu Vụ 1A; Vụ Đối ngoại nhân dân làm công tác đối ngoại cho các đoàn thể như Mặt trận giải phóng, Thanh niên giải phóng, Công đoàn giải phóng, Phụ nữ giải phóng... gọi là Vụ 1B; Vụ Văn hóa đối ngoại làm phần đối ngoại của các cơ quan như Thông tấn xã giải phóng, Nhà xuất bản giải phóng, Báo Ảnh giải phóng, Đài Phát thanh giải phóng, Xưởng phim giải phóng và chủ trì ra Báo Sud Vietnam d'études... gọi là Vụ 1C.

Ít người nhưng nhiều việc. Làm vì miền Nam nên làm cả ngày đêm, một người kiêm nhiều việc. Với các nước, họ hoàn toàn không biết cách tổ chức này nên yên tâm là chúng tôi đều ra đi từ miền Nam. Chị Nguyễn Thị Bình trước khi đến Paris đã đi nhiều nước, dự nhiều hội nghị quốc tế với nhiều tư cách của Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam. Anh Trần Văn Tư và chị Bình Thanh, chị Ngọc Dung vừa mới cùng chúng tôi đi dự Đại hội thanh niên sinh viên thế giới lần thứ 9 trở về. Chị Bình

Thanh là người nói tiếng Pháp rất chuẩn, là thư ký của chị Nguyễn Thị Bình.

Đêm đầu tiên của tháng 11-1968, chúng tôi không ngủ, bao âu lo tính toán. Ngày mai, đoàn Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam sẽ đến Paris. Tôi đã đi một vòng Paris, biết rằng Đảng Cộng sản Pháp hết lòng ủng hộ Việt Nam, Hội Người Việt Nam ở Pháp, trong đó có Chi bộ Đảng làm nòng cốt với nhiều trí thức có tên tuổi cũng sẵn sàng lo cho đoàn, Chính phủ Pháp cũng rất chu đáo... Mừng vui khắp khởi bao nhiêu thì lo toan, hồi hộp cũng chừng ấy. Các báo Pháp đưa tin như một sự kiện đặc biệt chưa từng có. Có báo vội vã đăng chân dung nữ tướng Nguyễn Thị Định lại chú thích là bà Nguyễn Thị Bình (họ không phân biệt được giữa Bình và Đình cũng là lẽ thường).

Giờ phút lịch sử đó đã đến, 14 giờ ngày 2-11-1968, Paris giá lạnh, trời một màu xám xịt, chỉ hừng sáng ở đường chân trời. Chị Nguyễn Thị Bình cùng các anh chị Dương Đình Thảo, Trần Văn Tư, Thanh Vân... những sứ giả, những chiến sĩ của Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam và một vài cán bộ giúp việc đoàn bước xuống máy bay ở sân bay Bourget, giữa rừng người trong tay là cờ Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam và cờ nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa.

Chị Nguyễn Thị Bình mặc áo dài hồng thắm, khoác măng tô đen với chiếc khăn quàng sậm màu có hoa lấm chấm. Rừng phóng viên chen nhau vây bám chị, máy ảnh chớp liên tục. Bước vào phòng khách VIP, chị Nguyễn Thị Bình phát biểu

“Hiệp định Paris về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam - Mốc son thắng lợi trên mặt trận ngoại giao thời đại Hồ Chí Minh”

đôi lời rồi tuyên bố trước báo chí giải pháp 5 điểm của Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam.

Dù rất giỏi tiếng Pháp, chị Bình vẫn nói bằng tiếng Việt và chị Thanh Vân đã dịch lại rất chuẩn giọng Tây làm các nhà báo ngạc nhiên và trầm trồ. Họ nói với nhau: “Việt cộng văn minh quá!”, “Có ai nghĩ họ từ trong rừng ra đâu”. Anh Xuân Thủy, Trưởng đoàn Việt Nam Dân chủ cộng hòa ra đón và cùng chị Nguyễn Thị Bình bước lên đoàn xe đen bóng lộn chờ sẵn.

Chính phủ Pháp dành loại xe DS (Déesse có nghĩa là nữ hoàng)-loại xe đời mới của hãng Citroen có đèn như hai con mắt, có thể “liếc qua liếc lại”. Xe có cấm cờ Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam tiến vào Paris giữa 4 hàng mô tô của cảnh sát Pháp hộ tống. Bà con kiêu bạo và người dân Paris cầm cờ, hoa đứng hai bên đường chào đón đoàn, không có bóng dáng của những kẻ cực đoan ném cà chua, trứng thối như chúng vẫn làm. Chúng tôi vui đến trào nước mắt. Tự hào quá, thắng lợi quá, sự kiện lịch sử đã đưa vị thế của Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam

Việt Nam, đưa vị thế Việt Nam lên nấc thang vinh quang và mở ra những tương lai mới.

Ngay tối đó và sáng hôm sau, hàng loạt báo chí Pháp và của các nước đều đưa tít lớn: “Việt cộng đến Paris”, “Việt cộng chiến thắng”. Có báo đã viết: “Bà Bình như một nữ hoàng được đón tiếp như một quốc trưởng với đủ lễ nghi chính thức và được hoan nghênh nhiệt liệt”. “Madame Bình đã làm chấn động Paris và thế giới”, “Việt cộng tuyệt vời”, “Cuộc đổ bộ kỳ tích của Việt cộng”...

Từ những ngày đầu tháng 5-1968 (kể từ hội đàm hai bên) đến ngày 27-1-1973, tại Paris, cuộc đàm phán về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam đã kéo dài gần 5 năm, dài nhất lịch sử ngoại giao thế giới. Trong gần 5 năm đó, biết bao chuyện vui buồn xảy ra. Hàng trăm cuộc họp công khai và tiếp xúc bí mật, 500 cuộc họp báo và có đến 1.000 lần chúng ta tiếp trả lời phỏng vấn các tờ báo, hãng thông tấn, truyền hình của năm châu lục. “Bộ trưởng Việt cộng” Nguyễn Thị Bình được các nhà báo quốc tế ưu ái quan tâm và tỏ sự kính phục. *(còn nữa)*

“Hiệp định Paris về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam - Mốc son thắng lợi trên mặt trận ngoại giao thời đại Hồ Chí Minh”



50 năm Ngày ký Hiệp định Paris về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam (27-1-1973 / 27-1-2023)

VIỆT CỘNG ĐẾN PARIS (Tiếp theo và hết)

Ký của TRẦN QUANG PHÚ

Nguyên chuyên viên của Bộ Ngoại giao

Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam

Mùa xuân đến, chúng tôi bồi hồi nhớ về những ngày “Việt cộng đến Paris”.

Tôi nhớ một lần vào năm 1970, Câu lạc bộ báo chí Paris và kênh truyền hình QRTS tổ chức cuộc gặp gỡ giữa 20 nhà báo kỳ cựu của Mỹ và Pháp với chị Nguyễn Thị Bình. Đó là một trận đấu trí đầy ấn tượng. Chị Bình đã công khai cảm ơn để chị có dịp nói chuyện với các độc giả về Việt Nam. Một số nhà báo Mỹ đã hỏi những câu hỏi rất “xò lá” để bảo vệ sự xâm lược của Mỹ.

Chị Bình rất thẳng thừng khẳng định đó là luận điệu vu khống. Tôi nhớ họ hỏi sao ta không chấp nhận rút quân miền Bắc ra khỏi miền Nam? Vì sao Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam không đàm phán với chính quyền Nguyễn Văn Thiệu? Họ cho rằng “miền Bắc xâm lược miền Nam”...

Bằng thái độ thân thiện, hòa nhã, tự tin, chị Bình vững vàng đáp trả: “Chúng tôi không đàm phán với chính quyền Nguyễn Văn Thiệu vì đó không phải là chính quyền của nhân dân mà là do Mỹ dựng lên làm tay sai cho Mỹ”.



Bà Nguyễn Thị Bình trong lần gặp lại các thành viên đoàn đàm phán. Ảnh do tác giả cung cấp

Chị khẳng định: “Không có luật pháp nào cho phép nước này đem bom ném nước kia và cũng không có luật pháp nào ngăn cản nhân dân nước tôi chống quân xâm lược”; “chính sách của Mỹ là xâm lược, mở rộng chiến tranh và áp đặt sự thống trị với dân tộc chúng tôi và nhân dân Đông Dương”. Và chị đề nghị mọi việc phải xem xét từ gốc. Một nhà báo Mỹ cho rằng, cái gốc là hai bên cùng rút quân.

Chị thẳng thừng đáp trả: “Ông đã bóp méo nguồn gốc của vấn đề, đã đánh đồng sự xâm lược với việc chống xâm lược. Chúng ta cần nhìn thấy cái gốc của vấn đề là người Mỹ với nửa triệu quân đang xâm lược đất nước tôi. Chúng tôi, cả miền Bắc

“Hiệp định Paris về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam - Mốc son thắng lợi trên mặt trận ngoại giao thời đại Hồ Chí Minh”

và miền Nam, đều là người Việt Nam. Trong số những người từ miền Bắc trở về, trước nhất là người quê ở miền Nam tập kết ra Bắc nay trở về chiến đấu. Chúng tôi không có quyền tự vệ chống xâm lược sao?”.

Các nhà báo Pháp ủng hộ quan điểm của chị Bình. Qua sóng truyền hình, trận đấu trí đó nhanh chóng thổi bùng ngọn lửa đấu tranh chống Mỹ xâm lược Việt Nam. Chúng ta tranh thủ giành diễn đàn, thông qua báo chí để lan tỏa, biểu thị thái độ, xác định lập trường... Chị Nguyễn Thị Bình với ưu thế ngoại ngữ tốt và sự thông minh, nhạy bén, sắc sảo vốn có cùng với sự mềm mỏng, thân thiện của người phụ nữ Việt Nam, nhất là trong tà áo dài truyền thống đã thống lĩnh và thuyết phục được các nhà báo, kể cả những nhà báo khó tính.

Một lần, chúng tôi ăn tối cùng một số nhà báo Pháp ở nhà hàng L'Etoile Venitienne trên đại lộ Kléber đối diện Trung tâm hội nghị quốc tế Kléber-nơi diễn ra hội nghị 4 bên. Lúc đó, có một nhà báo đã “hỏi móc” chị Bình: “Bà nói vùng giải phóng của Việt cộng chiếm phần lớn ở miền Nam.

Vậy đâu là ranh giới của vùng giải phóng của quý bà?”. Chị Bình cười đáp nhẹ nhàng: “Nơi nào quân Mỹ ném bom thì đó là đất của vùng giải phóng chúng tôi”. Mấy nhà báo nhìn nhau, vẻ phân vân. Tôi hỏi anh bạn nhà báo Pháp: “Anh không thấy đúng sao? Có ai đem bom ném vào đất của mình quản lý đâu? Bởi vậy, Mỹ đem bom ném ở đâu thì đó là đất Việt cộng, đúng không?”.

Chị Madeleine Riffaud là nhà báo của Đảng Cộng sản Pháp, từng đến chiến trường miền Nam, mặc áo bà ba, quần khăn rằn, ăn cơm nắm, ở hầm cùng các chiến sĩ giải phóng. Chị tiếp lời: Ở miền Nam, 3/4 đất đai hứng chịu bom Mỹ.

Cách dinh tổng thống Sài Gòn khoảng 30km có một vùng đất gọi là Củ Chi, đó là đất Việt cộng... và Việt cộng đã đào hàng chục ki-lô-mét địa đạo dưới lòng đất. Hàng vạn tấn bom Mỹ giội xuống đây nhưng không thể làm gì được. Các nhà báo rót đầy cốc rượu vang đỏ để nâng cốc vì lời giải thích tuyệt vời của Madame Bình cho câu hỏi “ranh giới nào là đất của Việt cộng”.

* *
*

Ngày 27-1-1973, Trung tâm hội nghị quốc tế rực rỡ cờ hoa, bên trong hàng rào là những hàng tiêu binh, cảnh sát, an ninh bảo vệ uy nghiêm và lớp lớp nhà báo xông xáo ngang dọc. Bên ngoài hàng rào là cả rừng người Pháp, Việt kiêu tay cầm hoa, cờ đỏ sao vàng và cờ Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam với nét mặt hân hoan rạng rỡ.

Dòng người từ Khải Hoàn Môn đến ngã ba phố Kléber và Portugais, kéo dài qua khỏi Trung tâm hội nghị quốc tế Kléber. Khi đoàn Việt Nam Dân chủ cộng hòa do Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Nguyễn Duy Trinh và Bộ trưởng Xuân Thủy dẫn đầu tiến vào thì cả rừng người hoan hô dậy sóng. Đặc biệt, khi đoàn Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam đến thì điệp khúc: “Hò, Hò, Hò Chí Minh”,

“Hiệp định Paris về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam - Mốc son thắng lợi trên mặt trận ngoại giao thời đại Hồ Chí Minh”

“Việt cộng”, “Viva Việt cộng” lại vang lên, họ hô vang như giữa một festival quốc tế.

Hôm đó, hội trường Kléber sáng rực rỡ. Chị Nguyễn Thị Bình ký 32 văn bản, mỗi văn bản bằng một cây bút. Sau này, chị đã tặng cho các bạn thân là bộ trưởng ngoại giao các nước, là các đồng chí cộng sản Pháp có tên tuổi đã gần 5 năm tận tình giúp đỡ Việt Nam mỗi người một cây bút lịch sử này. Hãng thông tấn UPI của Mỹ viết: “Buổi lễ ký kết hiệp định hòa bình ở Việt Nam diễn ra trong khung cảnh huy hoàng, tráng lệ vào bậc nhất của thế kỷ 20 mà con người đã tạo ra”.

Nhân kỷ niệm 40 năm Ngày ký Hiệp định Paris (năm 2013), chúng tôi cùng chị Nguyễn Thị Bình trở lại Paris thăm các bạn Pháp đã ủng hộ chúng ta trong những năm đàm phán. Tôi và Đại sứ Trịnh Ngọc Thái (nguyên trợ lý của Bộ trưởng Xuân Thủy) thăm lại thành phố Choisy-le-Roi, một thành phố vệ tinh nhỏ nằm trên hai bờ sông Seine, cách thủ đô Paris 15 cây số về phía Tây Nam. Ở đây có trường chính trị của Đảng Cộng sản Pháp mang tên Tổng Bí thư Maurice Thorez.

Đây chính là trụ sở của đoàn đại biểu Chính phủ Việt Nam Dân chủ cộng hòa tham dự Hội nghị Paris về Việt Nam trong gần 5 năm đàm phán. Những ngày đầu tiên khi đoàn Việt Nam Dân chủ cộng hòa đến Paris, trường đang nghỉ hè nên Đảng Cộng sản Pháp cho đoàn Việt Nam mượn làm trụ sở. Hết kỳ nghỉ hè, đàm phán chưa đi đến đâu, nếu đoàn ta thuê khách sạn thì rất tốn kém.

Đại sứ Trịnh Ngọc Thái nhớ lại: “Khi đó, nghe qua khái toán số tiền thuê khách sạn hằng tháng, mọi người đã muốn xỉu rồi. Hiểu khó khăn trên, Đảng Cộng sản Pháp đã dời trường chính trị đi nơi khác, giao trụ sở cho đoàn Việt Nam Dân chủ cộng hòa dùng suốt gần 5 năm”. Đồng chí Xuân Thủy, đồng chí Lê Đức Thọ đã ở đây và gần đó, nhà số 11 phố Darthé chính là nơi họp kín giữa hai cố vấn Lê Đức Thọ và Henry Kissinger.

Ngày nay, thành phố Choisy-le-Roi kết nghĩa với quận Đống Đa của Hà Nội. Nhân kỷ niệm 40 năm Ngày ký Hiệp định Paris về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam, thành phố đã đặt tên một quảng trường bên bờ sông Seine là quảng trường Hiệp định Paris về Việt Nam. Thành phố Hà Nội đã tặng thành phố Choisy-le-Roi bức tranh gốm sứ do nhóm nghệ sĩ Việt Nam thực hiện cùng chủ đề kỷ niệm Hội nghị Paris.

Trong buổi gặp gỡ thân mật nhân kỷ niệm 40 năm Ngày ký Hiệp định Paris, chúng tôi gặp lại Chủ tịch Hội Hữu nghị Pháp-Việt, bà Hélène Luc, nguyên Thượng nghị sĩ Pháp. Trong lời phát biểu, bà Hélène Luc kể lại: “Lúc đó, tôi là Bí thư Thị ủy Choisy-le-Roi của Đảng Cộng sản Pháp cùng các đồng chí Fernand Dupuy, Thị trưởng thành phố; Georges Marchais, Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Pháp và tất cả các nhà hoạt động đã nỗ lực hết mình để đoàn Việt Nam không những có được điều kiện làm việc tốt nhất mà còn cảm thấy được đồng viên, chia sẻ”.

“Hiệp định Paris về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam - Mốc son thắng lợi trên mặt trận ngoại giao thời đại Hồ Chí Minh”

Gặp lại chị Nguyễn Thị Bình và chúng tôi, bà Hélène Luc rất vui. Bà ôm hôn người này, hỏi thăm người kia và kể lại chuyện xưa rất thân thiện. Chúng tôi vui vì nhờ bà, nhờ Hội Hữu nghị Pháp-Việt mà chị Nguyễn Thị Bình gặp lại được những người từng ủng hộ Việt Nam, ủng hộ Việt cộng.

Đặc biệt, trong lần trở lại Paris này, tôi được gặp lại một người mà tôi rất mong đợi. Đó là ông Raymond Aubrac. Lúc Hội nghị Paris diễn ra, tôi dưới vai một nhà báo có đôi lần gặp ông. Gặp rất ngắn nhưng ông đã để lại trong tôi nhiều cảm tình đặc biệt. Bởi lẽ, ông là người lãnh đạo nhân dân miền Nam nước Pháp chống kẻ thù xâm lược trong Chiến tranh thế giới thứ hai.

Khi Bác Hồ sang thăm Pháp năm 1946, Người đã chọn nhà ông Aubrac làm nơi ở trong 3 tháng. Giờ đây, nhà ông trở thành di tích Bác Hồ ở Pháp. Ông cũng là người đã trao đổi thông điệp giữa Việt Nam và Mỹ để yêu cầu Mỹ chấm dứt ném bom xuống miền Bắc Việt Nam năm 1967, kêu gọi Mỹ không ném bom phá đê sông Hồng năm 1972. Ông đã nhiều lần sang Mỹ gặp Kissinger và Tổng thư ký Liên hợp quốc,

gặp Giáo hoàng Paul VI để góp phần tìm giải pháp hòa bình cho Việt Nam.

Với nhiều công lao lớn với Việt Nam, ông là người nước ngoài đầu tiên được Nhà nước Việt Nam tặng Huân chương Hồ Chí Minh. Có thể nói, ông Aubrac có công rất lớn với Hội nghị Paris, đặc biệt với “đoàn Việt cộng” như ông vẫn thường nói. Năm kỷ niệm 40 năm Hiệp định Paris được ký kết, ông đã già yếu, còn một năm nữa ông tròn 100 tuổi, nhưng ông vẫn mặc complet, chống gậy cùng người cháu đến gặp gỡ bạn bè và giao lưu với chúng tôi. Chị Nguyễn Thị Bình đón ông trong tình cảm trân quý. Ông nói: “Gặp lại các bạn, tôi thấy vô cùng hạnh phúc”.

* *
*

Mùa xuân đến, chúng tôi bồi hồi nhớ về những ngày “Việt cộng đến Paris”. Cảm ơn Paris, cảm ơn nước Pháp đã góp phần tạo nên chiến thắng ở Hội nghị Paris năm 1973 để Việt Nam thực hiện trọn vẹn lời dạy của Bác Hồ: “Đánh cho Mỹ cút, đánh cho ngụy nhào”.

TP Hồ Chí Minh, tháng 1-2023

“Hiệp định Paris về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam - Mốc son thắng lợi trên mặt trận ngoại giao thời đại Hồ Chí Minh”



HIỆP ĐỊNH PARIS ĐỂ LẠI CHO CHÚNG TA NHIỀU BÀI HỌC VÔ GIÁ

Phạm Tuấn - Hải Lý (thực hiện)

Hiệp định Paris về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam được ký ngày 27-1-1973. Đây là kết quả của cuộc đấu tranh bền bỉ, lâu dài, là mốc son trong trang sử vàng của nền ngoại giao cách mạng Việt Nam.

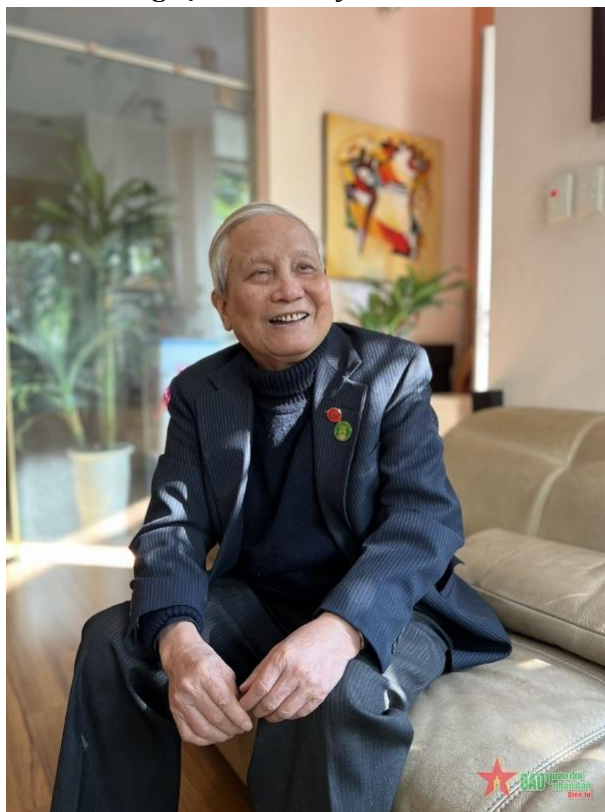
Kỷ niệm 50 năm Ngày ký Hiệp định Paris (27-1-1973 / 27-1-2023), phóng viên Báo Quân đội nhân dân Cuối tuần có cuộc trò chuyện với nhà báo lão thành Hà Đăng, nguyên Trưởng ban Tư tưởng-Văn hóa Trung ương, Tổng biên tập Báo Nhân Dân, Tổng biên tập Tạp chí Cộng sản, Trợ lý Tổng Bí thư, thành viên Đoàn đàm phán Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam, sau này là Đoàn đàm phán Chính phủ Cách mạng lâm thời miền Nam Việt Nam tại Hội nghị Paris để làm rõ hơn các vấn đề liên quan đến thắng lợi to lớn này.

Chính sách ngoại giao có cương, có nhu

Phóng viên (PV):

Thưa ông, những dấu ấn nổi bật về văn hóa ngoại giao Việt Nam trong quá trình đàm phán tại Hội nghị Paris là gì?

Đồng chí Hà Đăng: Hội nghị Paris là cuộc đối thoại giữa hai nền ngoại giao-nền ngoại giao nhà nghề của một siêu cường và nền ngoại giao của một nhà nước cách mạng còn non trẻ. Ở Hội nghị Paris đã diễn ra một cuộc đấu tranh quyết liệt giữa hai ý chí, hai trí tuệ, hai loại pháp lý và đạo lý, hai thứ mưu lược khác nhau.



Nhà báo Hà Đăng. Ảnh: HẢI LÝ

“Hiệp định Paris về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam - Mốc son thắng lợi trên mặt trận ngoại giao thời đại Hồ Chí Minh”

Câu chuyện ngoại giao ấn tượng nhất tại Hội nghị Paris chính là câu chuyện các nhà đàm phán của ta thời đó đã vận dụng một cách sáng tạo tư tưởng ngoại giao Hồ Chí Minh, luôn kiên trì các vấn đề nguyên tắc, chiến lược nhưng rất linh hoạt, mềm dẻo về sách lược. Bác Hồ từng căn dặn cán bộ ta: Trong ngoại giao cũng như trong xử lý các tình huống phức tạp, “chính sách phải có cương, có nhu. Cương quá thì dễ gãy. Nhu quá thì hèn. Nói nên nhu. Làm nên cương”. Tại bàn đàm phán, ngoại giao của ta luôn biết hướng tới thắng lợi lớn toàn cục nhưng cũng biết giành từng thắng lợi nhỏ trong mỗi trận đấu, mỗi phiên họp. Biết tính toán kỹ lưỡng từng đường đi nước bước, chắc chắn, thận trọng nhưng không để rơi vào thế bị động. Kiên quyết phê phán những sai trái, khai thác chỗ yếu của đối phương nhưng có thái độ trọng thị với người đối ngoại.

PV: Ông cho biết rõ hơn, chúng ta đã vận dụng sáng tạo tư tưởng ngoại giao Hồ Chí Minh tại cuộc đàm phán **Hiệp định Paris** như thế nào?

Đồng chí Hà Đăng: Tại cuộc đàm phán Paris, các đoàn đại biểu của ta là Đoàn Việt Nam Dân chủ cộng hòa và Đoàn Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam, sau đó là Đoàn Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam đã vận dụng một cách cực kỳ khôn khéo sách lược “Tuy hai mà một, tuy một mà hai”. Đây là sách lược ngoại giao tài ba của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Nói chuyện tại Hội nghị cán bộ ngoại giao lần thứ năm, ngày 16-3-1966, Người chỉ rõ: “Bây giờ, ngoại giao

của ta vừa là một mà vừa là hai, vừa là hai mà lại vừa là một. Ta vừa có ngoại giao của Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và vừa có ngoại giao của Mặt trận. Hai khối đó phải kết hợp chặt chẽ với nhau”. Tại cuộc đàm phán Paris, ngoại giao Việt Nam đã thực hiện nghiêm chỉnh và sáng tạo lời dạy đó của Bác Hồ.

Tuy phải chấp nhận hội nghị bốn bên nhưng đối phương vẫn tìm mọi thủ đoạn để hạ thấp vai trò của Mặt trận và Chính phủ cách mạng lâm thời. Đoàn Mỹ luôn né tránh việc nói chuyện trực tiếp với Đoàn Mặt trận và Chính phủ cách mạng lâm thời, đòi tách riêng các vấn đề quân sự với các vấn đề chính trị trong một giải pháp toàn bộ, tức là vừa đòi hai bên cùng rút quân, vừa lần tránh vấn đề phải từ bỏ chính quyền Sài Gòn. Chính quyền Sài Gòn thì ngạo mạn tuyên bố chỉ công nhận Mặt trận như “một thực thể chứ không phải một thực thể”.

Đáp lại, trong tư thế đại diện chân chính của miền Nam chiến đấu, Đoàn Mặt trận và Chính phủ cách mạng lâm thời đã mạnh mẽ tố cáo và đòi Mỹ chấm dứt chiến tranh xâm lược, rút hết quân ra khỏi miền Nam Việt Nam, xóa bỏ chính quyền Sài Gòn do họ lập ra. Đoàn Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, trong cương vị người chủ của nước Việt Nam độc lập, đang cùng Mặt trận, Chính phủ cách mạng lâm thời và nhân dân cả nước chống xâm lược, vừa đưa ra lập trường riêng của mình, vừa ủng hộ mạnh mẽ lập trường của Mặt trận và Chính phủ cách mạng lâm thời. Trước mắt thế giới, không ai không nhận thấy rằng, lập trường và các kiến nghị về giải pháp do hai đoàn

“Hiệp định Paris về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam - Mốc son thắng lợi trên mặt trận ngoại giao thời đại Hồ Chí Minh”

miền Bắc và miền Nam đưa ra tại hội nghị từ lúc mở đầu đến khi kết thúc đều có chung một tiếng nói.

"Các ông có phong cách ngoại giao Hồ Chí Minh"

PV: Ông có thể chia sẻ một vài câu chuyện trong quá trình tham gia đàm phán tại Hội nghị Paris?

Đồng chí Hà Đăng: Tại Hội nghị hai bên (từ ngày 13-5 đến hết tháng 10-1968), nhà đàm phán kỳ cựu A.Harriman có nói đại ý: “Tôi đã làm ngoại giao 40 năm, từng là nhân vật số 2 tại Hội nghị Yalta đàm phán với Xtalin. Xtalin rất cứng rắn nhưng vẫn “có đi, có lại”. Các ông còn cứng rắn hơn Xtalin vì trước sau các ông chỉ một mực đòi chấm dứt ném bom không điều kiện, sau đó sẽ bàn các việc có liên quan. Tuy nhiên, các ông là những người có thể nói chuyện được, vì các ông có phong cách ngoại giao Hồ Chí Minh, không như Khơ-rút-sốp rút giày đạp trên diễn đàn Liên hợp quốc hay như ở Bàn Môn Điếm, người ta cưa chân ghế đoàn Mỹ cho thấp xuống”.

Cổ vấn Nhà trắng Kissinger ngay trong buổi đầu tiếp xúc đã nhận xét về Lê Đức Thọ: “Ông lúc nào cũng tỏ ra rất bình tĩnh, thái độ bao giờ cũng không có điều gì chê trách được, trừ một hai lần. Ông hoàn toàn biết ông muốn gì và phục vụ lý tưởng của ông một cách trân trọng và khéo léo. Lê Đức Thọ tiếp tôi với một sự lễ phép có khoảng cách của một con người mà ưu thế hiển nhiên đến mức không thể làm khác được bằng một sự lễ phép gần như hạ cố”.

Sau này, Kissinger lại nói: “Chúng tôi không may gặp phải một đối phương

như các ông chứ nếu được lựa chọn thì chúng tôi sẽ chọn một đối phương khác”.

Kế thừa và xây dựng trường phái ngoại giao "cây tre Việt Nam"

PV: Thừa ông, ngoại giao Việt Nam được kế thừa và đã phát huy như thế nào từ những bài học vô giá rút ra từ quá trình đàm phán và ký Hiệp định Paris?

Đồng chí Hà Đăng: Cuộc đàm phán Hiệp định Paris để lại cho chúng ta nhiều bài học sâu sắc, có ý nghĩa to lớn trong tình hình hiện nay.

Thứ nhất, đó là bài học về sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng ta mở ra mặt trận ngoại giao, phát huy thế mạnh của ngoại giao, phối hợp với các mặt trận chính trị, quân sự; lãnh đạo, chỉ đạo chặt chẽ, thống nhất các mặt trận, tạo ra sức mạnh tổng hợp.

Thứ hai, là bài học về kiên định đường lối đối ngoại độc lập tự chủ, vì lợi ích quốc gia dân tộc; vận dụng đúng đắn phương châm ngoại giao Hồ Chí Minh “đi bất biến, ứng vạn biến”, tạo thời cơ, kéo địch vào đàm phán, chủ động tấn công ngoại giao và kết thúc đàm phán khi điều kiện chín muồi; xử lý hài hòa quan hệ với các nước lớn, đồng thời tranh thủ được sự ủng hộ quốc tế rộng rãi đối với cuộc kháng chiến của nhân dân ta để làm nên thắng lợi của Hội nghị Paris.

Thứ ba, là bài học về tầm quan trọng của thực lực. Bác Hồ dạy: “Thực lực là cái chiêng, ngoại giao là cái tiếng. Cái chiêng có to, tiếng mới lớn”. Thắng lợi của Hội nghị Paris bắt nguồn từ những thắng lợi trên chiến trường, từ sự lớn mạnh không ngừng về thế và lực của ta trong cuộc kháng chiến

“Hiệp định Paris về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam - Mốc son thắng lợi trên mặt trận ngoại giao thời đại Hồ Chí Minh”

chống Mỹ, cứu nước. Đó là sức mạnh của chính nghĩa, sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc dưới sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng và sự ủng hộ, giúp đỡ quốc tế; sức mạnh từ sự kết hợp tài tình giữa các mặt trận chính trị, quân sự, ngoại giao; giữa "đánh" và "đàm", giữa chiến trường và bàn đàm phán.

Các bài học của Hội nghị Paris là hành trang quý giá để chúng ta vững bước tiến vào giai đoạn hội nhập quốc tế, đưa quan hệ hữu nghị và hợp tác với tất cả các đối tác đi vào chiều sâu, ổn định, bền vững, củng cố, nâng cao thể và lực của đất nước. Thực hiện đường lối đổi mới của Đảng ta về công tác đối ngoại, chúng ta đã đạt được nhiều kết quả, thành tích rất tốt đẹp. Từ phá thế bị bao vây, cấm vận, chúng ta đã tạo dựng và củng cố ngày càng vững chắc cục diện đối ngoại rộng mở, đa phương hóa, đa dạng hóa, thuận lợi cho công cuộc đổi mới. Nâng tầm quan hệ ngoại giao với tất cả các nước láng giềng, các nước lớn, các đối tác quan trọng và bạn bè truyền thống.

Đặc biệt, từ sau Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng đến nay, Đảng ta và Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã khẳng định quyết tâm xây dựng và phát triển trường phái đối ngoại và ngoại giao

"cây tre Việt Nam" dựa trên nền tảng tư tưởng ngoại giao Hồ Chí Minh và truyền thống, bản sắc ngoại giao, văn hóa dân tộc. Ngoại giao "cây tre Việt Nam" giữ vững thế ổn định và vươn lên nhờ "gốc vững" là kiên định độc lập, tự chủ, đa phương hóa, đa dạng hóa, đề cao các nguyên tắc cơ bản của Hiến chương Liên hợp quốc và luật pháp quốc tế, vì lợi ích quốc gia-dân tộc; đồng thời uyển chuyển, linh hoạt, sáng tạo, cơ động trong sách lược, ứng xử với phương châm "dĩ bất biến, ứng vạn biến", bình đẳng, hợp tác cùng có lợi.

Cùng với đó, chúng ta kết hợp chặt chẽ, thực hiện đồng bộ đối ngoại Đảng, ngoại giao Nhà nước, đối ngoại nhân dân và đối ngoại của các ngành, lĩnh vực, địa phương, doanh nghiệp ngày càng mở rộng, chủ động, tích cực và đi vào chiều sâu. Tạo dựng được môi trường quốc tế thuận lợi và huy động được các nguồn lực từ bên ngoài để đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và phát triển kinh tế-xã hội. Vị thế và uy tín quốc tế của nước ta trong khu vực và trên thế giới ngày càng được nâng cao, đóng góp tích cực và đầy tinh thần trách nhiệm vào việc giữ vững hòa bình, hợp tác phát triển và tiến

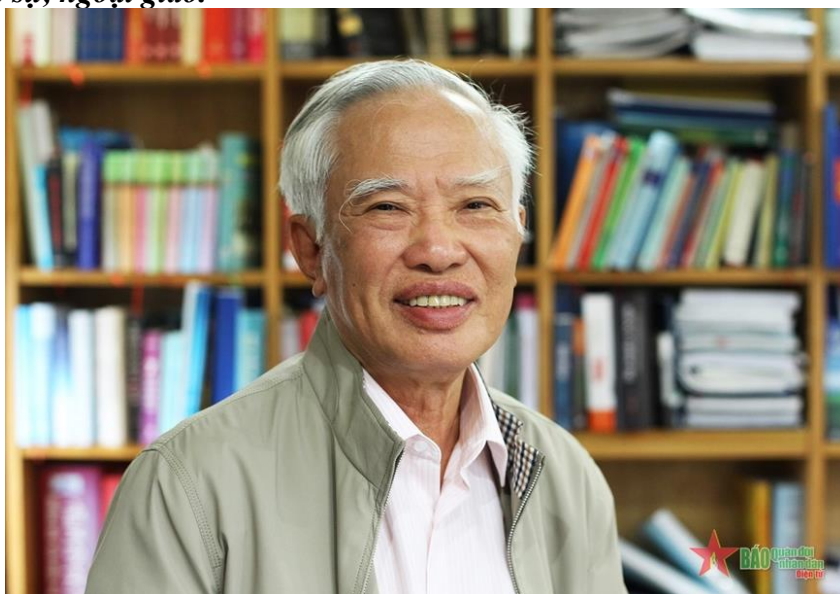
“Hiệp định Paris về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam - Mốc son thắng lợi trên mặt trận ngoại giao thời đại Hồ Chí Minh”



TẢN MẠN VỀ “ĐÁNH” VÀ “ĐÀM”

Nguyên Phó thủ tướng VŨ KHOAN

Ngày 27-1-2023 vừa tròn 50 năm kể từ khi Hiệp định về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam được ký tại Paris. Sự kiện lịch sử này là ví dụ điển hình về chiến lược “vừa đánh, vừa đàm” của quân và dân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng theo “tư tưởng Hồ Chí Minh” về quân sự, ngoại giao.



Nguyên Phó thủ tướng Vũ Khoan. Ảnh do nhân vật cung cấp

Trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, ý tưởng “vừa đánh, vừa đàm” lần đầu tiên được đồng chí Lê Duẩn, Bí thư thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương Đảng nêu ra tại Hội nghị Trung ương lần thứ 12 (khóa III) họp cuối tháng 12 năm 1966-khi Mỹ bắt đầu cuộc chiến tranh phá hoại miền Bắc nước ta; đồng thời đưa quân vào miền Nam tiến hành chiến tranh xâm lược nước ta. Sau khi nhắc lại Nguyễn Trãi từng thực hiện chiến lược lấy yếu đánh mạnh, có đánh, có đàm

để chống quân phong kiến nhà Minh, đồng chí Lê Duẩn nhấn mạnh, đánh thắng rồi đàm hay vừa đánh vừa đàm “đều nằm trong chiến lược lấy yếu đánh mạnh của chúng ta”.

Một năm sau, tại Hội nghị lần thứ 13 (khóa III) Trung ương Đảng nhấn mạnh chủ trương “đi đôi với đấu tranh quân sự và chính trị ở miền Nam, ta cần tiến công địch về mặt ngoại giao... đấu tranh quân sự và đấu tranh chính trị ở miền Nam... làm cơ sở

“Hiệp định Paris về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam - Mốc son thắng lợi trên mặt trận ngoại giao thời đại Hồ Chí Minh”

cho thắng lợi trên mặt trận ngoại giao”. Mặt trận ngoại giao nêu trong nghị quyết không chỉ liên quan tới hòa đàm mà bao hàm cả nhiệm vụ tố cáo tội ác của quân xâm lược, nêu cao tính chính nghĩa của dân tộc ta, tranh thủ sự đồng tình, ủng hộ của nhân dân thế giới.

Khác với Hội nghị Geneva năm 1954 liên quan đến phương án chia cắt nước ta do các nước lớn dàn xếp, khi chuẩn bị bước vào đàm phán ở Paris, Đảng ta nhấn mạnh phương châm “giữ tính độc lập” trong “đánh” và “đàm”.

Khi nói tới “đàm” người ta thường nghĩ tới các nhà ngoại giao; điều đó đúng nhưng không phải là tất cả. Suốt trong quá trình kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, quân và dân ta ở hai miền Nam-Bắc vô hình chung đã trực tiếp tham gia đấu tranh ngoại giao bằng xương, bằng máu và lòng dũng cảm của mình.

Nếu trong thời gian từ ngày 5-8-1964 tới ngày 1-11-1968, quân và dân miền Bắc không bắn rơi 3.243 máy bay và bắt sống nhiều phi công Mỹ thì đâu chính quyền Mỹ đã chịu chấm dứt vô điều kiện ném bom, bắn phá miền Bắc như phía ta kiên quyết yêu cầu?

Không có cuộc tổng tiến công nổi dậy của quân và dân miền Nam vào dịp Tết Mậu Thân 1968 thì Mỹ đâu có chịu chấp nhận sự tham gia bình đẳng của đoàn đại biểu Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam tại cuộc hòa đàm 4 bên?

Nếu năm 1971 không có thắng lợi của Chiến dịch Đường 9 Nam Lào và năm

1972 không có cuộc tiến công chiến lược của quân dân ta ở Bình-Trị-Thiên, Tây Nguyên, Đông Nam Bộ...; đồng thời quân dân miền Bắc không đập tan cuộc tập kích chiến lược của không quân Mỹ vào Hà Nội, Hải Phòng và một số địa phương khác cuối năm 1972 thì chắc gì Mỹ đã ký Hiệp định Paris vào tháng Giêng năm 1973 với cam kết rút hết quân đội Mỹ và đồng minh khỏi miền Nam nước ta và buộc phải công nhận độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ và quyền tự quyết của nhân dân ta.

Như vậy là với những thắng lợi vẻ vang trong cả “đánh” lẫn “đàm”, quân dân ta đã thực hiện trọn vẹn lời dạy của Bác Hồ là: “Phải trông ở thực lực. Thực lực là cái chiêng, ngoại giao là cái tiếng. Chiêng có to, tiếng mới lớn!”, tạo điều kiện “đánh cho Mỹ cút, đánh cho ngụy nhào”, giang sơn thu về một mối như Bác hằng mong mỏi!

Hòa đàm Paris thực sự là một dấu son trong lịch sử hàng nghìn năm dựng nước và giữ nước của dân tộc ta, thể hiện sáng ngời những bản sắc văn hóa ngoại giao cao đẹp như kiên định trong mục tiêu; hòa hiếu trong bản chất; nhân văn trong cốt cách; linh hoạt trong hành động.

Ta có thể cảm nhận thấy điều này khi so sánh Hiệp định Paris năm 1973 được ký trên ngưỡng cửa Tết Quý Sửu với văn bản đọc tại Hội thề Đông Quan trong cuộc kháng chiến chống quân Minh ngày 10-12-1427 vào lúc cận Tết Đinh Mùi-một phiên bản ngoại giao đầu tiên trong lịch sử về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở nước ta.

“Hiệp định Paris về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam - Mốc son thắng lợi trên mặt trận ngoại giao thời đại Hồ Chí Minh”

Nếu như tại Hội thề Đông Quan, Tổng binh quân Minh là Vương Thông phải cam kết “tự lòng thành, đứng theo lời bàn, đem quân về nước, không thể kéo dài năm tháng để viện binh đến nơi” thì trong Hiệp định Paris năm 1973, phía Mỹ phải cam kết “trong thời hạn sáu mươi ngày kể từ khi ký Hiệp định này, sẽ hoàn thành việc rút hoàn toàn ra khỏi miền Nam Việt Nam mọi quân đội, cố vấn quân sự và nhân viên quân sự...”.

Nếu theo hội thề Đông Quan quân ta rộng lòng thả hàng nghìn tù binh, thậm chí còn cung cấp phương tiện, lương thực để tàn quân Minh rút về nước thì theo điều 8 Hiệp định Paris ta đã thỏa thuận về việc trao trả tù binh và tìm kiếm nhân viên quân sự bị mất tích-một việc ta kiên trì thực hiện trong mấy chục năm sau khi Hiệp định Paris được ký kết, trong khi ta còn chưa tìm kiếm được hết di hài đồng đội hy sinh trong chiến đấu!

Ngày nay tình hình nước ta cũng như cục diện thế giới đã khác hẳn so với 50 năm về trước. Đã nửa thế kỷ đất nước ta sạch

bóng giặc ngoại xâm; từ một nước bị các cuộc chiến tranh xâm lược tàn phá, ngày nay nước ta đã trở thành một nước có thu nhập trung bình tính theo đầu người và đang nỗ lực vươn lên để trở thành nước phát triển. Từ một nước từng bị bao vây cô lập trong nhiều năm, hiện nước ta có quan hệ ngoại giao với hầu hết các quốc gia trên thế giới, đồng thời là thành viên tích cực, chủ động, trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế.

Tuy nhiên, trong một thế giới đầy biến động, hợp tác và cạnh tranh đan xen; hòa bình và xung đột diễn ra cùng lúc thì những bản sắc văn hóa ngoại giao đặc sắc vốn có của dân tộc vẫn còn nguyên giá trị và phát huy tác dụng.

Trong những nỗ lực của cả nước, sức mạnh quốc phòng vẫn tiếp tục đóng vai trò là “cái chiêng lớn” và ngoại giao quốc phòng ngày càng đa dạng, đa phương hơn sẽ tạo nên “cái tiếng” vang xa, góp phần đắc lực cho công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc do ông cha ta để lại.



50 NĂM, HỘI NGHỊ PARIS - CUỘC ĐÀM PHÁN LỊCH SỬ **BÀI CUỐI: 'CHIÊNG TO, TIẾNG LỚN'**

Ký sự Nguyên Phó Thủ tướng Vũ Khoan

50 năm đã qua song trong tôi vẫn còn nguyên những kỷ niệm về cuộc hòa đàm ma-ra-tông 4 năm 8 tháng kết thúc bằng việc ký Hiệp định Paris về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam.

“Hiệp định Paris về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam - Mốc son thắng lợi trên mặt trận ngoại giao thời đại Hồ Chí Minh”

Tuy không được trực tiếp tham gia cuộc hòa đàm song tôi may mắn được đi theo Bộ trưởng Ngoại giao Nguyễn Duy Trinh sang Paris ký Hiệp định ngày 27/1/1973, và hơn 1 tháng sau sang dự hội nghị quốc tế ký định ước xác nhận và cam kết tôn trọng Hiệp định.



Ngày 27/1/1973, bà Nguyễn Thị Bình, Bộ trưởng Ngoại giao Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam, cùng đại diện các bên ký Hiệp định Paris

Khi về nơi ở sau lễ ký Hiệp định, anh em trong đoàn ôm nhau mừng vui khôn xiết. Không vui làm sao được khi một nửa lời dặn của Bác Hồ về “đánh cho Mỹ cút” đã thành hiện thực: Mỹ buộc phải chấp nhận rút hết quân đội của mình và đồng minh ra khỏi miền Nam Việt Nam, đồng thời phải cam kết tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ và quyền tự quyết của nhân dân Việt Nam, tạo thuận lợi để hơn hai năm sau quân dân ta hoàn tất phần còn lại trong lời dặn của Bác là “đánh cho ngụy nhào”.

“

“Để hiện thực hóa khát vọng trở thành nước có thu nhập trung bình cao vào năm 2030 và nước phát triển vào năm 2050, dịp kỷ niệm 100 năm Cách mạng tháng Tám thành công, “cái chiêng thực lực” của ta, như Bác Hồ nói, đều trông chờ ở thế hệ trẻ. Hy vọng thế hệ trẻ luôn luôn vận dụng nhuần nhuyễn mối quan hệ giữa “nguyên tắc” và “sách lược” theo tư tưởng của Bác”.

Nguyễn Phó Thủ tướng Vũ Khoan

Không vui làm sao được khi uy tín và vị thế của Việt Nam được nâng cao chưa từng thấy. Lần đầu tiên trong lịch sử, tại Hội nghị quốc tế tiếp sau lễ ký Hiệp định, hai đoàn miền Bắc và miền Nam nước ta tham gia ngang hàng với ngoại trưởng của cả 5 nước ủy viên thường trực Hội đồng Bảo an Liên Hợp Quốc cùng Tổng thư ký của tổ chức lớn nhất hành tinh này. Cũng trong năm ấy thêm 15 nước kiến lập quan hệ ngoại giao với nước ta, trong đó có nhiều nước công nghiệp phát triển như Nhật Bản, Anh, Pháp, Italia, Đức, Bỉ, Hà Lan, Luxembourg, Canada, Australia... Vì thế, năm 2023 này dồn dập các hoạt động kỷ niệm 50 năm quan hệ ngoại giao với nhiều nước.

Thật không quá lời nếu nói rằng, chuyến bay từ Paris về nước là “con đường đầy cờ hoa”. Sáng hôm diễn ra lễ ký Hiệp định, các con đường dẫn tới Hội trường Kleber ở Paris đầy kín bạn bè quốc tế cùng đông đảo bà con người Việt với cờ đỏ sao vàng và cờ Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam trên tay hân hoan chào mừng sự kiện lịch sử.

Ở Mátxcova và Bắc Kinh, bạn tổ chức đại tiệc rất long trọng để chào mừng đoàn ta. Cảm động nhất là khi chuyên cơ lần

“Hiệp định Paris về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam - Mốc son thắng lợi trên mặt trận ngoại giao thời đại Hồ Chí Minh”

bánh trên đường băng sân bay Gia Lâm, chúng tôi thấy rất nhiều bà con, anh chị em tay cầm cờ hoa cùng Thủ tướng Phạm Văn Đồng và nhiều nhà lãnh đạo Đảng và Nhà nước ra đón đoàn. Tết Quý Sửu tung bừng biết bao, khi không còn tiếng còi báo động rú, nhà nhà không còn phải đi sơ tán.

Bước ra khỏi máy bay, trong tôi bỗng sống lại những hoài niệm về cảnh hoang tàn tại sân bay Gia Lâm khi đoàn đại biểu cấp cao của ta do Chủ tịch Hội đồng Nhà nước Trường Chinh dẫn đầu về nước sau khi dự lễ kỷ niệm lần thứ 50 ngày thành lập Liên bang Xô Viết. Lúc ấy nhà ga tối om, chiếc máy bay IL-18 còn lại cháy rụi nằm chổng trơ trên bãi đỗ; đường về thành phố ngổn ngang cây cối, cột đèn đổ gãy sau cuộc tập kích dã man suốt 12 ngày đêm của máy bay B-52 với ý đồ ép ta sửa đổi dự thảo Hiệp định đã được thỏa thuận.

Nhưng âm mưu thâm độc và tàn bạo ấy đã bị đập tan khi 81 máy bay, trong đó có 37 chiếc B-52 đã bị quân dân ta hạ gục trên bầu trời Hà Nội, làm nên chiến thắng lịch sử trong chiến dịch Điện Biên Phủ trên không tương tự quân Pháp đã thất bại thảm hại trong chiến dịch Điện Biên Phủ và buộc phải ký Hiệp định Genève năm 1954.

Nguyên tắc vững chắc, sách lược linh hoạt



Hàng ngàn cuộc phỏng vấn suốt Hội đàm Paris

Hai sự kiện lịch sử hầu như tương đồng ấy đã làm sáng tỏ thêm lời dạy của Bác Hồ: “Phải trông ở thực lực. Thực lực mạnh, ngoại giao sẽ thắng lợi. Thực lực là cái chiêng, ngoại giao là cái tiếng. Chiêng có to, tiếng mới lớn”. Giá trị lịch sử của hòa đàm Paris còn thể hiện trong sự vận dụng một cách sáng tạo nhiều ý tưởng sâu sắc khác trong “triết lý ngoại giao Hồ Chí Minh” mà ở đây chỉ xin đề cập ý tưởng lớn của Người là “Nguyên tắc của ta thì vững chắc nhưng sách lược của ta thì linh hoạt”.

Năm 1965, Mỹ tiến hành chiến tranh phá hoại miền Bắc nước ta bằng không quân và hải quân, đồng thời đưa quân vào trực tiếp tham chiến ở miền Nam. Ngay từ khi phát động chiến tranh đặc biệt, Mỹ đã vấp phải nhiều đòn đau và bị dư luận thế giới, phong trào phản chiến ở ngay nước Mỹ phản đối.

Trong hoàn cảnh ấy, chính quyền Mỹ đưa ra ý tưởng “đàm phán không điều kiện” với hàm ý đàm phán trong khi vẫn tiếp tục ném bom bắn phá miền Bắc. Đáp lại, phía ta kiên quyết bảo vệ nguyên tắc là chỉ “có thể” nói chuyện khi Mỹ chấm dứt không điều kiện việc ném bom bắn phá miền Bắc.

Ngày 29/12/1967 tại Nhà khách Chính phủ ở Hà Nội diễn ra cuộc chiêu đãi; trước chiêu đãi, Bộ trưởng Nguyễn Duy Trinh gọi tôi ra một góc dặn chú ý chữ “sẽ” trong câu thay cho chữ “có thể” từng nêu trong tuyên bố 28 tháng Giêng năm đó.

Tại hòa đàm Paris còn nhiều nội dung khác thể hiện tính nguyên tắc và sách lược tinh tế trong ngoại giao. Ngay từ đầu,

“Hiệp định Paris về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam - Mốc son thắng lợi trên mặt trận ngoại giao thời đại Hồ Chí Minh”

chúng ta đã kiên quyết yêu cầu đàm phán bốn bên với sự tham gia bình đẳng của đại diện chân chính của nhân dân miền Nam Việt Nam là Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam (sau là Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam).

Bị sốc trước cuộc tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu của quân dân miền Nam và sức ép từ phong trào phản chiến trong nước, Mỹ buộc phải chấp nhận yêu cầu của ta, nhưng lại gây ra cuộc tranh cãi dai dẳng về cái bàn đàm phán với hàng chục phương án khác nhau hàm ý coi đoàn “Việt Cộng” là bộ phận của đoàn miền Bắc.

Cuối cùng, Mỹ cũng phải chấp nhận phương án 4 đoàn ngồi ngang nhau xung quanh bàn tròn kèm theo hai bàn chữ nhật nhỏ ở hai điểm đối diện nhau dành cho thư

ký. Về thực chất, ta đã thực hiện được sách lược Bác Hồ thể hiện bằng phương châm “hai nhưng là một, một nhưng lại là hai” - nghĩa là tuy hai đoàn nhưng đều chịu sự lãnh đạo thống nhất của Đảng, còn về bề ngoài, mỗi đoàn cần có cách thể hiện khác nhau.

Đi vào thực chất, trước sau như một, ta kiên quyết yêu cầu quân Mỹ và đồng minh rút hết khỏi miền Nam Việt Nam, còn Mỹ lại đòi bộ đội miền Bắc cũng phải rút khỏi miền Nam - điều mà ta kiên trì bác bỏ theo phương châm “Mỹ rút, ta ở lại”. Về sách lược, ta chưa yêu cầu xóa bỏ ngay chính quyền Sài Gòn - một vấn đề thuộc quyền tự quyết của nhân dân Việt Nam. Cuối cùng, Mỹ buộc phải chấp thuận yêu cầu của ta.



HỘI ĐÀM PARI MỞ ĐỘT PHÁ KHẨU

Trung tướng Đoàn Chương

Nhân kỷ niệm 50 năm Hiệp định Pari được ký kết (27.1.1973 - 27.1.2023, xin giới thiệu cùng bạn đọc hồi ức của cố Trung tướng Đoàn Chương - nguyên Viện trưởng Viện Chiến lược quân sự, nguyên Tổ trưởng chuyên viên quân sự dự Hội nghị Pari về Việt Nam.

Năm 1968, tôi đang làm Cục phó Cục chính trị Quân chủng Phòng không - Không quân, có thông báo nhận nhiệm vụ Chính ủy Sư đoàn phòng không 377, chuẩn bị đưa Sư đoàn vào Nam chiến đấu thì được

điện của anh Phạm Ngọc Mậu - Phó chủ nhiệm TCCT gọi lên gặp.

Đúng hẹn, tôi đến phòng chờ. Đã có anh Hồ Quang Hóa, anh Nguyễn Đôn Tự cùng đợi. Giữa lúc ba chúng tôi đang ngơ

“Hiệp định Paris về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam - Mốc son thắng lợi trên mặt trận ngoại giao thời đại Hồ Chí Minh”

ngác chưa biết chuyện gì thì anh Mậu đến và cho biết: “Bộ Chính trị cử anh Lê Đức Thọ làm cố vấn đặc biệt cho phái đoàn đàm phán của Chính phủ ta tại Hội nghị Pari về Việt Nam. Anh Thọ lấy mấy cán bộ biết tiếng Pháp, tiếng Anh để giúp việc. Anh Thọ chấm ba cậu làm chuyên viên quân sự”. Rồi hướng về tôi, anh Mậu nói: “Anh Thọ biết cậu từ hồi làm thư ký của anh Nguyễn Chí Thanh. Cậu được cử làm Tổ trưởng” Sau khi dặn dò những điểm cần giữ gìn khi đi công tác ở nước ngoài, anh Mậu đặt cho mỗi người một bí danh và chỉ thị sáng hôm sau ra Ban Tổ chức T.Ư Đảng gặp anh Thọ để nhận nhiệm vụ.

Theo kế hoạch đã định, anh Lê Đức Thọ đi trước. Cùng đi có anh Xuân Oanh, công tác ở ủy ban Hòa bình thế giới của Việt Nam, rất giỏi tiếng Anh, đã nhiều lần đi nước ngoài. Còn lại 8 người đi sau, trong đó, ngoài 3 anh em cán bộ quân đội chúng tôi còn có luật sư Trần Công Tường và cô Nga - nhân viên têlêtip.

Đoàn 8 người chúng tôi bay đến Mascova thì các đồng chí ở Bộ Ngoại giao Liên Xô cho biết ở Pháp tháng 5 này đang có đình công tại các sân bay dân dụng, nên bạn đã bố trí cho anh Lê Đức Thọ đi chuyên cơ đáp xuống sân bay quân sự Pháp, còn đoàn 8 người chúng tôi phải đợi thu xếp đi máy bay dân dụng sang Bỉ, rồi từ Bỉ đi ô tô sang Pháp.

Theo kế hoạch bố trí của bạn, khi đoàn 8 người chúng tôi xuống sân bay Brucxen (Bỉ), cả Sứ quán Liên Xô tại Bỉ ra đón “cho thêm phần trọng thị” như bạn nói. Cũng vì thế mà gây nên sự chú ý và tò mò

của lũ khách và nhân viên sân bay đổ ra xem “người Việt Nam dám đánh Mỹ”. Ăn trưa xong, hai chiếc xe Hải Âu, do một Bí thư thứ hai Đại sứ quán Liên Xô tại Bỉ lái, một chiếc nữa chắc từ Pháp sang cũng do một đồng chí Liên Xô lái đưa chúng tôi đi Pháp.

Chẳng mấy chốc xe vượt biên giới Bỉ - Pháp trong sự ngỡ ngàng của chúng tôi, vì biên giới ở đây không có núi non hiểm trở mà hai nước chỉ cách nhau một con đường. Dọc theo xa lộ thênh thang, hai xe Hải Âu gắn biển số ngoại giao đoàn, nhưng không có cờ, gây sự chú ý đối với mọi xe qua lại. Có những tình tiết rất thú vị: Nhiều xe vượt qua xe chúng tôi rồi, nhưng sau khi biết đoàn ngoại giao Việt Nam, thì chậm lại, nhường cho xe chúng tôi đi trước, nhất là xe của các bạn người da màu, rồi nối đuôi theo sau, cùng dừng lại giải khát ở các cây xăng bố trí cách nhau chừng 50km dọc xa lộ. Ở đây, bạn bè quốc tế bắt tay rồi rít chào mừng, xin chữ ký, chụp ảnh... Cảm động nhất có một bà người Quebec (Canada) ôm chặt cô Nga, khóc mếu máo: “Con ơi, khổ lắm, gầy lắm”. Đúng là cô Nga gầy thật, vì cô vừa mổ dạ dày trước khi đi sang đây mấy ngày. Bà ấy lấy trong túi ra một tờ báo Canada có in ảnh một căn hầm trú ẩn có trồng hoa trên nắp hầm, rồi hết lời ca ngợi cuộc chiến đấu anh hùng chống Mỹ của nhân dân ta. Tôi xem kỹ tấm ảnh thì đó là dãy hầm phòng không ở vườn hoa Hàng Đậu, Hà Nội, vì nó ngay cạnh tháp nước.

Chúng tôi đến Pari giữa lúc thành phố đã lên đèn. Pari đúng là “thành phố ánh sáng”... Trụ sở của phái đoàn đàm phán của

“Hiệp định Paris về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam - Mốc son thắng lợi trên mặt trận ngoại giao thời đại Hồ Chí Minh”

ta đóng ở Trường Đảng trung ương Đảng Cộng sản Pháp.

Thế là tôi trở thành tân binh ngoại giao. Cũng may trước công việc mới và ở nơi xa xứ này, tôi vẫn có nhiều người quen biết. Ngoài anh Lê Đức Thọ, còn có anh Xuân Thủy, anh Hà Văn Lâu, anh Phan Hiến, anh Nguyễn Thành Lê...

Tổ chuyên viên quân sự chúng tôi cùng với tổ chuyên viên chính trị của anh Phan Hiến thành một bộ phận phương án, làm việc trực tiếp với anh Thọ. Mỗi khi họp bộ phận phương án thường phải vào phòng mật cách âm mà các đồng chí công an thiết kế một cách đặc biệt để chống nghe trộm. Nhưng anh Thọ có bệnh huyết áp cao, nên vào họp một hồi, mặt đỏ lên, phải ra ngoài. Vì vậy mà anh Thọ hay bố trí già ngoại bất ngờ, nay dừng nơi này, mai thay nơi khác, để họp chớp nhoáng, tránh tai mắt tình báo. Cũng nhờ thế mà chúng tôi quen thuộc rừng Bôlnơ, rừng Vành đai... rất đẹp của Pari...

Sau 30 năm nhớ lại những ngày đầu ở bên ấy, tôi thấy đúng là “vạn sự khởi đầu nan” và trong ngoại giao đánh thắng trận đầu cũng rất quan trọng.

Gặp giao nhiệm vụ và đồng viên chúng tôi, anh Sáu Thọ nói đại ý: “Tớ cũng như các cậu, đều là tân binh ngoại giao. Đánh Mỹ trên chiến trường đã khó, đấu với Mỹ trên bàn đàm phán chắc không phải dễ. Phải vừa làm vừa rút kinh nghiệm, học hỏi. Ở đây xa T.Ư nên phải tập thể bàn bạc cho kỹ và T.Ư ở xa, nên ta phải chủ động nghiên cứu đề xuất...”. Đồng thời không quên nhắc nhở: Nắm chắc tình hình chiến sự và báo cáo kịp thời.

Sau tết Mậu Thân 1968, với Hội nghị Pari về Việt Nam, ta đã buộc Mỹ phải ngồi vào bàn thương lượng đúng như kế sách “vừa đánh vừa đàm” mà Nghị quyết T.Ư 13 đề ra. Nhưng phản ánh tương quan thực tế, không phải mọi việc đều thuận buồm xuôi gió, mà phức tạp, gay cấn ngay từ thủ tục ban đầu.

Trong giai đoạn đầu, cả hai bên đều tranh thủ tuyên truyền lập trường của mình và tìm hiểu đối phương. Ta nhất mực hai điểm: Một là, nguồn gốc sâu xa và nguyên nhân trực tiếp của chiến tranh Việt Nam là từ chính sách xâm lược thực dân mới của đế quốc Mỹ; hai là, chấm dứt ném bom vô điều kiện, sau đó sẽ bàn các vấn đề có liên quan. Đổi lại, Mỹ cho rằng miền Bắc xâm lược miền Nam và đòi “có đi có lại”. Giằng co như hai võ sĩ vờn nhau trên võ đài.

Hariman - Trưởng đoàn đàm phán của Mỹ trong giai đoạn đầu, có lúc nói đại ý: “Tôi làm ngoại giao 40 năm, đã từng là nhân vật số 2 ở Hội nghị Yalta đàm phán với Stalin. Stalin rất “cứng rắn” nhưng vẫn “có đi có lại” Các ông còn “cứng rắn” hơn Stalin, vì trước sau, các ông chỉ một mực chấm dứt ném bom không điều kiện, sau đó sẽ bàn các việc có liên quan. Tuy nhiên các ông là những người có thể nói chuyện được, vì các ông có phong cách ngoại giao Hồ Chí Minh, không như Khorutxốp rút giày đập trên diễn đàn Liên Hợp quốc, hay như ở Bàn Môn Điếm, người ta cựa chân ghế đoàn Mỹ cho thấp xuống...”

Có những cái của ta nhưng ta không để ý, chẳng hạn như cái cười. Bình luận về cái cười của anh chị em đoàn ta, báo chí

“Hiệp định Paris về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam - Mốc son thắng lợi trên mặt trận ngoại giao thời đại Hồ Chí Minh”

Anh hồi đó viết “cái cười” có ba ý nghĩa: Một là luôn lạc quan dù phải chiến đấu gian khổ; hai là khó hiểu vì đồng ý hay không đồng ý cũng cười và ba là cười rất dễ gần. Và người ta chú ý Hariman thì hiếm khi cười, trong lúc đó, anh Xuân Thủy của ta luôn cười như hoa.

Có hôm, Hariman gợi ý khéo muốn “có cái gì đó” gây tin nhiệm với Tổng thống. Theo sự chỉ đạo của anh Thọ, Đoàn thảo luận và đề nghị về nhà cho thả mấy tù binh nhân dịp Quốc khánh Mỹ... Sau khi ở nhà chấp thuận, Đoàn đã bắn tiếng cho Đại sứ quán Liên Xô tại Pháp để họ bắn tiếng cho phái đoàn Mỹ. Sáng hôm sau đến phiên họp thường lệ, Hariman nắn nà dò hỏi xem “phải chăng có cọng rơm trong gió?”. Ta cho biết sẽ thả 3 tù binh nhân dịp Quốc khánh Mỹ. Hariman cảm ơn rồi rít và hỏi một lần nữa chắc chắn không để điện về báo cáo Tổng thống. Ta trả lời khẳng định và cho biết sẽ mời đại biểu Phong trào Hòa bình Mỹ đến nhận để đảm bảo tù binh được trở về đoàn tụ gia đình. Sau khi Hariman báo cáo “lập công” với Tổng thống, ông ta thông báo lại: Để thể hiện lập trường “có đi có lại”, Mỹ sẽ thả 12 lính hải quân Việt Nam “đã vi phạm vùng biển phi quân sự”

Qua một thời gian tìm hiểu lẫn nhau, để cho cuộc nói chuyện đi vào thực chất, cần có một sự đột phá: Tiếp xúc mật. Từ tiếp xúc cấp Phó đoàn và chuyên viên để thăm dò và chuẩn bị tiến lên tiếp xúc cấp Trưởng đoàn. Cuộc tiếp xúc cấp Trưởng đoàn đầu tiên nên nói gì, bắt đầu từ đâu? Đó là chủ đề mà “Hội đồng tham mưu” bàn bạc sôi nổi. Cuối cùng, anh Thọ kết luận và

nhấn mạnh lập trường của ta trước sau như một và đã nói nhiều rồi, bây giờ cũng phải nhắc lại, nhưng điều quan trọng là nói rõ ta độc lập tự chủ. Theo kết luận ấy, “Hội đồng tham mưu” cũng chuẩn bị, anh Thọ cũng chuẩn bị. Đến cuộc gặp, anh Thọ trình bày một mạch, vừa cứng rắn, vừa mềm mỏng. Đối phương tuy có bình luận ít nhiều nhưng chủ yếu là lắng nghe và yêu cầu họp kín một tuần nhiều lần. Điều tra kết quả phản ứng, anh Nguyễn Thành Lê cho biết đối phương hỏi: “Phải chăng theo ông Thọ nói, chìa khóa của hòa bình là ở Hà Nội, chứ không phải ở Matxcova hay ở Bắc Kinh?” Như vậy là họ nắm đúng ý của ta và đòi họp nhiều lần là đã “cắn câu”

Tiếp đó, qua các cuộc tiếp xúc mật, khi ở bên ta, khi ở phía Mỹ, các cuộc đấu đá, mặc cả cụ thể sắp đi đến một thỏa thuận chung là Mỹ chấm dứt ném bom, sau đó họp bốn bên, có cả Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam và chính quyền Sài Gòn. Bỗng nhiên đầu tháng 10-1968, Hà Nội có chỉ thị sang buộc “Mỹ phải nói chuyện với Mặt trận” và “chính quyền Sài Gòn phải thay đổi chính sách” trước khi họp bốn bên; “thời gian họp hội nghị bốn bên phụ thuộc vào việc Mỹ bàn với Mặt trận” Thật là một sự gay cấn! “Hội đồng tham mưu” của Đoàn bàn cãi rất nhiều, thấy khó mà thực thi vì tuy Mỹ bị bức bách với bầu cử Tổng thống sắp tới, nhưng thực tế chiến trường đợt 2 (tháng 5) và đợt 3 (tháng 8) sau Tết Mậu Thân đều không thực hiện được kế hoạch, tương quan lực lượng thực tế không cho phép ép hơn nữa. “Già néo đứt dây” Anh Lê Đức Thọ suy nghĩ rất nhiều. Anh Thọ cử tôi

“Hiệp định Paris về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam - Mốc son thắng lợi trên mặt trận ngoại giao thời đại Hồ Chí Minh”

về gấp báo cáo xin ý kiến Bộ Chính trị và điện gấp sang.

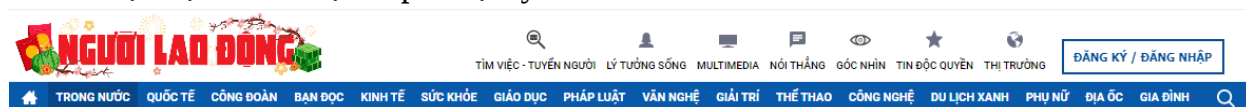
Tôi bay về Bắc Kinh thì gặp “trục trặc”, phải đi tàu hỏa về Hà Nội. Về đến nhà, tôi khẩn trương đến gặp anh Nguyễn Duy Trinh để báo cáo, thì được biết anh Thọ cũng vừa về và đã báo cáo Bộ Chính trị. Mừng quá, tôi đến nhà gặp anh Thọ, anh cho biết: “Sợ cậu về chậm quá, căng quá, dễ lỡ việc, tớ bay cấp tốc về và đã báo cáo Bộ Chính trị. Bộ Chính trị chấp thuận ý kiến

của Đoàn; tớ đang điện sang cho anh Xuân Thủy” Tôi thở phào nhẹ nhõm.

Đoạn, anh Thọ hỏi kỹ về “trục trặc” ở Bắc Kinh và nói: “Đạt được chấm dứt ném bom, sau đó họp bốn bên là đánh thắng trận đầu. Rồi đây, họp bốn bên nhất định sẽ phức tạp, khó khăn hơn nhiều; dù sao chấm dứt ném bom là đã mở được đột phá khẩu”

Đ.c

(Dẫn theo: Đoàn Chương... và bè bạn) **50**



CHUYỆN CHIẾC BÀN VÀ CHỖ NGỒI TRONG HỘI NGHỊ PARIS

Dương Ngọc

Theo bà Helen Luc, chỉ việc chọn bàn vuông, bàn tròn hay bàn bầu dục cho Hội nghị Paris cũng mất rất nhiều thời gian. Vị trí của mỗi thành viên các đoàn đều có một hàm nghĩa riêng về mặt chính trị và đã phải đổi bàn nhiều lần để có thể tiến hành đàm phán

Đến Việt Nam dự kỷ niệm 50 năm ngày ký Hiệp định Paris về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam (27.1.1973 - 27.1.2023), bà Helen Luc - nguyên Thượng nghị sĩ, nguyên Chủ tịch nhóm nghị sĩ hữu nghị Đảng Cộng sản Pháp tại Thượng viện Pháp, Chủ tịch danh dự Hội Hữu nghị Pháp - Việt - kể nhiều câu chuyện về Hội nghị Paris.



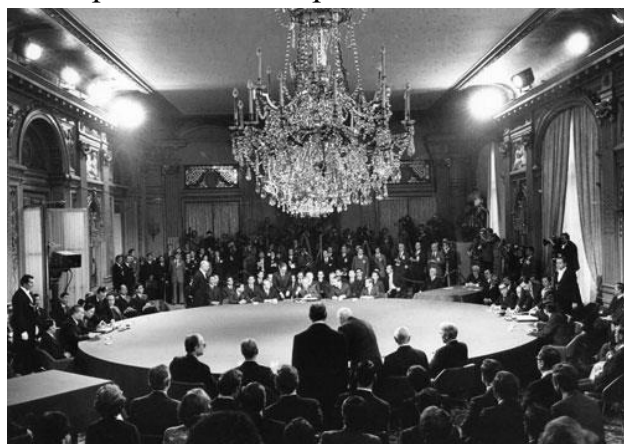
Bà Helen Luc. Ảnh: Trần Dương

“Hiệp định Paris về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam - Mốc son thắng lợi trên mặt trận ngoại giao thời đại Hồ Chí Minh”

Tranh luận về cái bàn...

Ngày 13-5-1968, Hội nghị Paris giữa phái đoàn Việt Nam Dân chủ cộng hòa và Mỹ chính thức bắt đầu tại Trung tâm Hội nghị quốc tế, phố Kléber, Paris, Pháp.

Bà Helen Luc kể, Cố vấn An ninh Quốc gia Mỹ Henry Kissinger đã tới Paris và có những cuộc hội đàm bí mật với phía Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, trưởng đoàn là Bộ trưởng Ngoại giao Xuân Thủy. Lúc đó rất nhiều lực lượng đã chỉ trích việc Kissinger đến Paris bởi vì không muốn chiến tranh Việt Nam được giải quyết bằng biện pháp hòa bình, không muốn chiến tranh Việt Nam kết thúc nhanh chóng. Còn ông Kissinger khẳng định chiến tranh Việt Nam để kết thúc được phải thông qua con đường đàm phán. Sau khi ông Kissinger tới Paris cũng phải mất đến 3 tháng để xác định thành phần đoàn đàm phán.



Chiếc bàn trong Hội nghị Paris. Ảnh tư liệu

"Lúc đó, chỉ việc chọn bàn vuông, bàn tròn hay bàn bầu dục cũng mất rất nhiều thời gian. Vị trí của mỗi thành viên các đoàn đều có một hàm nghĩa riêng về mặt chính trị và đã phải đổi bàn nhiều lần để có thể tiến hành đàm phán"- bà Helen Luc nhớ lại.

Còn ông Hà Văn Lâu, nguyên Thứ trưởng Bộ Ngoại giao, nguyên Phó trưởng đoàn đàm phán (giai đoạn 1) của Việt Nam ở Hội nghị Paris, trong trao đổi với TTXVN, kể thời gian đó ông gặp đại diện phía Mỹ là Vance chủ yếu là bàn về thủ tục phòng họp ở đâu, nói bằng thứ ngôn ngữ nào, ai sẽ nói trước, hình thù cái bàn ngồi họp ra sao... Chỉ riêng chuyện cái bàn, phía Mỹ đã kéo thành 8 cuộc họp, mất gần 2 tháng để Vance tranh luận với ông Hà Văn Lâu, đưa ra yêu sách quanh mấy cái mặt bàn, chân bàn. Đây không phải là tranh luận về kỹ thuật hình thức, kiểu dáng cái bàn mà thực chất là cuộc đấu tranh lập trường giữa hai bên.

Phía Mỹ cho là Hội nghị Paris tiếp theo chấm dứt ném bom miền Bắc phải là cuộc họp của 2 bên: Một bên là Mỹ và Việt Nam Cộng hòa, một bên là Việt Nam Dân chủ cộng hòa và Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam. Vance đưa ra đến 10 kiểu bàn để thể hiện lập trường 2 bên của Mỹ, cố tình phủ nhận vai trò của Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam.

Còn phía Việt Nam nêu rõ đây là hội đàm 4 bên để nâng tầm chính trị, đề cao vai trò của Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam trong cuộc chiến đấu bảo vệ Tổ quốc và trong đàm phán, nên đưa ra mẫu bàn hình vuông, Mỹ lại đề nghị bàn hình chữ nhật. Ở lần họp thứ 6, Phó đoàn Hà Văn Lâu đưa ra 2 kiểu bàn mới hình thoi và hình tròn chia tư. Đến cuộc họp lần thứ 7, Vance đưa ra 2 kiểu bàn: Hình bầu dục cắt dọc đôi và hình tròn cắt đôi, phía Việt Nam bác bỏ...

“Hiệp định Paris về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam - Mốc son thắng lợi trên mặt trận ngoại giao thời đại Hồ Chí Minh”

Phải đến lần họp thứ 10 ngày 16-1-1969, khi đưa ra sáng kiến chiếc bàn tròn, không phân biệt ranh giới cụ thể giữa 4 đoàn, phía Mỹ mới chịu chấp nhận. Tuy nhiên, phía Mỹ yêu cầu có hai bàn nhỏ đặt hai bên đối diện nhau, cách cạnh ngoài của bàn trong 45 phân.

Trên bàn họp không có cờ, không có bảng tên từng đoàn. Đoàn Việt Nam Dân chủ cộng hòa ngồi đối diện với đoàn Mỹ, còn đoàn Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam ngồi đối diện với đoàn Việt Nam Cộng hòa. Bên cạnh bàn tròn lớn có 2 bàn nhỏ dành cho thư ký. Bộ Ngoại giao Pháp đã làm giúp bàn họp, chỉ đóng trong một đêm là xong. Còn về chuyện ai nói trước, Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam và Việt Nam Cộng hòa rút thăm...

Ngày 25-1-1969, Hội nghị Paris 4 bên đã khai mạc trọng thể tại phòng lớn của Trung tâm Hội nghị quốc tế phố Kléber.

... Và chuyện chỗ ngồi

Theo bà Helen Luc, thời gian đàm phán Hiệp định Paris lúc đầu dự kiến chỉ là vài tháng nhưng sau đó kéo dài đến gần 5 năm bởi vì vấn đề lớn lúc đó là phải thống nhất Việt Nam. Vào các năm 1969, 1972, đoàn Việt Nam Cộng hòa đều nhấn mạnh một cách cứng rắn sẽ ký hiệp định với điều kiện là Việt Nam sẽ tiếp tục bị chia cắt. Tuy nhiên đoàn Việt Nam Dân chủ cộng hòa không đồng ý.

"Cố vấn đặc biệt" Lê Đức Thọ đã bày tỏ một cách mạnh mẽ lập trường, thái độ của đoàn Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Lúc đó, dù Henry Kissinger không muốn nhưng ông

Lê Đức Thọ đã cố tình ngồi gần cửa để giới báo chí có thể nghe được lập trường của phía Việt Nam: Việt Nam phải thống nhất về một mối, phải được hòa bình.

Theo ông Hà Văn lâu, quanh chuyện cái bàn, chỗ ngồi này, Trưởng đoàn Xuân Thủy đã nói: "Thật là buồn cười, hồi bé, trẻ con hay tranh nhau chỗ ngồi bàn này, bàn kia, ghế nọ, ghế kia. Bây giờ bạc đầu, trên trường quốc tế, người ta vẫn tranh nhau như vậy"...

Trong cuộc trả lời phỏng vấn vào năm 2015, Henry Kissinger từng nói: Lê Đức Thọ là đại diện của một nước nhỏ đàm phán với một cường quốc và chiến lược của ông Lê Đức Thọ là làm cho chúng tôi luôn luôn phải suy nghĩ với những dấu hỏi rất lớn. Ông Lê Đức Thọ thực sự là một đối thủ rất đáng gờm một người rất tận tâm và ngoài ra còn có một phong trào giải phóng cũng như một phong trào ủng hộ Việt Nam đứng sau ông Lê Đức Thọ, đó là một trong những điều giải thích cho chiến thắng của Việt Nam.



Cái bắt tay lịch sử giữa cố vấn Lê Đức Thọ và ông Henry Kissinger sau khi ký kết Hiệp định Paris ngày 27-1-1973. Ảnh tư liệu.

Ngày 27-1-1973, Hiệp định Paris về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt

"Hiệp định Paris về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam - Mốc son thắng lợi trên mặt trận ngoại giao thời đại Hồ Chí Minh"

Nam đã được chính thức ký kết tại Trung tâm Hội nghị quốc tế ở Paris giữa 4 bên tham gia Hội nghị Paris về Việt Nam: Việt Nam Dân chủ cộng hòa, Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam, Mỹ và Việt Nam Cộng hòa. Bản Hiệp định gồm 9 chương, 23 điều, trong đó có 3 điều quan trọng nhất: Mỹ phải thừa nhận độc lập, chủ quyền và thống nhất của Việt Nam; quân Mỹ và chư hầu phải rút hết khỏi Việt Nam; quân miền Bắc vẫn ở lại miền Nam Việt Nam.

Đây là kết quả của quá trình đàm phán được xem là "dài nhất lịch sử" để tiến tới chấm dứt cuộc chiến tranh dài nhất trong thế kỷ XX với 4 năm 8 tháng 16 ngày, gồm 201 phiên họp công khai, 45 cuộc gặp riêng giữa Việt Nam và Mỹ, 500 buổi họp báo, gần 1.000 cuộc phỏng vấn và nhiều phong trào phản đối chiến tranh Việt Nam trên khắp thế giới.



Vai trò của lực lượng chính trị thứ ba

Nhà hoạt động chính trị - xã hội Mỹ John McAuliff lưu ý có một khía cạnh ít được nhắc đến là vai trò của lực lượng chính trị thứ ba - những người sống ở miền Nam Việt Nam - trong việc phản đối chiến tranh, phản đối Chính quyền Sài Gòn để đạt được hòa bình. Những người như bà Ngô Bá Thành, nhà báo Don Luce... hiện đã không còn nữa.

"Hoạt động của những người thuộc lực lượng chính trị thứ ba đã góp phần chấm dứt chiến tranh lập lại hòa bình ở Việt Nam. Rất nhiều người đã tham gia vào các cuộc đấu tranh chống lại chính quyền Nguyễn Văn Thiệu. Chính quyền Sài Gòn cũng như các lực lượng của Mỹ đã dùng nhiều cách để cố gắng mưu toan hủy diệt lực lượng chính trị thứ ba, khiến họ gặp rất nhiều khó

Trưởng đoàn Việt Nam Dân chủ cộng hòa, Bộ trưởng Ngoại giao Xuân Thủy bắt tay Henry Kissinger, đứng giữa là cố vấn Lê Đức Thọ tại Hội nghị Paris năm 1973. Ảnh tư liệu Bộ Ngoại giao.

Ông John McAuliff - nhà hoạt động chính trị - xã hội Mỹ, người tích cực tham gia phong trào chống chiến tranh, ủng hộ nhân dân Việt Nam, Lào và Campuchia - khẳng định Hiệp định Paris được ký kết là một động lực đối với phong trào hòa bình, chống chiến tranh trên thế giới.

Bà Helen Luc dẫn lời một nhà sử học khẳng định chiến tranh Việt Nam là một sự kiện mang tính toàn cầu, không chỉ là vấn đề nội bộ của Việt Nam mà nó liên quan đến toàn thế giới. Thời gian đó, trong các cuộc tuần hành, rất nhiều người Pháp đã hô vang tên chủ tịch Hồ Chí Minh để ủng hộ Việt Nam, bởi vì đó là một cuộc đấu tranh chính nghĩa để chống lại chủ nghĩa đế quốc. Nếu như Việt Nam giành thắng lợi thì cũng là một thắng lợi của Pháp và của nhân dân trên toàn thế giới.

“Hiệp định Paris về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam - Mốc son thắng lợi trên mặt trận ngoại giao thời đại Hồ Chí Minh”

khăn. Tôi cho rằng đây cũng là một nội dung mà các viện bảo tàng của Việt Nam nên có"- ông bày tỏ quan điểm.



THƯ VIỆN
TỈNH BẮC NINH

THỨ NĂM

12/1/2023 SỐ 12

Điện thoại nóng
0977.456.112

50 NĂM, HỘI NGHỊ PARIS - CUỘC ĐÀM PHÁN LỊCH SỬ BÀI 3: CHUYỆN CỦA NGƯỜI CHÁU NHÀ NGOẠI GIAO XUÂN THỦY

Xuân Ba

...Độ giữa đông năm 1977, tại Tòa soạn 15 Hồ Xuân Hương, Chi đoàn thanh niên báo Tiền Phong chúng tôi xúm tay tổ chức một đám cưới. Chú rể là phóng viên Nguyễn Ngọc Báu đẹp duyên cùng cô dâu Đào Thị Như Vịnh là giảng viên Đại học (ĐH) Sư phạm.

Phòng họp lớn của cơ quan chật ních khách phải tràn cả xuống sân. Khách nhà trai có một vị VIP là ông Xuân Thủy, Bí thư T.U Đảng, Phó Chủ tịch Quốc hội. Ông Xuân Thủy là bác ruột Nguyễn Ngọc Báu.



Bộ trưởng Xuân Thủy (bìa trái) trong ngày cưới của Ngọc Báu - Như Vịnh

Bạn đọc từng làm quen với phóng viên (PV) Nguyễn Ngọc Báu qua nhiều bài viết những năm tháng là PV Ban trường học, từng 10 năm là phóng viên của Hãng thông tấn Ba Lan (PAP) tại Hà Nội và sau này trở về báo phụ trách ấn phẩm *Tri Thức Trẻ* của báo. Rồi con gái Ngọc Thu kết quả cuộc hôn nhân năm ấy nay là nhân viên của

tòa báo khi bố đã về hưu là cả một câu chuyện dài...

Mùa hè năm 1973, Bộ trưởng Xuân Thủy danh tiếng như còn sau cuộc ký kết hòa đàm Ba Lê đã có một tuần làm khách mời đặc biệt của Nhà nước và Bộ Ngoại giao Ba Lan. Nguyễn Ngọc Báu khi đó là sinh viên văn khoa năm thứ 4 Đại học tổng hợp Vacsava. Cậu cháu khi ấy đang nghỉ hè được ông bác Xuân Thủy đón về nhà khách của Bộ ngoại giao Ba Lan. Chừng như để thăm định kết quả học tập cũng như năng khiếu viết lách của cậu cháu, ông bác Xuân Thủy bắt ngờ giao việc, rằng, tất tât những hoạt động suốt cả một tuần của ông ở Ba Lan, cậu cháu phải thực thi việc ghi chép lại!

Cứ như một thư ký riêng tập sự, theo hầu ông bác được kè suất thượng khách nhưng Ngọc Báu lo lắng. Không biết phải ghi chép viết lách ra làm sao đây? Đúng như Báu đã lường, cầm tập giấy với những dòng

“Hiệp định Paris về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam - Mốc son thắng lợi trên mặt trận ngoại giao thời đại Hồ Chí Minh”

ghi chép của cậu cháu, ông bác cười *thế này chỉ đạt điểm 2 trên 10 thôi!*

Rồi đêm đó ông bác bất ngờ lấy từ va li ra một chồng giấy gáy lò xo các trang kín đặc chữ màu xanh đen ngay ngắn vốn có hữu trước nay của chính Bộ trưởng Xuân Thủy!



Quang cảnh họp báo ở Hội nghị Paris

Ngọc Báu ngạc nhiên khi tiếp cận chồng tài liệu. Đó là những tờ khổ A4 được đóng thành từng tập. Hóa ra đây là những dòng nhật ký của Trưởng đoàn đàm phán Hội nghị Paris bắt đầu từ ngày ông được giao trọng trách phụ trách đoàn đàm phán của Việt Nam dân chủ cộng hòa (VNDCCH). Đây là những dòng sự kiện ông trực tiếp biên chép khởi đầu từ 7/5/1968, ngày lên đường sang Paris.

Tiếng là cháu ruột, nhưng mãi đến tận khi ấy, Ngọc Báu mới mục sở thị kiểu chữ viết tuy là nhật ký nhưng không hề tháu mà chân phương ngay ngắn của ông bác mình. Lại nữa, cách viết rất ngắn gọn nhưng khá sinh động.

Cẩn thận trao lại cho tôi tập tài liệu là những trang nhật ký được *photocopy*, cựu phóng viên Nguyễn Ngọc Báu giọng tâm tư rằng không hiểu sao

cho đến thời điểm này số trang của tập nhật ký Hội nghị Paris của ông bác chỉ còn mong mỏng thế này?

Tôi đón lấy tập tài liệu.

Nhật ký Hội nghị Paris lịch sử của Bộ trưởng Xuân Thủy bắt đầu được ghi từ 7/5/1968. Và dừng lại ngày 5/7/1969.

Chất giọng Ngọc Báu như tiếc rẻ cho biết, suốt cả một tuần, thời gian ông bác Xuân Thủy thăm Ba Lan, Ngọc Báu đã ghi chép khá tỷ mỉ công phu là thế nhưng sau này tập ấy chả thấy đâu!

Nguyễn Ngọc Báu chất giọng chắc khừ rằng thời điểm được tiếp cận với tập nhật ký của ông bác có đầy đủ sự kiện được Bộ trưởng Xuân Thủy ghi đến tận thời điểm ký kết Hiệp định tháng Giêng năm 1973! Ngọc Báu khẳng định thêm, với bản tính cẩn trọng, chu tất và thói quen ghi nhật ký, không bao giờ ông bác mình để xổng để phí các tình tiết diễn biến từ năm 1969 cho đến đầu năm 1973 với hàng loạt sự kiện đáng chú ý như thế?

Như đoạn cuối ông Xuân Thủy ghi lại lần về Hà Nội rồi trở lại Pháp.

5-7-69. Tới Paris. Sân bay Le Bourger. Buổi trưa. Nắng. Các anh Bộ, Lâu, chị Bình đã có mặt. Những cái hôn thân thiết. Trong phòng khách sân bay có đủ anh chị em hai Đoàn. Các cơ quan, Việt kiều. Đại sứ Liên Xô. ĐSQ Trung Quốc. Nhà báo, quay phim chờ sẵn...

Không thấy triệu chứng gì của việc kết thúc nhật ký?

Biết chia sẻ với ông bạn Ngọc Báu thế nào đây? Có thể nhiều cuốn của tập nhật

“Hiệp định Paris về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam - Mốc son thắng lợi trên mặt trận ngoại giao thời đại Hồ Chí Minh”

ký ấy đã bị thất lạc ở khâu nào đó? Hoặc còn lưu giữ đâu đó?

Nhà ngoại giao Xuân Thủy mất đột ngột khi ông đang viết dở đoạn hồi ký về các thời *Báo Cứu Quốc* do ông từng làm chủ nhiệm.

Có cuộc bàn giao tài liệu giữa ông với các cơ quan có trách nhiệm nào không? Ông cháu Nguyễn Ngọc Báu chỉ may mắn thừa hưởng phần nhật ký còn lại này từ tay người con trai cả của ông Xuân Thủy là Nguyễn Trọng Uyên (đã mất) và GS.TS Nguyễn Trọng Yên. Và tại thời điểm đó tập nhật ký cũng đã trong tình trạng mỏng, thiếu như vậy?

Chưa có cái cần thì tạm bằng lòng với cái đang có vậy!

Trước tôi là những con chữ của nhà ngoại giao Xuân Thủy từ nửa thế kỷ trước.

Xin trích đoạn không khí phiên họp đầu tiên của cuộc Hội đàm Paris.

...13-5-68

Mười giờ trong đoàn ai nấy đã âu phục chỉnh tề (âu phục màu đen theo thời trang Paris. Áo ve nhỏ ba khuy. Quần ống không rộng, giày da đen mũi nhọn) Xuân Thủy đi đầu với Phương phiên dịch, Bắc bảo vệ. Các nhà báo đã chờ sẵn ở chân thang máy và cửa ra vào.

Xin ngài cho biết cảm tưởng phiên họp đầu tiên? Ý nghĩ của ngài bây giờ là gì? Ngài định nói gì tại phiên khai mạc này?

Xuân Thủy chỉ cười cảm ơn, chưa có gì để nói.

Ngoài đường hai bên hè quần chúng xúm đông vây tay.

Xe Xuân Thủy (kiểu mới nhất của Pháp) cấm cò đỏ sao vàng. Xe thứ hai Cố vấn Bộ trưởng đại sứ Hà Văn Lâu. Cố vấn Bộ trưởng, nghị sĩ Nguyễn Minh Vỹ. Xe thứ ba cố vấn người phát ngôn Nguyễn Thành Lê cố vấn Đại sứ Phan Hiền. Tiếp theo là những xe nhân viên. Hộ tổng đoàn có 4 xe mô tô, hai xe hơi của cảnh sát Pháp. Còi hú vang.

Nơi họp ở cạnh Khải Hoàn Môn là ngôi nhà nhiều tầng cổ kính mang tên Trung tâm Hội nghị quốc tế.

Người hai bên đường đông nghịt. Tất cả phải đứng phía sau hàng rào sắt trước lối đi vào nhà Hội nghị. Cảnh sát xếp thành hàng đứng hai bên. Hai người gác cửa mang găng tay trắng, mặc áo đuôi tôm đen, một lễ tân cũng áo đuôi tôm đen và hai nhân viên lễ tân Bộ Ngoại giao dẫn đoàn vào phòng hội nghị.

Phòng họp rộng hình chữ nhật. Bàn họp cũng kê hình chữ nhật. Mặt bàn trải thảm dạ xanh. Bốn bên có lối đi rộng. Hai đầu chằng dây ngăn. Một bên cho nhà báo quay phim nhiếp ảnh.

Đoàn Mỹ đến sau 2 phút. Đại sứ lưu động Hariman Đại diện Tổng thống Mỹ, đại sứ Vance đại diện thứ hai của Tổng thống Mỹ và một số nhân vật khác...

Cẩn thận trao lại cho tôi tập tài liệu là những trang nhật ký được photocopy, cựu phóng viên Nguyễn Ngọc Báu giọng tâm tư rằng không hiểu sao cho đến thời điểm này số trang của tập nhật ký Hội nghị Paris của ông bác chỉ còn mong mỏng thế này?

“Hiệp định Paris về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam - Mốc son thắng lợi trên mặt trận ngoại giao thời đại Hồ Chí Minh”

50 NĂM, HỘI NGHỊ PARIS - CUỘC ĐÀM PHÁN LỊCH SỬ BÀI 6: CHUYỆN NGƯỜI PHIÊN DỊCH

Xuân Ba

Năm đã xa, tôi may mắn được ngồi với ông già người mạnh mẽ... Nguyễn Đình Phương, cái tên chừng như “lọt thỏm” trong bề sự kiện cuộc hòa đàm Paris. Cũng phải thôi, hình như ít khi “sử” chép người phiên dịch trong những sự kiện trọng đại?



*Người mà Lê Đức Thọ và H. Kissinger đều cần, phiên dịch Nguyễn Đình Phương
(mang kính, đứng giữa)*

Ông không chỉ là phiên dịch mà còn là người trực tiếp chứng kiến một sự kiện hiếm hoi trong những trang sử ngoại giao kiệt xuất của nước Nam ta: phiên dịch chính cho những cuộc đàm phán, những cuộc gặp riêng giữa Xuân Thủy và Hariman và sau đó là các cuộc gặp riêng giữa Lê Đức Thọ và Kissinger suốt từ năm 1968 cho đến mùa xuân năm 1973!

Ông bước vào ngạch ngoại giao từ năm 1948, bắt đầu từ ngày tham gia trong tổ công tác Ban cán sự của bộ đội Thượng Lào. Đơn vị ông có nhiệm vụ đặc biệt gây dựng đội ngũ cán bộ và phong trào cơ sở

cấp huyện cho bạn. Xiềng Kho, Khang Khay, Sầm Nưa... Những ngả đường Bắc Lào đạn phi rình rập và miên man những cơn sốt rét rừng. Công việc hầu như chả dính gì đến cái vốn tiếng Anh mà ông rất thạo từ những năm học ở trường Bưởi.

Mãi cho đến khi về nước cái vốn liếng ngoại ngữ ấy mới được sử dụng phần nào khi ông được bổ sung vào Ban thi hành Hiệp định Genève. Rồi lại băng đi cho đến tháng 5/1968 ông được chỉ định là phiên dịch chính cho Cố vấn đặc biệt Lê Đức Thọ tại Hội nghị Paris.

“Hiệp định Paris về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam - Mốc son thắng lợi trên mặt trận ngoại giao thời đại Hồ Chí Minh”

Sang đến Paris, ông mới biết Cố vấn đặc biệt Lê Đức Thọ mới ở chiến trường miền Nam ra theo lệnh của Bác Hồ.

Buổi trưa ngày 3/6/1968, Lê Đức Thọ đến Paris, buổi chiều báo *France Soir* (Nước Pháp buổi chiều) có bài tường thuật *trong bộ quần áo giản dị, ông Lê Đức Thọ có nụ cười của La Joconde...*

Và đến Paris, ông mới biết bên cạnh diễn đàn chính của Hội nghị Paris ở Phố Clâybe của ông Xuân Thủy và Hariman, một diễn đàn mới đã bí mật xuất hiện.

Đó là các cuộc gặp riêng giữa Việt Nam và Hoa Kỳ. Mỗi bên chỉ một hai người. Địa điểm gặp thường xuyên di chuyển và tuyệt đối giữ bí mật!

“

Hariman đã dọa bom sẽ lại rơi trên đầu các ông!

Xuân Thủy, mặt đành lại “Ông dọa đấy à? Ném bom trở lại à? Chúng tôi sẵn sàng đánh lại!”.

Lê Đức Thọ bình tĩnh “Ông dọa bằng chiến tranh không được đâu! Chúng ta đã đánh nhau nhiều năm rồi còn lạ gì nhau...”

Hariman ngồi lặng đi một lát rồi lẩm bẩm: “Tôi rút cái câu nói bom lại rơi trên đầu các ông...”

Ông Nguyễn Đình Phương hồi tưởng lại một cuộc gặp mặt ngày 21/8/1968 giữa Xuân Thủy, Lê Đức Thọ với Hariman mà ông là phiên dịch chính sau 18 phiên họp công khai và bốn cuộc tiếp xúc riêng. Thăm dò và đàm phán là âm hưởng chủ đạo của các cuộc tiếp xúc riêng theo yêu cầu từ nhà của Bộ chính trị.

Đối diện với Xuân Thủy, Lê Đức Thọ là Hariman, nhà ngoại giao kỳ cựu của Mỹ nổi tiếng là người thương lượng sành sỏi. Hariman từng làm đại diện cho Tổng

thống Mỹ Roosevelt làm việc với Stalin và Cyruc Vance (luật sư, giảng viên luật ở đại học Mỹ)

Ấn tượng thêm, Bộ trưởng Xuân Thủy, trong tất cả mọi trường hợp ông luôn xuất hiện nụ cười tươi thường trực. Nhưng hôm đó, nụ cười của Bộ trưởng đã tắt sau cú đấm đánh thình xuống mặt bàn. Đó là khi Hariman đơn phương đòi có đại diện của Việt-Nam Cộng hòa trong đàm phán (thời điểm ấy cục diện chưa thay đổi nên chưa tính đến đại diện của 4 bên trong Hội nghị như sau này mới xuất hiện - XB).

Sau khi ta từ chối thẳng thừng, Hariman đã dọa bom sẽ lại rơi trên đầu các ông!

Xuân Thủy, mặt đành lại “Ông dọa đấy à? Ném bom trở lại à? Chúng tôi sẵn sàng đánh lại!”.

Lê Đức Thọ bình tĩnh “Ông dọa bằng chiến tranh không được đâu! Chúng ta đã đánh nhau nhiều năm rồi còn lạ gì nhau...”

Hariman ngồi lặng đi một lát rồi lẩm bẩm: “Tôi rút cái câu nói bom lại rơi trên đầu các ông...”

Người lính già đã qua 5 năm đánh và đàm ở mặt trận ngoại giao Paris ấy nở một cái cười sảng khoái rằng “Hai ông Lê Đức Thọ Xuân Thủy quả là lợi hại. Lúc Xuân Thủy “nhu” thì Lê Đức Thọ “cương” và ngược lại nhưng Lê Đức Thọ đa phần là “cương” nhưng cái cương không bao giờ bị gãy vì đúng lúc, vì có lý!”.

“Hiệp định Paris về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam - Mốc son thắng lợi trên mặt trận ngoại giao thời đại Hồ Chí Minh”



Thế hệ vàng của ngoại giao Việt Nam

Tôi hỏi ông Phương, Lê Đức Thọ “cương” như thế nào, thì ông cười, chậm rãi, có người nói Lê Đức Thọ gặp Kissinger là ngang sức ngang tài, kẻ tám lạng người nửa cân nhưng Kissinger đã đánh giá nhầm Lê Đức Thọ như sau này trong hồi ký mà ông ta đã bộc bạch...

“Thêm một lần nữa tôi đã đánh giá thấp Lê Đức Thọ. Ông có lối nhào lộn ngoại giao duyên dáng. Ông không hề lay chuyển trong cách định nghĩa khu phi quân sự...”

“Tóc hoa râu, đường bệ... Lê Đức Thọ bao giờ cũng mặc bộ đại cán hoặc marông. Đôi mắt to và sáng. Ít khi để lộ sự cuồng tín đã thúc đẩy ông hồi 16 tuổi đi theo phong trào du kích cộng sản chống Pháp... Lê Đức Thọ tiếp tôi với một sự lễ phép có khoảng cách của một người mà ưu thế hiển nhiên đến mức không thể làm khác được bằng một kiểu lễ phép gần như hạ cố...”

Khuôn mặt tròn, đôi môi rất dày nước da ngăm ngăm thân hình vạm vỡ cứ như một nhà thể thao và cặp kính cận đặc biệt dày! Kissinger chỉ “lộ” ra phần trí thức và ngoại giao khi trên bàn đàm phán... Khi tôi nói lại với người phiên dịch nhận xét đó

của nhiều nhà ngoại giao thì ông cười, *cũng na ná như thế*.

Có một chi tiết chắc Kissinger không ghi vào hồi ký là ngón tay nhẫn của Lê Đức Thọ cứ bóng sáng và nổi bật lên chiếc nhẫn gò từ mảnh xác máy bay Mỹ bị bắn rơi trên miền Bắc!

Ông đang nhấn nhá thêm với tôi ấn tượng về cái ngày mùng 8 tháng Giêng năm 1973 khi bàn đàm phán Paris được nối lại sau trận Điện Biên Phủ trên không.

Như mọi người đã biết, sau cú lật lọng của Mỹ nên Hiệp định đã hoàn tất ngày 20/10/1972 đã không được ký kết.

Mỹ muốn xóa bỏ Hiệp định và bắt ta phải thay đổi nhiều điều khoản bằng việc bắt ngừng dùng B52 tập kích Hà Nội, Hải Phòng.

Trong 12 ngày đêm ác liệt máu lửa ấy, Cố vấn đặc biệt Lê Đức Thọ đã có mặt trong căn hầm đặc biệt ở ngay trong sân rồng ở Điện Kính Thiên cùng làm việc với Bộ Chính trị...

Ba ngày đêm liên Cố vấn bị sốt cao... Chắc trong những đêm ác liệt ấy Cố vấn đã suy ngẫm nhiều về sự tráo trở lật lọng của kẻ thù. Còn người phiên dịch của Cố vấn và anh em trong đoàn đàm phán vẫn bình yên vô sự ở Paris...

Nhưng “thân tại Paris tâm tại... Hà Nội” ông Phương và anh em trong đoàn ngay lập tức biết được tình hình chiến sự qua theo dõi trực tiếp từ các hãng thông tấn phương Tây khi đó có mặt tại thủ đô của Việt Nam dân chủ cộng hoà. Riêng ông Phương lòng dạ bời bời bởi bom B52 rải

“Hiệp định Paris về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam - Mốc son thắng lợi trên mặt trận ngoại giao thời đại Hồ Chí Minh”

thảm Khâm Thiên tức cũng gần nhà ông khi đó ở Bà Triệu.

Rồi cũng rất nhanh, ông biết được tin Nixon đơn phương tuyên bố ngừng bom, nối lại cuộc hòa đàm Paris...



NHỮNG NGƯỜI PHỤ NỮ LÀM NÊN HIỆP ĐỊNH PARIS

Trinh Nguyễn

Những chiến sĩ, anh hùng lao động, nhà ngoại giao nữ đã góp phần vào chiến thắng trên bàn đàm phán Paris năm nào.

Cuộc ngoại giao nhân dân đầu tiên

Nữ luật sư người Mỹ, bà Nancy Hollander, có một món quà đặc biệt năm 1965. Khi đó, bà là đại biểu trẻ tuổi nhất tham gia phái đoàn gặp mặt ngoại giao nhân dân đầu tiên giữa Việt Nam và Mỹ tại Jakarta (Indonesia). Đó là một chai rượu. Nhưng bà Nancy Hollander không uống ngay mà để dành tới 10 năm sau mới uống. “Khi đó, tôi nói sẽ chờ khi nào Việt Nam được giải phóng thì tôi sẽ uống. Và tôi đã chờ tới 1975 mới uống chai rượu này để chúc mừng”, bà Nancy Hollander nói trong buổi tọa đàm của sự kiện Khát vọng hòa bình. Sự kiện gồm tọa đàm Vì một nền hòa bình và triển lãm Khát vọng hòa bình, diễn ra ngày 9.1, tại Bảo tàng Phụ nữ Việt Nam. Đây cũng là hoạt động hướng đến kỷ niệm 50 năm ngày ký kết Hiệp định Paris về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam (27.1.1973 - 27.1.2023).



Bà Nguyễn Thị Bình, Bộ trưởng Ngoại giao Chính phủ Cách mạng Lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam, ký Hiệp định chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam, Paris ngày 27.1.1973

Sau cuộc gặp mặt đó, bà Nancy Hollander đã tham gia tích cực vào các hoạt động phản đối chiến tranh ở Việt Nam tại Mỹ và luôn dành tình cảm đặc biệt cho đất nước Việt Nam và phụ nữ Việt Nam. Năm 2019, bà Nancy Hollander lần đầu tiên đến Việt Nam và có một cuộc gặp gỡ “lịch sử” tại Bảo tàng Phụ nữ Việt Nam với nguyên Phó chủ tịch nước Nguyễn Thị Bình, người có vai trò đặc biệt trong đàm phán và ký kết

“Hiệp định Paris về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam - Mốc son thắng lợi trên mặt trận ngoại giao thời đại Hồ Chí Minh”

Hiệp định Paris. Bà cũng trao tặng bảo tàng 450 tài liệu hiện vật quý từ cuộc gặp mặt giữa phụ nữ Mỹ với phụ nữ hai miền Nam, Bắc Việt Nam tại Jakarta (Indonesia) năm xưa mà bà đã lưu giữ hơn nửa thế kỷ. Trong trưng bày lần này, cuốn sổ bà ghi chép về cuộc gặp mặt năm 1965, các tài liệu chống chiến tranh của phụ nữ Mỹ cũng được giới thiệu.

Cuộc gặp năm 1965 tại Jakarta chính là cuộc ngoại giao nhân dân đầu tiên thông qua nước thứ 3, giữa Tổ chức Phụ nữ đấu tranh cho hòa bình (WSP) với Phái đoàn Phụ nữ Việt Nam. Phái đoàn này gồm 8 thành viên đến từ Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam ở miền Bắc và Hội Liên hiệp Phụ nữ Giải phóng miền Nam Việt Nam. Trong tuyên bố chung sau 3 ngày làm việc, cả 3 bên đều đồng ý rằng Mỹ đã vi phạm Hiệp định Genève, trách nhiệm của phụ nữ Mỹ là phải tạo nên sự tôn trọng nền độc lập, tự do, toàn vẹn lãnh thổ Việt Nam. Sau đó, phụ nữ Mỹ tổ chức nhiều chiến dịch hoạt động

phản đối chiến tranh, ủng hộ hòa bình ở Việt Nam.

Triển lãm cũng giới thiệu những hình ảnh phụ nữ Pháp phản đối chiến tranh. Kể từ năm 1965, ngày 8.3 hằng năm là ngày phụ nữ Pháp lựa chọn để tổ chức những buổi thức đêm vì Việt Nam, phản đối Mỹ trong cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam. “Đêm trắng” đã diễn ra trên khắp nước Pháp. Phụ nữ Pháp đã cùng nhau ký tên vào những bản kiến nghị phản đối Mỹ xâm lược và cử những đoàn đại biểu mang tới các trại lính Mỹ, các lãnh sự Mỹ ở Paris và các tỉnh.

Hình ảnh phụ nữ Nhật ủng hộ Việt Nam cũng xuất hiện trong trưng bày. Hội Phụ nữ Nhật Bản Mới tổ chức làm ống tiền tiết kiệm “Một yên ủng hộ Việt Nam”. Họ cũng phát hành các bưu ảnh, bưu thiếp có nội dung về cuộc kháng chiến của Việt Nam; làm búp bê giấy, búp bê vải, dây hoa giấy mang dòng chữ “Mỹ cút khỏi Việt Nam”... để bán lấy tiền quyên góp ủng hộ Việt Nam.



KÝ ỨC VỀ CUỘC ĐÀM PHÁN DÀI NHẤT LỊCH SỬ

Trinh Nguyễn, Kiều Mai Sơn

Bà Nguyễn Thị Bình, nữ Bộ trưởng Ngoại giao đầu tiên của Việt Nam, chia sẻ trong hồi ký về Hiệp định Paris, khi rời Hà Nội lên đường cuối năm 1968, bà không ngờ cuộc đàm phán để ký hiệp định lại dài đến thế.

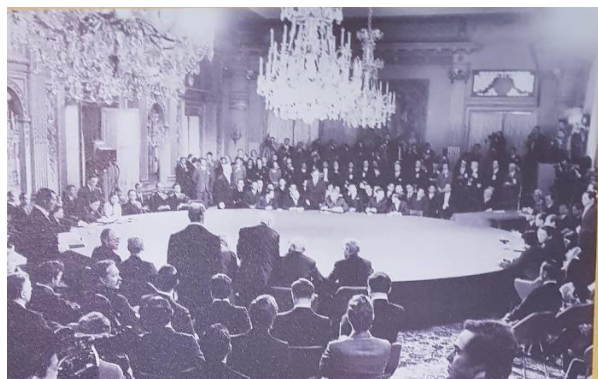
Bắt đầu ngoại giao từ... cái bàn

Bà Nguyễn Thị Bình đã dành một chương trong cuốn hồi ký Đất nước, gia

đình và bạn bè của mình để viết về những năm tháng đàm phán Hiệp định

“Hiệp định Paris về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam - Mốc son thắng lợi trên mặt trận ngoại giao thời đại Hồ Chí Minh”

Paris. Trong chương “Cuộc đàm phán dài nhất lịch sử”, bà viết: “Đây có lẽ là cuộc đàm phán dài nhất trong lịch sử thế giới, bắt đầu từ tháng 11.1968, kết thúc ngày 27.1.1973. Khi rời Hà Nội lên đường cuối tháng 10.1968, tôi không ngờ nó sẽ kéo dài đến thế”. Thời điểm đó, bà là đại diện của Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam.



***Toàn cảnh ký kết Hiệp định Paris 1973 TU
LIỆU BẢO TÀNG PHỤ NỮ VIỆT NAM***

Bà Nguyễn Thị Bình nhớ lại điểm khởi đầu của cuộc đàm phán là đấu tranh về cái bàn. “Trong lịch sử đấu tranh ngoại giao thế giới chưa bao giờ lại có kiểu bắt đầu đặc biệt như vậy: Trước tiên là đấu tranh về cái bàn. Đương nhiên có lý do, hình thù và cách phân chia chỗ ngồi ở bàn chính là xác nhận tính chất pháp nhân của các bên đàm phán”, bà Bình viết.

Bà cũng cho biết từ tháng 5 - 10.1968, cuộc bàn cãi giữa ông Xuân Thủy (Trưởng đoàn Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa - VNDCCH) và Đại sứ Mỹ Harriman đã rất gay gắt về vấn đề vai trò của đoàn Mặt trận. Phía ta nêu rõ Mặt trận là đại diện cho nhân dân miền Nam đang trực tiếp chống Mỹ nên đương nhiên phải là một bên đàm phán. Mỹ thì cho rằng Mặt

trận là “người của miền Bắc”, là “cộng sản”, muốn lật đổ “quốc gia” ở miền Nam. Ta nói rằng chính quyền Sài Gòn do Mỹ dựng lên, là tay sai của Mỹ. “Cuộc đấu tranh “bốn bên hay hai bên” có ý nghĩa chính trị rất quan trọng. Chúng ta yêu cầu một cái bàn vuông cho bốn bên đàm phán hoặc một cái bàn tròn chia bốn. Mỹ đòi một cái bàn chữ nhật có hai bên hoặc một cái bàn tròn chia đôi”, bà Bình viết.

Cuối cùng, các bên thống nhất sẽ là một cái bàn tròn to, đường kính 8 m, cất đôi, trải khăn bàn màu xanh, mỗi bên có một vạch phân chia nằm bên ngoài, như vậy ai hiểu là hai bên hay bốn bên cũng được. Phía Mỹ và chính quyền Sài Gòn ngồi sát nhau như một bên, còn phía ta, đoàn Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam và đoàn Chính phủ VNDCCH ngồi thành hai đoàn riêng biệt. “Đối với dư luận, cách ngồi của Mỹ và chính quyền Sài Gòn là không có lợi cho họ, có thể thấy rõ chính quyền Sài Gòn là tay sai của Mỹ, làm sao mà đại diện được cho nhân dân miền Nam”, bà Bình chia sẻ.

Công khai và bí mật, đánh để đàm

Hội ký của ông Hà Văn Lâu, thành viên của đoàn đàm phán Chính phủ VNDCCH, cho biết trong giai đoạn đầu (từ ngày 13.5 - 31.10.1968), ta đòi Mỹ chấm dứt ném bom vô điều kiện. Ta nhấn mạnh chữ vô điều kiện nhưng Mỹ đòi ra điều kiện mới chấm dứt ném bom. Tất nhiên, ta không chịu mà kiên quyết đòi chấm dứt ném bom vô điều kiện. “Ta có hai phương thức đấu tranh, đấu tranh công khai họp tại Kléber (Trung tâm hội nghị quốc tế Kléber, Paris,

“Hiệp định Paris về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam - Mốc son thắng lợi trên mặt trận ngoại giao thời đại Hồ Chí Minh”

Pháp - PV) và đấu tranh bí mật. Đấu tranh công khai, ta huy động nhân dân Pháp tiến bộ và nhất là Việt kiều lên án tội ác chiến tranh của Mỹ. Ngoài công khai, còn có những cuộc tiếp xúc bí mật đi vào thăm dò để giải quyết từng vấn đề. Tổng cộng, hai bên đã có 28 cuộc họp công khai và 12 cuộc họp bí mật cấp phó đoàn”, ông Lâu viết.



Bà Nguyễn Thị Bình, Bộ trưởng Ngoại giao Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam, ký Hiệp định Paris ngày 27.1.1973

Ông Lâu cũng cho biết: “Tôi tham gia chủ yếu ở giai đoạn thứ nhất, giai đoạn thăm dò phía Mỹ. Trong khi thăm dò, tôi có nhiệm vụ thay mặt cho đoàn VNDCCH gặp gỡ riêng với Cyrus Vance, Phó đoàn phụ trách về quân sự. Trong các cuộc gặp riêng, tôi cùng anh Nguyễn Minh Vỹ (Tổng cục trưởng Tổng cục Thông tin lúc bấy giờ, một thành viên đoàn Chính phủ VNDCCH - PV) đấu tranh với Vance và Habib - một tay có vấn đề rất am hiểu Đông Dương. Qua 12 cuộc gặp gỡ bí mật, ta đánh lui dần các lập trường và điều kiện của Mỹ theo đúng chỉ thị của Bộ Chính trị, cuối cùng buộc Mỹ phải tuyên bố ngừng ném bom miền Bắc vô điều kiện vào ngày 31.10.1968”.

Ngoại giao vốn mềm mỏng nhưng rồi thực tế các cuộc ném bom của không quân Mỹ trên miền Bắc đã khiến những nhà ngoại giao Việt Nam phải căng thẳng, gay gắt với phái đoàn Mỹ. Qua hồi ức, ông Hà Văn Lâu nhớ lại, lần thứ nhất, họp riêng hai phó đoàn, Vance đòi ra điều kiện mới đồng ý chấm dứt ném bom. Trong khi đó, ông Hà Văn Lâu yêu cầu Mỹ phải chấm dứt ném bom vô điều kiện.

Lần thứ hai là phiên họp riêng, có cố vấn Lê Đức Thọ - cố vấn đặc biệt của đoàn Chính phủ VNDCCH, Trưởng đoàn Chính phủ VNDCCH Xuân Thủy và ông Hà Văn Lâu. Lần đó, phía VNDCCH không cho phái đoàn Sài Gòn vào họp. Hariman dọa: “Nếu vậy thì chiến tranh còn tiếp tục, bom sẽ lại dội lên đầu các ông”. Nghe vậy, ông Xuân Thủy nổi giận, đập bàn ba lần và nói: “Ông dọa ném bom trở lại à? Chúng tôi sẵn sàng chống lại”. Cố vấn Lê Đức Thọ đầu dúi: “Ông dọa chiến tranh không được đâu. Chúng ta đã đánh nhau nhiều năm rồi, không lạ gì nhau nữa”. Hariman suy nghĩ một hồi và xin rút câu: “Bom sẽ lại dội trên đầu các ông”.

Bom B-52 đã rơi vào cuối năm 1972. Trước đó, trước ngày bầu cử tổng thống Mỹ, ông Lê Đức Thọ đã mang từ trong nước sang “Dự thảo Hiệp định Paris về chấm dứt chiến tranh và lập lại hòa bình ở Việt Nam”. Bà Nguyễn Thị Bình nhớ lại, dự thảo hiệp định lần này, ta chủ động nhấn mạnh vào việc Mỹ phải rút quân hoàn toàn ra khỏi miền Nam, chấm dứt chiến tranh, song nói lỏng yêu cầu vấn đề chính trị ở miền Nam Việt Nam. Đến đầu tháng 10.1972, hai bên

“Hiệp định Paris về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam - Mốc son thắng lợi trên mặt trận ngoại giao thời đại Hồ Chí Minh”

đã thỏa thuận bản một dự thảo và dự định đến ngày 30.10 sẽ ký Hiệp định Paris nhằm chấm dứt chiến tranh...

Ngày 27.1.1973, ngày ký kết Hiệp định Paris, có một ý nghĩa lịch sử to lớn. Đối với mỗi chúng tôi trong đoàn cũng là ngày không thể quên trong cả cuộc đời... Những người yêu hòa bình và công lý trên thế giới đều hồ hởi như chính mình đã chiến thắng.

Bà Nguyễn Thị Bình

Mặc dù vậy, đầu tháng 11.1972, khi Nixon thắng cử tổng thống Mỹ, ông ta liền lật lọng, đòi sửa lại nội dung hiệp định. Và để buộc Việt Nam chấp nhận, ông ta đã tiến hành cuộc không kích tội ác liên tục 12 ngày đêm, từ ngày 18 - 31.12.1972, bằng B-52 xuống Hà Nội, Hải Phòng. “Đây là đòn đánh phản trắc và ác liệt nhất của Mỹ. Ngày 21.12, chúng tôi tuyên bố ngừng đàm phán để phản đối. Đó là những ngày vô cùng căng thẳng”, bà Bình viết.

Những ngày Điện Biên Phủ trên không kết thúc, bà Bình đánh giá: “Mỹ đã cay đắng thấy rằng cả B-52 cũng không thể làm nhụt ý chí của nhân dân ta. Trái lại, ngoài thất bại quân sự, tổn thất nặng nề về B-52, thất bại chính trị của Mỹ còn lớn hơn. Cả thế giới lên án Mỹ. Chính phủ Anh, đồng minh thân cận nhất của Mỹ cũng ra tuyên bố “đáng tiếc” trước hành động này của Mỹ”.



Thường trực Ban Bí thư Võ Văn

**Thưởng tặng hoa cho các thành viên đoàn
đàm phán Hiệp định Paris**

Trên trang nhất mọi tờ báo

Bà Bình viết trong hồi ký: “Ngày 23.1.1973, đồng chí Lê Đức Thọ và Henri Kissinger (có vấn an ninh của tổng thống Mỹ lúc bấy giờ - PV) ký tắt vào văn bản hiệp định và Hiệp định Paris được ký kết. Đòi hỏi dai dẳng từ đầu của Mỹ là “Hai bên cùng rút quân (quân Mỹ và quân miền Bắc), cái gọi là “có đi có lại” đã thất bại. Phải ký Hiệp định hòa bình với Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam, rõ ràng Mỹ không còn con đường nào khác. Chúng ta đã đạt được thắng lợi to lớn, quan trọng, Mỹ phải rút hết đi, còn quân Việt Nam vẫn ở trên đất Việt Nam”.

Bà cũng viết: “Ngày 27.1.1973, ngày ký kết Hiệp định Paris, có một ý nghĩa lịch sử to lớn. Đối với mỗi chúng tôi trong đoàn cũng là ngày không thể quên trong cả cuộc đời... Tất cả các báo trên thế giới đều đưa lên trang nhất sự kiện trọng đại này. Những người yêu hòa bình và công lý trên thế giới đều hồ hởi như chính mình đã chiến thắng. Đêm 26 tháng giêng, trong cả hai đoàn hầu như không ai ngủ, mọi người đều khấn

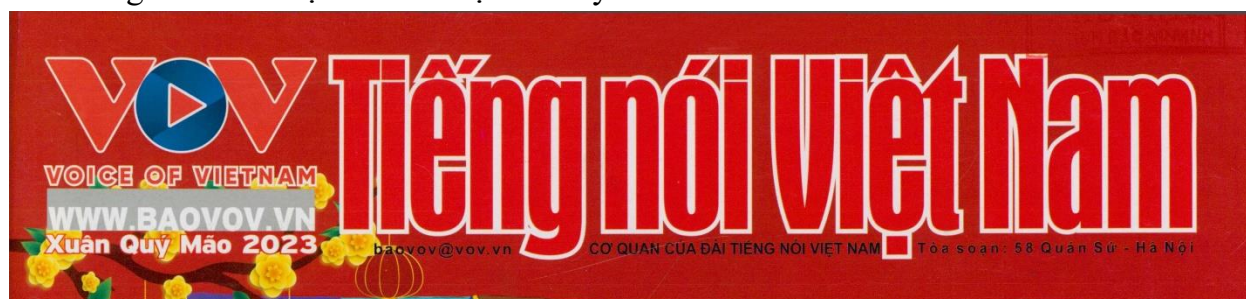
“Hiệp định Paris về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam - Mốc son thắng lợi trên mặt trận ngoại giao thời đại Hồ Chí Minh”

trương chuẩn bị cho công việc sẽ làm trong ngày hôm sau”.

Ông Nguyễn Minh Vỹ cũng viết lại về thời điểm lịch sử này. Ông viết: “Tết thắng lợi ở Paris gắn liền với tết thắng lợi ở Hà Nội. Hai trận thắng trên hai mặt trận quân sự và ngoại giao ở hai thủ đô xa nhau vạn dặm mà gần nhau như tác gang”.

Bà Nguyễn Thị Bình khép lại hồi ức về cuộc đàm phán: “Tôi rời Paris về nước đầu tháng 4.1973. Cuộc tiễn đưa tại sân bay

Bourget (Paris - PV) - cũng đúng nơi hơn bốn năm về trước tôi đã bước chân đến để tham gia Hội nghị Paris về Việt Nam thật xúc động... Tất nhiên niềm vui to lớn hơn cả là về nước với đồng bào, đồng chí. Đồng chí Lê Duẩn, Phạm Văn Đồng chúc mừng chúng tôi đã hoàn thành nhiệm vụ. Và tôi đã lại được trở về với cái tổ ấm nhỏ thân thương nhất của tôi, gặp lại chồng con trong nỗi mừng vui khôn tả”.



TẾT QUÝ SỬU 1973 CÁI TẾT ĐẶC BIỆT Ở HÀ NỘI

Nguyễn Ngọc Tiên

Thăng Long - Hà Nội đã ăn hàng nghìn cái Tết Nguyên đán nhưng hiếm có Tết nào như Tết Quý Sửu 1973. Ngày 27/1/1973 (tức 24 Tết Quý Sửu), Mỹ phải ký Hiệp định Paris với Việt Nam dân chủ cộng hòa, rút quân khỏi Việt Nam. Một cái Tết hòa bình nhiều cảm xúc không thể quên với người Hà Nội.

Tất bật chuẩn bị

Ngày 15/1/1973, Tổng thống Mỹ Nixon tuyên bố ngừng ném bom miền Bắc nhưng những trận bom B52 tàn khốc gây chết chóc từ ngày 18 - 29/12/1972 khiến nhiều gia đình cảnh giác, không tin vào tuyên bố của chính quyền Mỹ nên vẫn ở lại nơi sơ tán nghe ngóng. Tuy nhiên, lác đác cũng có gia đình dắt díu con cái, cha mẹ già trở về Hà Nội.

Ngày 23/1/1973, Hiệp định Paris về chấm dứt chiến tranh ở Việt Nam được ký

tất, hôm đó là ngày 19/12 Âm lịch. 4 ngày sau, ngày 27/1/1973, Hiệp định được ký chính thức. Người Hà Nội, người dân miền Bắc vui mừng khôn tả. Những người chân chừ chưa đưa gia đình ở nơi sơ tán về thành phố nay không còn lý do gì để ở lại. Các tuyến đường về Hà Nội đông đúc bởi ô tô tải, ô tô khách, xe đạp và người đi bộ. Nóc xe khách ngất ngưỡng đồ đạc, xe đạp treo móc, lưng cồng đủ thứ. Có gia đình không mua được vé xe đành tay xách nách mang,

“Hiệp định Paris về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam - Mốc son thắng lợi trên mặt trận ngoại giao thời đại Hồ Chí Minh”

lếch thếch hành quân bộ trong cái rét tê tái và mưa phùn cuối năm.



Hà Nội đón Tết Quý Sửu 1973 khi hậu quả đợt oanh kích B52 vẫn còn hết sức nặng nề.

Để người dân trở về nhanh và đỡ vất vả, Ủy ban hành chính thành phố đã lệnh cho đơn vị vận tải hành khách tăng chuyến, quay vòng, chạy cả đêm và phải chờ cho đến gia đình cuối cùng. Công ty xe điện cũng được lệnh chạy cả đêm để đưa đón khách từ các bến xe ở cửa ô vào nội thành. Thành phố đông đúc, ai ai cũng tươi tắn. Dù Giáp Bát, Phương Liệt, Bệnh viện Bạch Mai, Khâm Thiên, An Dương, Uy Nỗ... và nhiều nơi khác trong thành phố vẫn còn hố bom sâu hoắm, nồng mùi thuốc nổ giết người nhưng không khí chuẩn bị đón Tết lan khắp phố phường.

Ngày 27/1/1973 (tức 24 Tết Quý Sửu), Mỹ ký Hiệp định Paris với Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, rút quân khỏi Việt Nam. Người Hà Nội, người dân miền Bắc vui mừng khôn tả. Đây là cái Tết hòa bình nhiều cảm xúc không thể quên với người Hà Nội.

Ngày 5/8/1964, Mỹ đánh bom miền Bắc, quân và dân hai miền cùng chống Mỹ.

Cả nước có chiến tranh nên sản xuất gặp nhiều khó khăn, hàng hóa thiếu thốn, vì thế, từ năm 1965, các gia đình Hà Nội lo cho cái Tết rất sớm. Trong năm, nhà nhà đã gom góp chút nắm hương, mộc nhĩ, nắm đậu xanh, măng... để Tết có cái làm cỗ. Nhà nước nhận trách nhiệm cung cấp gạo nếp, thực phẩm, lá dong gói bánh chưng, rượu, bánh mứt kẹo... cho nhân dân ăn Tết. Nhưng tháng 4/1972, Mỹ quay lại đánh bom miền Bắc rất ác liệt, vì thế, mọi người lo lắng, không có tâm trạng tích góp cho cái Tết như những năm trước.

Ngày 13/1/1973, ngành thương nghiệp thành phố thông báo bán món hàng Tết đầu tiên là nước mắm. Trẻ con đạp xe vào làng Bình Đà mua pháo nên phố đã có tiếng nổ đì đẹt, xác đồ vương trên hè mà túi hàng Tết với mì chính, miếng bóng bì, bánh pháo, chai rượu, hộp mứt... vẫn chưa bán. Lại còn gạo nếp, đậu xanh, lá dong để gói bánh chưng, thịt lợn... cũng im ắng, ngành thương nghiệp chưa có thông báo thêm. Mọi người sốt ruột chờ đợi. Và ngày 20/1, ngành thương nghiệp thông báo tiếp bán thêm thịt, gạo nếp, bột mì (để làm bánh quy gai, quy xốp). Hà Nội bùng lên niềm vui. Ngày 23/1, ngành thương nghiệp mới thông báo bán túi hàng Tết, lá dong. Ngày 25/1, thông báo bán củi, than để luộc bánh chưng. Thành phố đông đúc, người xe đan nhau, bác lái tàu điện phải nhấn chuông liên tục. Mọi người đổ về các cửa hàng lương thực, thực phẩm, chất đốt, bách hóa xếp hàng. Mua được là mừng, gạo đen hay trắng, nếp ngon hay lẫn hạt chấu vàng cũng tốt. Bách hóa Tổng hợp Tràng Tiền, nơi được gọi là

“Hiệp định Paris về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam - Mốc son thắng lợi trên mặt trận ngoại giao thời đại Hồ Chí Minh”

pháo đài thương nghiệp xã hội chủ nghĩa đông hơn hội. Người mua đường làm bánh, người cố mua cho con tấm áo mới mặc Tết. Đông nhất là người xếp hàng mua túi hàng Tết. Gian dưới, gian trên gác rộng hàng trăm mét mà chật chội. Chưa có Tết nào các cửa hàng bán đến 11, 12 giờ đêm.

Không chỉ các cửa hàng quốc doanh, chợ truyền thống cũng người chen người, xúm xít quanh bà bán su hào, cà rốt, hành củ... Mọi năm, chợ hoa Tết Hàng Lược bắt đầu họp từ 23 tháng Chạp nhưng do dân từ nơi sơ tán về muộn nên chợ họp vào sáng ngày 27/1 (tức 24 Tết) - đúng ngày ký chính thức Hiệp định Paris. Chợ hoa đón vị khách rất đặc biệt, đó là Bí thư thứ nhất Ban chấp hành Trung ương Đảng - Lê Duẩn. Ông tươi cười ngắm nhìn người Hà Nội đi chợ. Thời tiết năm này không thuận, hoa đào không đẹp, nhiều dân chơi cầu kỳ đành quay ra mua lay ơn, thược dược, cúc, hoa bướm... Dù tất bật bao nhiêu việc phải lo toan cho dân ăn Tết nhưng Hà Nội vẫn không quên thể hệ tương lai, ngày 26/1, Sở Giáo dục Hà Nội thông báo “Bắt đầu từ ngày 3 đến ngày 5 Tết, học sinh học ở nơi sơ tán về đăng ký vào các trường nội thành để ăn Tết xong là có thể đi học ngay”. Thành phố náo nhiệt đông đúc chạy đua với thời gian vì Tết. Lâu lắm phố mới thức khuya như vậy.

Tết ở phố Khâm Thiên

Trong 12 ngày đêm cuối năm 1972, nhiều phố nội thành, nhiều làng ngoại ô trúng bom B52, nhà cửa tan tành, người sống khóc người chết hết nước mắt. Nhưng đau thương nhất là Khâm Thiên. Con phố có nhiều di tích lịch sử từ thời Hai Bà

Trung, thời Lý. Con phố nổi tiếng sênh phách trong nửa đầu thế kỷ 20 với các nhà hát ca trù và sán nhẩy đầm. Đêm ngày 26/12/1972, chỉ còn 1 tháng là Tết, phố trúng hàng loạt bom B52. Nhà cửa đổ nát, gạch ngói vỡ đầy đường, bên dãy số lẻ lỗ chỗ hố bom, khung cảnh điêu tàn. Trận bom đã giết chết 278 người cả già và trẻ, 290 người bị thương và 178 trẻ mồ côi, có em mất cả cha mẹ. Cả Hà Nội bàng hoàng. Dân phố đau đớn, trắng khăn tang. Khói hương tỏa ra từ những túp lều tạm bên miệng hố bom. Để các gia đình bị mất nhà có nơi ở và chuẩn bị cho cái Tết sắp đến, bộ đội, tự vệ, thanh niên đã giúp dân dựng lại những nhà bay mái, san lấp hố bom, dọn đường. Bà con 2 tỉnh Hà Tây và Hòa Bình đã ủng hộ tre, nứa, lá chớ về tận Khâm Thiên, lại cử người đến dựng nhà. Giáp Tết, 500 căn nhà tình nghĩa với tổng diện tích 10.000m² đã được trao tặng cho những gia đình mất nhà để họ kịp ăn Tết.

Bom khiến nhiều nhà mất sổ gạo, tem phiếu không còn. Để bà con có gạo ăn, ngành lương thực, thực phẩm Hà Nội nhanh chóng cấp công lệnh mua gạo, cấp tem phiếu thực phẩm, chất đốt. Sinh thời, nhà nghiên cứu văn hóa Giang Quân ở phố Khâm Thiên kể rằng, thành phố khó khăn, thiếu thốn nên tiêu chuẩn ăn Tết của những nơi bị bom, trong đó có Khâm Thiên cũng giống như mọi người trong thành phố. Nhà nào gói được bánh chưng đều chia sẻ cho những nhà không có. Trẻ em mồ côi không còn người thân được các gia đình đón về ăn Tết. Không khí vui mừng vì hòa bình diễn

“Hiệp định Paris về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam - Mốc son thắng lợi trên mặt trận ngoại giao thời đại Hồ Chí Minh”

ra khắp thành phố nhưng Khâm Thiên ăn Tết trong lặng lẽ và nước mắt.



Một điểm bán hàng Tết năm 1973 tại Hà Nội. Ảnh KT

Giao thừa ở Hồ Gươm và tiếng hát vẫn vang lên

Tối 30, trên hè nhiều con phố vẫn đỏ lửa vì nhiều gia đình đang luộc bánh chưng - thứ đặc trưng làm nên cái Tết. Dù vật chất không đủ đầy song Tết Quý Sửu 1973 lại vô cùng ấm áp vì có nhiều hoạt động nghệ thuật. Ngành văn hóa tổ chức thi hoa cảnh tại Công viên Thống Nhất. Ai có chậu quất đẹp, gốc cây đào thế lạ, chậu hải đường hoa đỏ sậm... đều có thể đăng ký tham gia. Ca nhạc ngoài trời diễn ra tại Vườn hoa Chí Linh (nay là Lê Thái Tổ), Bách Thảo, Công viên Thống Nhất. Tại sân khấu Câu lạc bộ Thanh Niên hồ Thuyền Quang, Đoàn Cải lương Thăng Long diễn vở “Mẫu đơn tiên”, ở Câu lạc bộ Lao Động (nay là Công đoàn Thành phố Hà Nội) chiếu phim. Tối mừng 2 Tết, tại Rạp Công nhân, Đoàn Kịch nói Hà Nội diễn vở “Con tôi cả” của tác giả Mỹ Arthur Miller. Đó là quan điểm rất tiến bộ, người Việt Nam chống các chính phủ Mỹ đưa quân xâm lược Việt Nam nhưng quý mến nhân dân Mỹ yêu chuộng hòa bình và coi trọng giá trị các tác phẩm nghệ thuật lớn

dù xuất xứ nó ở đâu. Vô tuyến truyền hình Việt Nam ra đời năm 1970 và thời gian phát sóng rất ngắn nhưng đêm Giao thừa, thành phố đặt 3 chiếc ở nơi công cộng cho dân chúng xem. Một tại Câu lạc bộ Đoàn Kết (cuối phố Cổ Tân), một ở đền Bà Kiệu và một đặt trước cửa Nhà văn hóa Trung ương (16 Lê Thái Tổ). Máy vô tuyến truyền hình đen trắng nhãn hiệu Starfurt của Cộng hòa dân chủ Đức. Truyền hình khi đó quá mới lạ nên công an và dân phòng gác xung quanh, sợ dân chen nhau xem làm vỡ máy.

Tục đón Giao thừa ở Hồ Gươm hình thành từ năm 1960, khi bà con miền Nam tập kết ra Bắc. Sau khi nghe Bác Hồ chúc Tết xong, mọi người đi quanh hồ tìm đồng hương cũng là cho vui bớt nỗi nhớ người thân còn ở miền Nam. Đường phố đông vui mừng cái Tết hòa bình nhưng không ít người mẹ, người vợ Hà Nội lặng lẽ trong nhà, nhớ và lo cho chồng, con đang chiến đấu ngoài mặt trận...

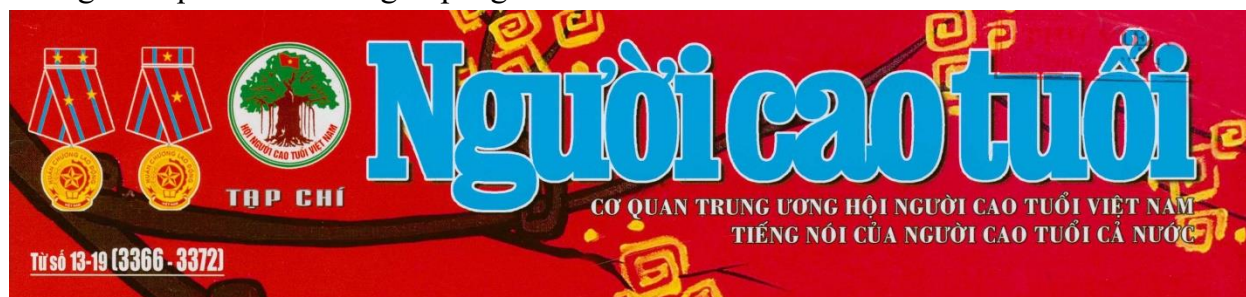
Trung tâm Tết Hà Nội là xung quanh Hồ Gươm. Tục đón Giao thừa ở Hồ Gươm hình thành từ năm 1960, khi bà con miền Nam tập kết ra Bắc. Sau khi nghe Bác Hồ chúc Tết xong, mọi người đi quanh hồ tìm đồng hương cũng là cho vui bớt nỗi nhớ người thân còn ở miền Nam. Người Hà Nội chia sẻ nỗi buồn đã ra phố hòa cùng bà con chơi Giao thừa. 10 giờ đêm, Hồ Gươm đã đông đúc người chờ xem bắn pháo hoa. Và Hồ Gươm còn vui hơn khi mấy chục công nhân Cuba đang giúp Việt Nam xây dựng trại bò giống Ba Vì về Hà Nội chung vui Giao thừa hòa bình. Họ nhảy quanh hồ, và hát “Oăn-ta-ra-mê-ra” - bài hát nổi tiếng thế giới của Cuba. Đường phố đông vui mừng cái Tết hòa bình nhưng không ít người mẹ,

“Hiệp định Paris về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam - Mốc son thắng lợi trên mặt trận ngoại giao thời đại Hồ Chí Minh”

người vợ Hà Nội lặng lẽ trong nhà, nhớ và lo cho chồng, con đang chiến đấu ngoài mặt trận...

Tết Quý Sửu 1973 cách Tết Quý Mão 2023 đúng nửa thế kỷ, một cái Tết không thể quên với những lớp người Hà

Nội. Đất nước Việt Nam trải qua nhiều cuộc chiến tranh chống kẻ thù xâm lược nên trong tâm thức, người Việt luôn phản đối chiến tranh và mong muốn mọi người trên thế giới được sống trong hòa bình./.



DẤU ẤN CỦA ĐỒNG CHÍ XUÂN THỦY TẠI HỘI NGHỊ PARIS

Nguyễn Thị Thọ

50 năm trước đây, vào ngày 27/1/1973, cuộc đàm phán Paris về Việt Nam đã được kí kết, chấm dứt cuộc đàm phán kéo dài đến 5 năm (1968-1973). Thắng lợi của đàm phán Paris và Hiệp định Paris đã buộc quân đội Mỹ rút quân khỏi miền Nam Việt Nam, tạo thế và lực mới thống nhất đất nước. Quá trình đàm phán ở Paris và Hiệp định Paris là chiến thắng của một nền ngoại giao chính nghĩa của Việt Nam, trong đó ghi đậm dấu ấn của đồng chí Xuân Thủy...

Bà Nguyễn Thị Bình, nguyên Bộ trưởng Bộ Ngoại giao chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam tham gia đàm phán tại Paris cho rằng: “Với tài năng và bản lĩnh thể hiện trong công tác vận động quần chúng, đồng chí Xuân Thủy đã phát huy sang lĩnh vực ngoại giao một cách nhuần nhuyễn. Đối với đối phương, đồng chí có thái độ đàng hoàng, tự tin nhưng nội dung đối thoại sắc bén, đập lại những luận điệu xuyên tạc, làm sáng tỏ lập trường chính nghĩa của ta, làm đối phương khó đáp lại, và nhiều khi họ phải chọn cách im lặng”.



Bộ trưởng Ngoại giao Việt Nam Dân chủ Cộng hòa Xuân Thủy, Cố vấn Lê Đức Thọ gặp gỡ phái đoàn ngoại giao Hoa Kỳ tại Hội nghị Paris năm 1973.

Đồng chí Xuân Thủy đã vận dụng sáng tạo sách lược “tuy hai mà một, tuy một mà hai”, phối hợp chặt chẽ giữa hai miền Nam - Bắc trong đàm phán, hướng tới mục tiêu chung là độc lập dân tộc và thống nhất đất nước. Suốt quá trình đàm phán tại Paris,

“Hiệp định Paris về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam - Mốc son thắng lợi trên mặt trận ngoại giao thời đại Hồ Chí Minh”

trong khi Mỹ đã phải 4 lần thay đổi Trưởng đoàn, ông luôn được Đảng và Nhà nước tín nhiệm giao trọng trách Trưởng đoàn từ đầu đến cuối. Đó là những năm tháng làm toát lên trí tuệ và nhân cách Xuân Thủy trong cuộc đấu trí đầy cam go với đối phương. Nền ngoại giao hòa hiếu của dân tộc Việt Nam và tư tưởng ngoại giao Hồ Chí Minh đã được ông tiếp thu hết sức nhuần nhuyễn để đi đến kết quả cao nhất của cuộc đàm phán. Cũng theo bà Nguyễn Thị Bình, trong các cuộc họp “ngày thứ Năm” (tại trung tâm Kleber, nơi diễn ra cuộc đàm phán công khai giữa 4 đoàn ở Hội nghị Paris), trong lúc đoàn Mỹ luôn luôn tránh né sự có mặt của đoàn Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam, thì đoàn Việt Nam Dân chủ Cộng hòa lại ra sức đề cao đại diện của Nhân dân miền Nam. Đặc biệt, “Thường sau mỗi cuộc họp, đồng chí Xuân Thủy đến bắt tay tôi, và có lúc còn đưa cho tôi mấy câu thơ vừa sáng tác trong quá trình họp. Trước một công việc căng thẳng như vậy mà đồng chí còn nghĩ đến thơ, thật là lạ!”.

Có thể nói, trên cương vị là Trưởng Đoàn đại biểu ta tại Hội nghị 4 bên ở Paris, đồng chí Xuân Thủy đã mang tiếng nói của dân tộc, đấu tranh giáp mặt với kẻ thù trên một chiến trường mới. Sức mạnh của chủ nghĩa anh hùng cách mạng, đường lối đúng đắn của Đảng, những thắng lợi dồn dập từ chiến trường dội sang, bạn bè 5 châu cổ vũ, đã tạo cho chúng ta khí thế tiến công áp đảo kẻ thù. Những bài thơ của ông viết trong giai đoạn này luôn thấm sâu và toát lên tinh thần đó: “Ta truy địch đến cùng đường bí

lối/ Từ mỗi sớm ra đi, lại chiều về chói lọi/ Lá cờ ta lồng lộng hiên ngang/ Cờ Bắc Nam rực rỡ sao vàng” (Xuân muôn dặm). “Lá cờ ta lồng lộng hiên ngang”. Đây là một hình ảnh đẹp. Một hình ảnh làm ông xúc động nhiều nhất. Vì thế hình ảnh lá cờ đỏ sao vàng được miêu tả rất đẹp qua nhiều trang thơ: “Cờ đỏ sao vàng tới Ép-phen/ Tháp cao vun vút gió bay lên/ Con mưa vừa tạnh mây tan hết/ Nắng ánh cờ ta rực bốn bên” (Lên Ép-phen). Và cũng từ đây, như đề cho cuộc đàm phán đi đến kết quả cuối cùng có lợi cho phái đoàn ta, cả miền Nam đang quật cường nỗ lực: “Tiếng súng miền Nam dậy đất trời/ Vĩnh Linh, Thanh Hóa vẫn bom roi/ “Trung tâm quốc tế” lời đánh thép/ Giặc Mỹ, ta đang hỏi tội người!”. Cuối tháng 12/1972, khi nghe tin quân và dân ta thắng lớn trận “Điện Biên Phủ trên không” trên bầu trời Hà Nội, và những lần xuống nước của Mỹ trên bàn đàm phán. Trưởng đoàn Xuân Thủy bật ngay ý thơ: “Vật lộn hôm nay thắng một keo/ Anh hùng Nam Bắc biết bao nhiêu/ Ngoài trời sương lạnh trong lòng ấm/ Hón hờ vui chung đĩa bánh xèo”. Bánh xèo là do chị em Đoàn miền Nam làm để thết đãi cố vấn Lê Đức Thọ và Trưởng đoàn Xuân Thủy khi nghe tin 2 miền Nam-Bắc đang có những chiến công vang dội rất có lợi cho ta trên bàn Hội nghị.

Với những “đường thơ, nét kiếm” của Trưởng đoàn Xuân Thủy trong quá trình đàm phán, đồng chí Trường Chinh cũng đã gửi đến Paris những vần thơ vừa mang tính động viên, vừa mang tính định hướng: “Mỗi tuần một trận đấu gay go/ Mấy tháng chưa xong một ván cờ/ Nắm vững

“Hiệp định Paris về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam - Mốc son thắng lợi trên mặt trận ngoại giao thời đại Hồ Chí Minh”

phương châm giành thắng lợi/ Ung dung anh dũng đạo vườn thơ”. Ngày 27/1/1973, Hiệp định Paris về Việt Nam được kí kết, trong niềm vui lớn đó, Trường đoàn Xuân Thủy đã “xuất khẩu thành thơ”: “Xuân bảy ba đậm đà thắng lợi/ Xuân bay lên phơi phới trời xanh/ Chào Việt Nam, Tổ quốc quang vinh!/ Chào chiến sĩ, Chào Nhân dân! Chào tình bốn biển!/ .../ Hăm bảy tháng Giêng ngày mừng chữ kí/ Giữa Pa-ri lộng lẫy sắc cờ ta/ Những kiêu bào khuôn mặt nở đầy hoa/ Khắp bạn bè hướng về ta hơn hờ”.

Bà Tôn Nữ Thị Ninh, nguyên Phó Chủ nhiệm Ủy ban Đối ngoại của Quốc hội, thành viên Đoàn đàm phán Hiệp định Paris nhớ lại: “Paris những năm ấy rất đặc biệt. Khi đó, phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới đang ở đỉnh cao. Bầu không khí quốc tế rất sôi động. “Việt Nam” là khẩu hiệu tiêu biểu nhất của phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới nói chung và tại Paris nói riêng”.

Có thể nói, để có được thắng lợi trên bàn đàm phán đó, ngoài phong thái ung dung, trí tuệ trong đàm phán, Trường đoàn Xuân Thủy còn khéo léo tranh thủ Liên Xô và Trung Quốc (lúc đó đang có mâu thuẫn với nhau). Trước và sau những diễn biến quan trọng của cuộc đàm phán, ông đều thông báo tình hình cho các bạn, nghe ý kiến các bạn nhưng vẫn giữ vững tính độc lập tự chủ của mình. Ngoài ra, trong quá trình đàm phán, Trường đoàn Xuân Thủy luôn có một cách nói chuyện phù hợp và phương cách giao tiếp riêng với từng đối tượng. Trong suốt thời gian sống tại Paris, ông luôn dành được tình cảm, sự quý mến

của bạn bè, kiêu bào, nhiều người Pháp và các lãnh đạo của Đảng Cộng sản Pháp. Một điểm gây ấn tượng khác của Trường đoàn Xuân Thủy đó là sự điềm tĩnh đến kì lạ trong bất kì hoàn cảnh nào. Trong những ngày tháng khó khăn của Hội nghị Paris, ông luôn giữ được thái độ bình tĩnh, dù ban ngày căng thẳng với các cuộc họp, nhưng buổi tối ông vẫn dành thời gian chơi cờ với anh em trong đoàn.

Hai năm sau, kể từ mùa Xuân bảy ba đậm đà thắng lợi trên bàn Hội nghị ở Paris, toàn Đảng, toàn quân và toàn dân ta đã làm nên chiến thắng mùa Xuân năm 1975, thực hiện trọn vẹn lời dạy của Bác kính yêu “Đánh cho Mỹ cút, đánh cho ngụy nhào”, đồng chí Xuân Thủy xúc động nhả tiếng tơ lòng: “Ta đã đi và ta đã tới/ Ta đã đi từ con đường Hồ Chí Minh băng ngàn vượt suối/ Ta đã tới thành phố Hồ Chí Minh chói lợi sao vàng/ Đây ngụy quân giờ tay lũ lượt ra hàng/ Đây anh Giải phóng cười xe tăng thẳng vào Dinh Độc lập/ Đây những mảnh vải ba que tả tơi rơi mặt đất/ Đây rừng cờ cách mạng phơi phới phát trời cao/ Rất rõ ràng mà ai đó ngỡ chiêm bao/ Vui sướng quá đến tuôn trào nước mắt” (Việt Nam toàn thắng). Hai năm sau nữa (năm 1977), Đoàn đại biểu Chính phủ ta cùng với lá cờ đỏ sao vàng đã hiên ngang tiến vào trụ sở Liên hợp quốc trong tiếng hoan hô của bè bạn 5 châu: “Cờ ta đó/ Đang bay giữa lâu đài Liên hiệp quốc/ Đang bay giữa đô thành Nữ Uớc/ Đại biểu một trăm mười ba nước chăm chú nhìn lên/ Đại biểu Hoa Kỳ cũng đứng thẳng trang nghiêm.../ Ôi đỏ rực, chói vàng, lá cờ ta bách thắng/ Ta đã hôn Người,

“Hiệp định Paris về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam - Mốc son thắng lợi trên mặt trận ngoại giao thời đại Hồ Chí Minh”

từ buổi ra quân mấy lần mưa nắng!/ Hỡi bay cao! Bay cao!/ Một ngày nào bay tới các vì sao!” (Lá cờ ta) ...

Nửa thế kỉ đã trôi qua, nhưng những dấu ấn sâu đậm của đồng chí Xuân Thủy tại Hội nghị Paris vẫn còn đó. Đúng như lời nhận xét của Chủ tịch nước Nguyễn Xuân Phúc về đồng chí Xuân Thủy rằng: “Tên tuổi của ông gắn liền với quá trình đàm phán sôi động, đầy cam go của Hội nghị

Paris về Việt Nam từ năm 1968-1973, được bạn bè quốc tế vinh danh là Bộ trưởng với nụ cười chiến thắng”. Đại tướng Võ Nguyên Giáp viết về ông như sau: “Anh là một nhà ngoại giao nổi tiếng nửa cuối thế kỉ 20. Anh là một chính khách Việt Nam, một nhà hoạt động xã hội Việt Nam có tên tuổi trên chính trường quốc tế từ những năm 50 của thế kỉ qua”...



“SÚ GIẢ HÒA BÌNH” TRÊN BÀN ĐÀM PHÁN HIỆP ĐỊNH PARIS

Trung Thu (Theo BNG, AFP, hồi ký “Gia đình, bạn bè, đất nước)

Cả thế giới ngưỡng mộ ý chí kiên định, sự mềm dẻo, nhạy bén của nhà ngoại giao Nguyễn Thị Bình trong quá trình đàm phán Hiệp định Paris chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam.



Bà Nguyễn Thị Bình trả lời phỏng vấn của các nhà báo

Mốc son lịch sử

Cách đây 50 năm, ngày 27/1/1973, Hiệp định về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam (gọi tắt là Hiệp định Paris) được ký kết, đánh dấu bước ngoặt quan trọng trong sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta. Ngoài tên tuổi của những nhà ngoại giao như Lê Đức Thọ, Xuân Thủy thì bà Nguyễn Thị Bình, nữ Bộ trưởng Ngoại giao đầu tiên của Việt Nam,

Trưởng đoàn đàm phán của Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam tại Hội nghị Paris năm ấy, vẫn được nhắc đến với lòng ngưỡng mộ.

Trong cuốn hồi ký “Gia đình, bạn bè và đất nước”, bà Nguyễn Thị Bình gọi ngoại giao là một mặt trận đặc biệt của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, một nhiệm vụ nặng nề, “một trang rất quan trọng trong cuộc đời hoạt động của tôi”. Sự kiện

“Hiệp định Paris về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam - Mốc son thắng lợi trên mặt trận ngoại giao thời đại Hồ Chí Minh”

bà Nguyễn Thị Bình nhận trách nhiệm Bộ trưởng Bộ Ngoại giao, Trưởng đoàn đàm phán của Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam tại Hội nghị Paris gây ra "cơn bão" với giới truyền thông quốc tế. Báo chí đã sẵn lòng hình ảnh và tiểu sử của người phụ nữ trưởng đoàn "Việt Cộng".



Quang cảnh Lễ ký Hiệp định Paris ngày 27/1/1973 tại Trung tâm các Hội nghị quốc tế ở thủ đô Paris (Pháp)

Những năm tháng tham gia đàm phán ở Hội nghị Paris, hình ảnh "Madam Bình" theo cách gọi của giới truyền thông vẫn luôn gây ấn tượng mạnh với báo chí phương Tây bởi những lời phát biểu đầy thuyết phục, thông minh, lúc rắn rỏi, khi dí dỏm làm cho thế giới nể trọng, nhân dân nức lòng. Theo nữ nhà báo Pháp Madeleine Riffaud, mọi chính khách đều nhận xét: "Việt Cộng đã thắng lớn qua cuộc đón tiếp Madam Bình ở Paris. Bà Bình như bà hoàng, được đón như quốc trưởng, đủ nghi thức chính quy, lại được hoan nghênh nhiệt liệt. Bà Bình đã làm chấn động dư luận Paris và thế giới. Cờ Mặt trận đã tung bay ở Paris. Rất tuyệt! Thật hiếm có!".

Hiệp định Paris đã trải qua 201 phiên họp công khai, 45 cuộc họp riêng cấp cao, 500 cuộc họp báo, 1.000 cuộc phỏng vấn và

đã có hàng nghìn cuộc mít tinh chống chiến tranh, ủng hộ Việt Nam. Cứ vào thứ Năm hàng tuần, người dân Paris lại chứng kiến "Madam Bình" với phong thái lịch lãm, sang trọng, trong bộ áo dài truyền thống Việt Nam tới Nhà Hội nghị Quốc tế để tổ chức họp báo, trả lời phỏng vấn, tham dự các hội nghị quốc tế với tư cách Bộ trưởng Ngoại giao. Bà kể, có những cuộc họp báo quốc tế tới 400 nhà báo, hoặc có lần truyền hình trực tiếp, bà phải trả lời phỏng vấn (bằng tiếng Pháp) với hàng chục phóng viên Pháp, Mỹ. Một mình giữa các nhà báo sừng sỏ, dưới ánh đèn sáng chói, bà đã bình tĩnh đối đáp, mạnh mẽ nhưng hòa nhã, nêu rõ thiện chí muốn tìm giải pháp chính trị chấm dứt chiến tranh. Hãng tin Pháp AFP mô tả: "Madam Bình mặc áo dài truyền thống của Việt Nam bằng lụa vân màu xanh lá cây, trông rất thoải mái. Đôi lúc Madam Bình nở nụ cười làm khuôn mặt càng rạng rỡ, trả lời các nhà báo rõ ràng, khúc chiết, làm cho người ta có cảm giác đứng trước một quý bà đầy bản lĩnh, đầy tự tin".



Bà Nguyễn Thị Bình ký Hiệp định Paris ngày 27/1/1973

Nhà thương lượng tài ba

Suốt nhiều năm gắn bó với công tác ngoại giao, bà gọi công việc đó là ngoại

“Hiệp định Paris về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam - Mốc son thắng lợi trên mặt trận ngoại giao thời đại Hồ Chí Minh”

giao nhân dân. Nghĩa là, con người đến với con người, trái tim đến với trái tim. Bà đưa bạn bè về với dân tộc. Bạn bè của bà thuộc nhiều màu da, nhiều giai cấp, nhiều ngành nghề, từ người dân thường đến các nguyên thủ quốc gia thuộc nhiều chế độ chính trị khác nhau. Bà đi khắp các châu lục tuyên truyền, vận động, tranh thủ sự ủng hộ của cộng đồng quốc tế cho sự nghiệp đấu tranh vì chính nghĩa của nhân dân Việt Nam, chuẩn bị thông tin để đưa ra những đòn tấn công ngoại giao sắc bén cho cuộc đàm phán... Những lý lẽ đanh thép nhưng có tình, có lý đã tỏa đi khắp các nước, trong dư luận quốc tế, qua báo chí, các phương tiện truyền thông, khơi dậy tình cảm mến phục của mọi người đối với một dân tộc nhỏ, dám đứng lên chống lại nước lớn để bảo vệ quyền được sống trong độc lập và tự do.



Bà Nguyễn Thị Bình trả lời phỏng vấn của các nhà báo

Hội nghị Paris về chấm dứt chiến tranh ở Việt Nam là cuộc đàm phán ngoại giao dài nhất trong lịch sử quá trình đàm phán thế giới với 4 năm 8 tháng 16 ngày. Bà đã tạo ấn tượng khi thể hiện là người có thể kết hợp "cương - nhu". Những đề nghị cứng rắn và phong cách ngoại giao sắc sảo của

người phụ nữ duy nhất trên bàn đàm phán đã thu hút sự chú ý của dư luận phương Tây. Trên bàn đàm phán, mọi người đều nhận thấy Nguyễn Thị Bình là một người phụ nữ mềm mại nhưng khéo léo và đầy bản lĩnh.

Trong cuộc đấu tranh hết sức quyết liệt giữa một nước nhỏ chống lại một đế quốc, mà đứng đầu phái đoàn là một người phụ nữ vừa gây sự chú ý, vừa tranh thủ được thiện cảm của dư luận thế giới, rõ ràng tạo thêm thuận lợi cho hoạt động đối ngoại, như lời nhận xét của bà sau này: "Nếu mình là phụ nữ biết ứng xử khôn khéo thì người ta cũng dễ có tình cảm hơn, sẽ nghe những điều mình muốn nói về lập trường của mình".

Khi nói về cuộc sống tình cảm riêng, bà Nguyễn Thị Bình khẳng định: "Tôi là người hạnh phúc", vì "đã lấy được người mình yêu". Cả mấy cái Tết, bà đều không có mặt bên cạnh chồng con, mà phải ăn Tết ở xứ người. Mỗi khi nhớ chồng con, bà chỉ biết lặng lẽ kim nén lòng mình... Người phụ nữ ấy đã tự nhủ: "Hoạt động cách mạng tốt là thương các con nhỏ". Làm sao mà không nhớ, không thương bởi khi bà đi, người con lớn của bà mới 8 tuổi, còn con nhỏ mới 4 tuổi, cái tuổi đang rất cần vòng tay chăm sóc, yêu thương của người mẹ. Vì nhiệm vụ, vì trách nhiệm với đất nước, bà đã phải gửi các con cho người thân nuôi dưỡng.

Thời đó, điều kiện vật chất rất khó khăn. Bà Nguyễn Thị Bình đã chia sẻ trong hồi ký: "Chúng tôi sống rất đạm bạc. Có những nhà báo muốn quay phim cảnh sinh hoạt, ăn ở của trưởng đoàn "Việt Cộng",

“Hiệp định Paris về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam - Mốc son thắng lợi trên mặt trận ngoại giao thời đại Hồ Chí Minh”

chúng tôi kiên quyết từ chối, lấy lý do phong tục Việt Nam không cho phép đưa công khai sinh hoạt riêng tư của phụ nữ. Thực tế là chúng tôi khó lòng cho họ xem chỗ ở của tôi và Bình Thanh (Phạm Thanh Vân), trên gác thượng sát mái, chỉ có hai cái giường sắt như ở bệnh viện. Có nhà báo tò mò hỏi tôi đi may áo dài ở đâu, làm tóc ở đâu, chăm sóc sắc đẹp ở đâu, tôi tìm cách đối đáp cho qua chuyện...".

"Tôi được thay mặt nhân dân miền Nam ký vào một văn kiện lịch sử. Kết quả của Hiệp định là bao nhiêu xương máu của

đồng bào, đồng chí. Lúc ấy, tôi nghĩ đến những người thân quen đã đi xa không được chứng kiến những giờ phút lịch sử này... Xúc động trào nước mắt. Cảm xúc ấy đi cùng tôi suốt cuộc đời" - trích hồi ký "Gia đình, bạn bè và đất nước" của bà Nguyễn Thị Bình, nguyên Phó Chủ tịch nước, nữ Bộ trưởng Ngoại giao đầu tiên của Việt Nam, Trưởng đoàn đàm phán của Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam tại Hội nghị Paris

“Hiệp định Paris về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam - Mốc son thắng lợi trên mặt trận ngoại giao thời đại Hồ Chí Minh”

PHẦN 3: THƯ MỤC SÁCH VỀ HIỆP ĐỊNH PARIS 1973

01/. **Tội ác và di hại** : Tội ác Mỹ - Ngụy sau Hiệp định Pa-ri / Cao Thanh. - H. : Quân đội nhân dân, 1976. - 83tr; 19cm

Tóm tắt: Giới thiệu những mưu toan của Mỹ - Ngụy phá hoại Hiệp định Paris năm 1973, cuộc chiến tranh xâm lược, những tội ác man rợ và tàn bạo đối với nhân dân ta, cái giá mà Mỹ phải trả sau ngày giải phóng

▪ Từ khóa: **CHIẾN TRANH VIỆT NAM | TỘI ÁC CHIẾN TRANH | HOA KÌ | NGUY QUYỀN SÀI GÒN**

▪ Ký hiệu phân loại: **364.138 / T452A**

▪ **PHÒNG ĐỌC TH**

- Còn trong kho: **DVV.012502; DVV.012503**

02/. **Trại Davít Sài Gòn mùa xuân năm 1973** : Ghi chép về hoạt động của phái đoàn quân sự Việt nam Dân chủ Cộng hòa thi hành Hiệp định Paris / Trần Duy Hình. - H. : Lao động, 2006. - 441tr; 19cm

Tóm tắt: Ghi chép về hoạt động của phái đoàn quân sự Việt Nam Dân chủ Cộng hòa thi hành Hiệp định Paris giữa trung tâm Sài Gòn qua 60 ngày đêm đấu tranh ngoại giao gian khổ và hào hùng

▪ Từ khóa: **VĂN HỌC HIỆN ĐẠI | VIỆT NAM | GHI CHÉP | NHẬT KÍ**

▪ Ký hiệu phân loại: **895.92283403 / TR103Đ**

▪ **PHÒNG ĐỌC TH**

- Còn trong kho: **DVV.016822**

▪ **PHÒNG MƯỢN**

- Còn trong kho: **MVV.016063**

03/. **Chiến dịch Hồ Chí Minh giữa lòng Paris** / Võ Văn Sung. - Xuất bản lần thứ 2. - H. : Quân đội nhân dân, 2012. - 167tr; 21cm

Tóm tắt: Miêu tả những hoạt động ngoại giao dồn dập trong thời gian từ sau khi Hiệp định Paris được kí kết tháng 1 năm 1973 đến khi nước nhà thống nhất.

▪ Từ khóa: **LỊCH SỬ VIỆT NAM | NGOẠI GIAO | CHIẾN DỊCH HỒ CHÍ MINH**

▪ Ký hiệu phân loại: **959.7043 / CH305D**

▪ **PHÒNG ĐỌC TH**

- Còn trong kho: **DVL.014180**

▪ **PHÒNG MƯỢN**

- Còn trong kho: **MVL.015289; MVL.015290; MVL.015291**

▪ **PHÒNG TỰ CHỌN**

- Còn trong kho: **LC.028156; LC.028157; LC.028158; LC.028159**

04/. **Hiệp định Paris về Việt Nam năm 1973 qua tài liệu của chính quyền Sài Gòn** / Biên soạn: Nguyễn Xuân Hoài chủ biên, Phạm Thị Huệ, Hà Kim Phương. - H. : Chính trị Quốc gia, 2012. - 24cm

“Hiệp định Paris về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam - Mốc son thắng lợi trên mặt trận ngoại giao thời đại Hồ Chí Minh”

ĐTTS ghi: Cục Văn thư và Lưu trữ Nhà nước. Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II

T.1 : Đánh và đàm. - 388tr.

Tóm tắt: Những tài liệu gốc của chính quyền Sài Gòn liên quan đến quá trình đàm phán, ký kết và thực hiện Hiệp định Paris về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam.

▪ Từ khóa: **HIỆP ĐỊNH PARIS | KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ | LỊCH SỬ HIỆN ĐẠI**

▪ Ký hiệu phân loại: **959.7043 / H307Đ**

▪ **PHÒNG ĐỌC TH**

- Còn trong kho: **DVL.020484**

05/. **Hiệp định Paris - 40 năm nhìn lại** / Nhiều tác giả. - H. : Quân đội nhân dân, 2013. - 499tr; 21cm

Tóm tắt: Giới thiệu một số bài nghiên cứu của các nhà khoa học, bài phỏng vấn và trích hồi ký của các vị lãnh đạo Đảng, Nhà nước đề cập đến quá trình đàm phán và ký hiệp định Paris năm 1973

▪ Từ khóa: **LỊCH SỬ HIỆN ĐẠI | VIỆT NAM | KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ | HIỆP ĐỊNH PARIS**

▪ Ký hiệu phân loại: **959.7043 / H308Đ**

▪ **PHÒNG ĐỌC TH**

- Còn trong kho: **DVL.015327**

▪ **PHÒNG MƯỢN**

- Còn trong kho: **MVL.017167; MVL.017168; MVL.017169**

▪ **PHÒNG TỰ CHỌN**

- Còn trong kho: **LC.029768; LC.029769; LC.029770; LC.029771**

06/. **Sự cáo chung của chế độ Việt Nam cộng hoà** / Nguyễn Huy Thục. - Tái bản lần 1. - H. : Công an nhân dân, 2015. - 367tr.; 21cm. - (40 năm đại thắng mùa xuân 1975 - 2015)

Tóm tắt: Kể lại các sự kiện lịch sử bắt đầu từ Hội nghị Paris năm 1972, khi đế quốc Mỹ, khi đó buộc phải ký vào hiệp định cam kết chấm dứt chiến tranh, rút toàn bộ quân Mỹ và đồng minh ra khỏi miền Nam Việt Nam.

▪ Từ khóa: **KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ | TỔNG TIẾN CÔNG MÙA XUÂN 1975 | LỊCH SỬ HIỆN ĐẠI | VIỆT NAM**

▪ Ký hiệu phân loại: **959.7043 / S550C**

▪ **PHÒNG ĐỌC TH**

- Còn trong kho: **DVL.017372**

▪ **PHÒNG MƯỢN**

- Còn trong kho: **MVL.018916; MVL.018917**

07/. **Sài Gòn - Có một thời như thế** : Ghi chép tản mạn 1954 - 1975 kỷ niệm Sài Gòn - Thành phố Hồ Chí Minh 320 năm (1698 - 2018) / Nguyễn Hữu Thái. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2018. - 363tr.; 24cm

“Hiệp định Paris về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam - Mốc son thắng lợi trên mặt trận ngoại giao thời đại Hồ Chí Minh”

Tóm tắt: Giới thiệu những sự kiện lịch sử Sài Gòn thời Ngô Đình Diệm (1954 - 1963), Sài Gòn những năm xáo trộn (1964 - 1972) và tình hình Sài Gòn sau Hiệp định Paris (1973 - 1975) mà tác giả đã tham gia, chứng kiến và ghi chép lại

▪ Từ khóa: **LỊCH SỬ | TP. HỒ CHÍ MINH | VIỆT NAM**

▪ Ký hiệu phân loại: **959.77904 / S103G**

▪ **PHÒNG ĐỌC TH**

- Còn trong kho: **DVL.024876**

▪ **PHÒNG MƯỢN**

- Còn trong kho: **MVL.026572; MVL.026573**

▪ **PHÒNG TỰ CHỌN**

- Còn trong kho: **LC.041510; LC.041511**

08/. Cuộc đàm phán Pari về Việt Nam (1968 - 1973) / Nguyễn Thành Lê. - Xuất bản lần thứ hai có sửa chữa, bổ sung. - H. : Chính trị Quốc gia, 2018. - 317tr.; 21cm

Tóm tắt: Giới thiệu về cuộc đấu tranh tại bàn đàm phán đòi Mỹ chấm dứt ném bom và các hành động chống Việt Nam dân chủ cộng hoà, hội nghị bốn bên và hiệp định Paris về chấm dứt chiến tranh lập lại hoà bình ở Việt Nam.

▪ Từ khóa: **LỊCH SỬ HIỆN ĐẠI | 1968-1973 | VIỆT NAM | HIỆP ĐỊNH PARIS | HÒA BÌNH**

▪ Ký hiệu phân loại: **959.7043 / C514Đ**

▪ **PHÒNG ĐỌC TH**

- Còn trong kho: **DVL.023628**

▪ **PHÒNG MƯỢN**

- Còn trong kho: **MVL.025386; MVL.025387**

▪ **PHÒNG TỰ CHỌN**

- Còn trong kho: **LC.039235; LC.039236**

09/. Tiếp xúc bí mật Việt Nam - Hoa Kỳ trước Hội nghị Pari : Sách tham khảo / Đồng chủ biên: Lưu Văn Lợi, Nguyễn Anh Vũ. - H. : Chính trị Quốc gia, 2018. - 411tr.; 21cm

Tóm tắt: Giới thiệu những tư liệu lịch sử về các cuộc tiếp xúc của Hồ Chủ tịch, Phạm Văn Đồng và nhiều cán bộ ngoại giao Việt Nam cùng cuộc vận động ngoại giao của tổng thống Mỹ Giôn-xon khi chiến tranh Việt Nam đã nổ ra và bế tắc.

▪ Từ khóa: **QUAN HỆ NGOẠI GIAO | VIỆT NAM | HOA KỲ | HIỆP ĐỊNH PARIS**

▪ Ký hiệu phân loại: **959.7043 / T307X**

▪ **PHÒNG ĐỌC TH**

- Còn trong kho: **DVL.023629**

▪ **PHÒNG MƯỢN**

- Còn trong kho: **MVL.025388; MVL.025389**

▪ **PHÒNG TỰ CHỌN**

- Còn trong kho: **LC.039237; LC.039238**

“Hiệp định Paris về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam - Mốc son thắng lợi trên mặt trận ngoại giao thời đại Hồ Chí Minh”

10/. Hiệp định Paris về Việt Nam năm 1973 - Thắng lợi của đàm phán hòa bình gay go nhất thế kỷ XX / Phạm Hồng Cư, Vũ Dương Ninh, Hà Đăng... ; Vũ Thiên Bình s.t., tuyển chọn. - H. : Lao động, 2018. - 400tr; 27cm

Tóm tắt: Giới thiệu một số hình ảnh về cuộc đàm phán Hiệp định Paris về Việt Nam năm 1973; hiệp định về chấm dứt chiến tranh, lập lại hoà bình ở Việt Nam và các nghị định thư quy định cách thức thi hành Hiệp định Paris về Việt Nam năm 1973; đường lối của Đảng về cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước và hiệp định về chấm dứt chiến tranh lập lại hoà bình ở Việt Nam...

▪ Từ khóa: **LỊCH SỬ HIỆN ĐẠI | VIỆT NAM | KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ | HIỆP ĐỊNH PARIS**

▪ Ký hiệu phân loại: **959.7043 / H308Đ**

▪ **PHÒNG ĐỌC TH**

- Còn trong kho: **DVL.023215**

▪ **PHÒNG MƯỢN**

- Còn trong kho: **MVL.024722**